GIỚI THIỆU SÁCH GA-LA-TI

DẪN NHẬP

A. Sách Ga-la-ti là một trong những sự bày tỏ rõ ràng nhất của chân lý tự do, mới mẻ cấp tiến: sự cứu rỗi chỉ bởi ân điển bằng đức tin. Nó thường được gọi là "Bản Tuyên Ngôn Tự Do (Magna Carta) của Cơ-Đốc-Giáo."

B. Lá thư này khơi dậy sự bùng cháy của phong trào Cải Chánh Tin Lành.
   1. Martin Luther đã tuyên bố "Sách Ga-la-ti là lá thư của tôi. Tôi đính ước với nó, nó như là vợ tôi vậy."
   2. John Wesley tìm thấy sự bình an vững bền từ bài giảng trong sách Ga-la-ti.
   3. Trong quyển *Study Guide Commentary* của mình ở trang 11, Curtis Vaughan viết "chỉ có một vài quyển sách đạt đến tầm mức ảnh hưởng sâu sắc hơn cho tâm trí con người, tác động mạnh mẽ làm thay đổi dòng chảy lịch sử của nhân loại hay vẫn còn tiếp tục truyền đạt một cách thích ứng cho những nhu cầu sâu thẳm của cuộc sống hiện đại."

C. Lá thư này chủ đích hướng về giáo lý có lẽ là lá thư đầu tiên của Phao-lô, tiền thân của thư Rô-ma cùng với sự khai triển giáo lý sự xưng công bình bằng đức tin, tách biệt khỏi sự chú trọng tuân giữ Luật Pháp của Do Thái Giáo:
   1. Sự cứu rỗi không thể tìm được bởi sự kết hợp Luật Pháp và Ân điển.
   2. Sự cứu rỗi phải được tìm thấy hoặc ở trong Luật Pháp hoặc ở trong Ân điển (không thể cả hai cùng lúc).
   3. Trở nên giống như Đấng Christ sẽ theo sau sự cải đạo chân thật.
   4. Cẩn trọng với chủ nghĩa luật pháp trong Cơ-Đốc-Giáo.

D. Sự cứu rỗi hoàn toàn miễn phí này, chỉ bởi ân điển bằng đức tin mà thôi, cực kỳ cần thiết trong thời đại của chúng ta bởi vì có sự tái hiện, sức cuốn hút quỷ quyệt của ý thức tôn giáo hướng về chính mình, trông cậy nơi việc làm trong chúng ta. Trong mọi thời đại, chân lý căn bản về tình thương vô điều kiện, xả thân, khởi đầu của Đức Chúa Trời để làm trung gian hoà giải qua sự ăn năn và đức tin hạ mình của con người đều bị thách thức. Không phải các giáo sư giả chối bỏ vị trí trọng tâm của Đấng Christ trong sự cứu rỗi, nhưng họ thêm nhiều thứ vào Ngài. Không phải chúng ta đã thêm cái gì, mà bất cứ cái gì chúng ta cũng đều thêm vào.

TÁC GIẢ

Quyền tác giả của Phao-lô trong lá thư này chưa bao giờ bị nghi vấn, nó hình thành một cột trụ chính trong những tác phẩm của Phao-lô. Sách Ga-la-ti có tính chất cá nhân riêng tư và tự truyện. Nó đầy cảm xúc nhưng cũng lý luận rất chính xác.

THỜI ĐIỂM VÀ NHỮNG NGƯỜI NHẬN THƯ

A. Có hai khía cạnh thuộc về bối cảnh cần phải được cân nhắc trong mối tương quan lẫn nhau, bởi vì có hai giả thuyết trái ngược nhau trong việc nhận dạng đối tượng nhận thư khiến thay đổi thời điểm xuất hiện của lá thư. Cả hai giả thuyết này đều có lập luận thuyết phục và đều bị giới hạn về bằng chứng Thánh kinh.

B. Hai giả thuyết
   1. Giả thuyết theo truyền thống được hoàn toàn tán đồng cho đến tận thế kỷ thứ mười tám.

a. Nó được gọi là giả thuyết "Ga-la-ti Miền Bắc"
b. Giả thuyết này cho rằng tên gọi Ga-la-ti là nói về nhóm người Ga-la-ti ở vùng cao nguyên Trung Bắc của Thổ Nhĩ Kỳ (xem I Phi-e-rơ 1:1). Nhóm người Ga-la-ti này có tổ tiên là người Celts (tiếng Hy lạp là *Keltoi*, tiếng Latin là *Gall*) đã xâm chiếm vùng đất này vào khoảng thế kỷ thứ ba trước Chúa. Họ được gọi là "Gallo-Graecians" để phân biệt với những chi tộc ở phía tây Châu Âu. Họ bị vua Pergamum Attalus I chinh phục năm 230 trước Chúa. Tầm ảnh hưởng của nhóm người này giới hạn trong khu vực trung bắc vùng Tiểu Á hay là Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay.
c. Nếu giả sử nhóm người này là đối tượng nhận thư thì thời điểm của lá thư sẽ là vào khoảng những năm 50 sau Chúa trong chuyến truyền giáo thứ hai hoặc thứ ba của Phao-lô. Những bạn đồng hành với Phao-lô sẽ là Si-la và Ti-mô-thê.
d. Một số người cho rằng căn bệnh mà Phao-lô đề cập trong Ga-la-ti 4:13 là sốt rét. Do đó, theo họ Phao-lô đã di chuyển lên vùng cao nguyên phía bắc để tránh vùng đất thấp, đầm lầy, lao sậy dễ gây bệnh sốt rét.

2. Giả thuyết thứ hai được Sir Wm. M. Ramsay đề xướng trong quyển *St. Paul the Traveler and Roman Citizen*, New York: G. P. Putnam's Sons, 1896.
a. Trong khi giả thuyết truyền thống định nghĩa tên gọi Ga-la-ti là một nhóm người, một sắc tộc; thì giả thuyết này cho rằng nó là đơn vị hành chính của chính quyền La mã. Phao-lô dường như thường hay sử dụng tên gọi của những tỉnh trong đế quốc La mã (xem I Cô-rinh-tô 16:19; II Cô-rinh-tô 1:1; 8:1) Tỉnh "Ga-la-ti" trong đế quốc La mã là vùng đất lớn hơn và bao gồm luôn cả khu vực của nhóm người "Ga-la-ti". Những chi tộc người Celts nầy ủng hộ đế quốc La mã từ rất sớm và được "trả ơn" với nhiều quyền tự trị, tự quản và thẩm quyền cai trị trên một lãnh thổ rộng lớn. Nếu đơn vị hành chính rộng lớn này chính là "Ga-la-ti" thì có thể là trong chuyến truyền giáo đầu tiên Phao-lô đã đến những thành phố nằm ở phía nam cũng là địa điểm của những Hội thánh cùng tên như An-ti-ốt trong xứ Bi-si-đi, Ly-trơ, Đẹt-bơ và Y-cô-ni theo như Công-vụ 13-14.
b. Nếu dựa theo giả thuyết "miền nam" này thì thời điểm của sách Ga-la-ti sẽ rất sớm, ngay trước khi Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem cũng đề cập đến chủ đề giống như sách Ga-la-ti. Giáo hội nghị xảy ra vào khoảng năm 48-49 sau Chúa, lá thơ Ga-la-ti có thể được viết trong khoảng thời gian này. Nếu đúng như vậy thì Ga-la-ti là thư tín đầu tiên của Phao-lô trong Tân ước.
c. Một số bằng chứng khác của giả thuyết "Ga-la-ti Miền Nam"
(1) Tên những bạn đồng hành với Phao-lô không được đề cập, ngoại trừ Ba-na-ba được nhắc đến ba lần (xem 2:1,9,13). Chi tiết này phù hợp với chuyến truyền giáo thứ nhất của Phao-lô.
(2) Có cho biết Tít không phải cắt bì (xem 2:1-5). Chi tiết này chỉ thích hợp với giai đoạn trước Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15.
(3) Việc nhắc đến Phi-e-rơ (xem 2:11-14) và vấn nạn trong việc thông công với người ngoại bang cũng chỉ thích hợp trước Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem.
(4) Khi tiền cứu trợ gởi đến Giê-ru-sa-lem, một vài người bạn đồng hành với Phao-lô từ nhiều vùng khác nhau được liệt kê (xem Công-vụ 20:4). Tuy nhiên, không có ai từ vùng bắc xứ Ga-la-ti, mặc dù chúng ta biết rằng những Hội thánh "sắc tộc" Ga-la-ti có dự phần trong sự cứu trợ (xem I Cô-rinh-tô 16:1).

Để có sự trình bày chi tiết những lập luận khác nhau liên quan đến hai giả thuyết này, xin tham khảo sách giải kinh chuyên môn. Mỗi giả thuyết đều có những điểm chính xác. Tại thời điểm này, vẫn chưa có sự nhất trí, nhưng giả thuyết "Ga-la-ti Miền Nam" dường như thích hợp với các sự kiện, chi tiết hơn.

C. Mối liên hệ giữa thư tín Ga-la-ti và sách Công-vụ
1. Phao-lô viếng thăm Giê-ru-sa-lem năm lần đều được Lu-ca ghi lại trong sách Công-vụ
a. 9:26-30, sau khi Phao-lô cải đạo

   b. 11:30; 12:25, khi chuyển quà cứu trợ của các Hội thánh ngoại bang
   c. 15:1-30, dự Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem
   d. 18:22, trong chuyến thăm viếng ngắn
   e. 21:15ff, trong một cơ hội trình bày về công tác giữa vòng người ngoại bang.
2. Có hai chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem được ghi trong sách Ga-la-ti:
   a. 1:18, sau ba năm
   b. 2:1, sau mười bốn năm
3. Chắc hẳn là Công-vụ 9:26 có liên hệ với Ga-la-ti 1:18. Công-vụ 11:30 và 15:1ff là những khung cảnh của những chuyến đi không được ghi lại nhưng lại có đề cập trong Ga-la-ti 2:1.
4. Có vài sự khác biệt giữa Công-vụ 15 và Ga-la-ti 2, sự khác biệt này có thể là vì:
   a. Khác biệt quan điểm
   b. Mục đích khác nhau giữa Lu-ca và Phao-lô
   c. Ga-la-ti 2 có thể là đã xảy ra lúc nào đó trước khi cuộc hội nghị được mô tả trong Công-vụ 15 nhưng có liên hệ đến hội nghị đó.

D. Trình tự (phỏng đoán) những tác phẩm của Phao-lô theo F. F. Bruce và Murry Harris với một ít điều chỉnh.

	Sách (Thư)	**Thời điểm viết**	**Địa điểm viết**	**Liên hệ với sách Công-vụ**
1.	Ga-la-ti	năm 48	An-ti-ốt (xứ Sy-ri)	14:28; 15:2
2.	I Tê-sa-lô-ni-ca	năm 50	Cô-rinh-tô	18:5
3.	II Tê-sa-lô-ni-ca	năm 50	Cô-rinh-tô	
4.	I Cô-rinh-tô	năm 55	Ê-phê-sô	19:20
5.	II Cô-rinh-tô	năm 56	Ma-xê-đoan	20:2
6.	Rô-ma	năm 57	Cô-rinh-tô	20:3
7-10.	Các thư tín trong tù			
	Cô-lô-se	đầu những năm 60	Rô-ma	
	Ê-phê-sô	đầu những năm 60	Rô-ma	
	Phi-lê-môn	đầu những năm 60	Rô-ma	
	Phi-líp	cuối năm 62-63	Rô-ma	28:30-31
11-13.	Chuyến truyền giáo thứ tư			
	I Ti-mô-thê	năm 63 hay trễ hơn nhưng trước năm 68	Ma-xê-đoan	
	Tít	năm 63 hay trễ hơn nhưng trước năm 68	Ê-phê-sô(?)	
	II Ti-mô-thê	năm 64 hay trễ hơn nhưng trước năm 68	Rô-ma	

MỤC ĐÍCH CỦA THƯ

A. Phao-lô đề cập đến ba điểm khác biệt cần phải lưu ý trong sứ điệp của những giáo sư giả. Những người theo tà giáo này thường được gọi là "những người chủ trương Do Thái hoá" bởi vì họ tin rằng

phải trở thành người Do thái trước rồi mới có thể trở thành Cơ-Đốc Nhân (xem 6:12). Những điều mà Phao-lô quan tâm có liên quan đến những cáo buộc của nhóm người này:

1. Phao-lô không phải là một Sứ-đồ thật sự giống như Mười hai Sứ đồ (xem Công-vụ 1:21-22); do đó ông ở dưới thẩm quyền của Mười hai Sứ đồ hay là ít nhất thẩm quyền của Hội thánh mẹ tại Giê-ru-sa-lem.
2. Sứ điệp của Phao-lô khác với sứ điệp của họ, vì vậy sứ điệp của ông sai trật. Điều này dường như liên hệ đến khái niệm "sự xưng công bình bằng đức tin tách khỏi Luật Pháp." Các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem vẫn còn rất "Do thái" trong đời sống cá nhân.
3. Một thành phần của chủ nghĩa tự do đã hiện diện trong một số những Hội thánh này (xem 5:18-6:8). Làm thế nào để lý giải chính xác điều này thì vẫn còn phải bàn cãi. Trong lá thư của Phao-lô, một số người thấy có hai nhóm người được nhắm đến: những người chủ trương Do Thái hoá và Trí tuệ phái (Gnostics) (xem 4:8-11). Tuy nhiên, dường như những câu này liên hệ với tập tục thờ phượng ngoại giáo. Những người Do thái bận tâm về lối sống của người ngoại bang vì vậy Ân điển hoàn toàn miễn phí mà Phao-lô trình bày có liên hệ như thế nào đến việc thờ hình tượng của ngoại giáo và cách sống phóng túng của những người tin theo?

B. Trong phương diện giáo lý, lá thư này rất giống với lá thư Phao-lô gởi cho người Rô-ma. Hai sách (thư) này chứa đựng những giáo lý chính mà Phao-lô lặp lại và khai triển cho những bối cảnh khác nhau.

DÀN Ý TÓM LƯỢC

A. Phần mở đầu, 1:1-10
   1. Giới thiệu sách tổng quát
   2. Thời điểm viết sách

B. Phao-lô binh vực cho chức Sứ đồ của mình, 1:11-2:14

C. Phao-lô binh vực những lẽ thật về giáo lý trong Phúc âm ông trình bày, 2:15-4:20

D. Phao-lô binh vực những áp dụng thực tiễn của Phúc âm, 5:1-6:10

E. Tóm tắt cá nhân và kết luận, 6:11-18

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN THỨ NHẤT (xem trang vi)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc toàn bộ sách này một lần. Viết ra chủ đề trọng tâm của cả sách theo lời riêng của bạn.

1. Chủ đề của toàn bộ sách

2. Thể loại văn chương

CHU KỲ ĐỌC KINH THÁNH LẦN HAI (xem trang vi-vii)

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc lại toàn bộ sách này lần thứ hai trong một lần đọc. Lập dàn ý các chủ đề chính và viết một câu để diễn tả mỗi chủ đề.

1. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị ngữ văn thứ tư
5. Vân vân…

GA-LA-TI ĐOẠN 1

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI*

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	JB
Lời thăm hỏi	Chào mừng	Lời thăm hỏi	Lời thăm hỏi	Lời thăm hỏi
1:1-5	1:1-5	1:1-5	1:1-2	1:1-5
			1:3	
			1:4-5	
Không có Tin Lành nào khác	Chỉ có một Phúc Âm	Sự bội đạo của người Ga-la-ti	Phúc Âm duy nhất	Lời cảnh báo
1:6-9	1:6-10	1:6-10	1:6-9	1:6-10
1:10			1:10	
Phao-lô đã trở thành Sứ đồ như thế nào	Sự kêu gọi vào chức vụ Sứ đồ	Sự xác minh của Phao-lô về quyền Sứ đồ của mình	Phao-lô đã trở thành Sứ đồ như thế nào	Sự kêu gọi của Chúa
1:11-12	1:11-17	1:11-12	1:11-12	1:11-24
1:13-17		1:13-17	1:13-14	
			1:15-19	
	Liên lạc tại Giê-ru-sa-lem			
1:18-24	1:18-24	1:18-24	1:20	
			1:21-24	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

---

* Mặc dù không được linh cảm, việc phân đoạn và câu là chìa khóa để hiểu và theo dõi ý tưởng nguyên thủy của tác giả. Mỗi bản dịch hiện đại đều có phần phân đoạn và tóm tắt đoạn. Hiển nhiên, câu 1-5, 6-10, 11-17, và 18-24 là những đơn vị tư tưởng (những phân đoạn). Mỗi đoạn có một chủ đề, một lẽ thật, một ý tưởng trọng tâm. Mỗi bản dịch có cách chia đoạn đặc biệt riêng của nó để cô đọng lại các chủ đề này. Khi đọc một bản văn, hãy tự hỏi chính mình là bản dịch nào giúp bạn nắm được chủ đề qua lối chia đoạn và câu của nó.

Lưu ý cấu trúc của bản TEV câu 1-5 chia thành ba đề tài hay là chủ đề trong khi các bản dịch khác chỉ là một. Cần lưu ý trong câu 6-10, cách bản dịch UBS[4] và TEV chuyển câu 10 thành một ý độc lập. Những câu tóm tắt cũng khác biệt: UBS[4], NKJV, và TEV trình bày như thể là ám chỉ đến "Phúc Âm"; nhưng bản NRSV và JB lại hiểu phân đoạn như là "lời cảnh báo" liên hệ đến tà giáo.

Ở mỗi đoạn, chúng ta phải đọc Kinh thánh trước và tìm cách xác định các chủ đề (phân đoạn) của nó, sau đó so sánh sự hiểu biết này với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách theo dõi lý luận và cách trình bày của họ, thì chúng ta mới thật sự hiểu được Kinh thánh. Chỉ có tác giả nguyên thủy được linh cảm- người đọc không có quyền thay đổi hay bổ sung vào sứ điệp. Tuy nhiên, những người đọc Kinh thánh có trách nhiệm áp dụng những lẽ thật được linh cảm này vào cuộc sống hằng ngày của họ.

Lưu ý rằng tất cả các thuật ngữ và những chữ viết tắt đều được giải thích rõ ràng trong Phụ lục một, hai, và ba.

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Câu 1-5, phần mở đầu của thơ gởi người Ga-la-ti, đơn giản chỉ là một câu trong tiếng Hy lạp.

B. Không có lời cảm tạ Phao-lô thường sử dụng (xem Rô-ma, I và II Cô-rinh-tô, Ê-phê-sô, Phi-líp, Cô-lô-se, I và II Tê-sa-lô-ni-ca). Chi tiết này phản ảnh sự căng thẳng giữa Phao-lô và những Hội thánh được đề cập.

C. Câu 6-10 thiết lập chủ đề thần học cho cả sách. Có thể nói rằng những câu này chứa đựng tất cả những yếu tố thần học được phát triển sau đó.

D. Ga-la-ti 1:11-2:21 thành lập nên một phần tiểu sử khi Phao-lô bênh vực cho chức vụ Sứ đồ của mình và cùng với đó là Phúc âm ông rao giảng. Khúc Kinh thánh này rất giống với II Cô-rinh-tô 10-13.

E. Ga-la-ti 1:11-2:21 được chia thành những phần như sau:
   1. Phao-lô không lệ thuộc vào các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem, 1:11-24.
   2. Phao-lô được Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem thừa nhận, 2:1-10.
   3. Một ví dụ về sự bình đẳng của Phao-lô, 2:11-21.

F. Phần chính của lá thư chứa đựng trong 1:11-6:10. Nó có thể chia thành những phần như sau:
   1. Phao-lô bênh vực chức vụ Sứ đồ của mình, 1:11-2:14.
   2. Phao-lô bênh vực lẽ thật tín lý trong Phúc Âm mà ông rao giảng, 2:15-4:20.
   3. Phao-lô bênh vực cho những gì được chứa đựng trong Phúc Âm của ông, 5:1-6:10.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 1:1-5
1 Phao-lô, làm sứ đồ, chẳng phải bởi loài người, cũng không nhờ một người nào, bèn là bởi Đức Chúa Jêsus Christ và Đức Chúa Trời, tức là Cha, Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại, 2 cùng hết thảy anh em ở với tôi, gởi cho các Hội thánh ở xứ Ga-la-ti: 3 nguyền xin anh em được ân điển và sự bình an ban cho bởi Đức Chúa Jêsus Christ, là Chúa chúng ta, 4 là Đấng phó mình vì tội lỗi chúng ta, hầu cho cứu chúng ta khỏi đời ác nầy, y theo ý muốn Đức Chúa Trời, là Cha chúng ta, 5 nguyền Ngài được vinh hiển đời đời vô cùng! A-men.

1:1 "Phao-lô" Sau-lơ người Tạt-sơ được gọi là Phao-lô lần đầu tiên trong Công-vụ 13:9. Chắc hẳn là đa số người Do thái ly hương có một tên Do thái và một tên Hy lạp. Nếu đúng như vậy, thì tên Sau-lơ là do cha mẹ ông đặt cho ông, nhưng còn tại sao tên "Phao-lô" lại thình lình xuất hiện trong Công-vụ 13? Có thể là (1) những người khác bắt đầu gọi ông bằng tên này hay là (2) ông bắt đầu tự đề cập đến mình là "nhỏ" hay là "thấp hèn". Tên Hy lạp, *Paulos* có nghĩa là "nhỏ". Có vài giả thuyết tìm cách lý giải về nguồn gốc của tên Hy lạp của Phao-lô: (1) theo lời truyền khẩu từ thế kỷ thứ hai cho rằng Phao-lô thấp, mập, hói đầu, chân vòng kiềng, chân mày đậm và mắt lồi có lẽ là nguồn gốc của tên gọi này dựa theo một sách không được kinh điển xuất xứ từ Tê-sa-lô-ni-ca có tên *Phao-lô và Thekla*, hoặc là (2) từ những khúc Kinh thánh Phao-lô gọi chính mình là "kẻ thấp hèn nhất trong các thánh đồ" bởi vì ông đã bắt bớ Hội thánh trong Công-vụ 9:1-2 (xem I Cô-rinh-tô 15:9; Ê-phê-sô 3:8; I Ti-mô-thê 1:15). Một số người xem "sự thấp hèn" này chính là nguồn gốc của danh hiệu Phao-lô tự chọn. Tuy nhiên, trong một sách như Ga-la-ti, nơi Phao-lô nhấn mạnh tính độc lập và bình đẳng với mười hai Sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem, đây là điều dường như không thể xảy ra (xem II Cô-rinh-tô 11:5; 12:11; 15:10).

▣ **"sứ đồ"** "Sứ-đồ" xuất phát từ động từ Hy lạp "sai đi" (*apostellō*). Đức Chúa Giê-su chọn mười hai người trong các môn đồ của Ngài ở với Ngài theo một ý nghĩa đặc biệt và gọi họ là "các Sứ-đồ" (xem Lu-ca 6:13). Danh từ này thường được dùng để chỉ Đức Chúa Giê-su được Đức Chúa Cha sai phái (xem Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24, 30, 36, 37, 38; 6:29, 38, 39, 40, 57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3, 8, 18, 21, 23, 25; 20:21). Theo các nguồn tài liệu từ tiếng Do thái, chữ này được dùng để chỉ một người được sai phái như là một đại diện chính thức cho một ai đó, tương tự như là "đại sứ".

Phao-lô khẳng định chức sứ đồ của mình trong tất cả những lá thư của ông ngoại trừ Phi-líp, I và II Tê-sa-lô-ni-ca và Phi-lê-môn. Phân đoạn giới thiệu này là một trong những sự khẳng định mạnh mẽ nhất trong các lá thư của Phao-lô về chức sứ đồ của ông, vì hoàn cảnh tại các Hội thánh này nơi các giáo sư giả cố gắng bác bỏ Phúc Âm mà Phao-lô rao giảng bằng cách tấn công cá nhân ông.



NASB **"không được gởi từ con người hay là đại diện con người"**
NKJV **"không từ con người hay là bởi con người"**
NRSV **"không được gởi bởi sự sai phái hay là thẩm quyền con người"**
TEV **"không đến từ con người hay là các cách thức của con người"**
JB **"không lệ thuộc vào thẩm quyền hay là sự bổ nhiệm của con người"**

Chi tiết này nhấn mạnh một trong những trọng tâm của Phao-lô là chức Sứ đồ của ông đến từ Thần linh chứ không phải có nguồn gốc từ con người. Các giáo sư giả có thể viện dẫn rằng Phao-lô đã nhận lãnh Phúc Âm từ: (1) mười hai Sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 9:19-22); hay là (2) từ Hội thánh mẹ, nhưng sau đó đã khôn khéo thay đổi Phúc Âm mà ông đã nhận lãnh. Liên hệ đến điều này thì Phao-lô phải bênh vực chính mình, bởi vì chính Phúc Âm chứ không phải chức vị hay là danh dự của ông bị tấn công (xem II Cô-rinh-tô 10-13).

▣ **"bèn là bởi Đức Chúa Jêsus Christ và Đức Chúa Trời, tức là Cha"** Lưu ý sự khẳng định mạnh dạn của Phao-lô rằng ông đã nhận lãnh sự khải thị và nội dung Phúc Âm từ chính Đức Chúa Giê-su (xem 1:17). Mặc dù Phao-lô không phù hợp so với tiêu chuẩn của chức Sứ đồ trong Công-vụ 1:21-22, ông tin rằng ông được Chúa kêu gọi để thi hành công tác cụ thể này (Sứ-đồ cho dân ngoại).

"Giê-su" có nghĩa là *Đức Giê-hô-va* giải cứu (xem Ma-thi-ơ 1:21). Trong Tân ước, khi từ này chỉ sử dụng riêng một mình, nó nhấn mạnh đến nhân tính của Đức Chúa Giê-su (xem Ê-phê-sô 4:21). "Christ" là tương đương với chữ Do thái *Mết-si-a* hay là Đấng Được Xức Dầu, nhấn mạnh đến lời hứa trong Cựu Ước về một Đấng sắp đến được linh cảm, được kêu gọi cách đặc biệt đem đến Thời Đại Mới của sự công chính.

"Giê-su Christ" và "Đức Chúa Cha" được liên kết bởi một GIỚI TỪ (PREPOSITION) là cách mà tác giả Tân Ước dùng để khẳng quyết thần tánh đầy trọn của Đấng Christ; chi tiết này xuất hiện trong cả câu 1 và câu 3 (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 1:1; 3:11; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:2,12; 2:16).

Đức Chúa Trời là Cha, không có nghĩa về giới tính, thế hệ hay là xuất hiện trước theo trình tự; nhưng chỉ quyền lãnh đạo, mối liên hệ giữa những cá nhân với nhau trong gia đình Do thái.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cựu Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời: Đó là hình ảnh người Cha: (1) Quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17); (2) ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký thì hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31); trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là "con cái của Ngài" và Chúa được gọi là "Cha của các ngươi"; (4) hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và (5) hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jêsus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ "Cha" xuất hiện trong tiếng Hy lạp *Pater* thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như "Ba" hay "Cha" cho thấy sự thân mật của Chúa Jêsus với Đức Chúa Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ riêng mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ "Cha" chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó thường xuyên và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ (xem Ma-thi-ơ 6:9).

Cần phải ghi nhớ rằng "Cha" là một ẩn dụ về gia đình chứ không có nghĩa chỉ thế hệ hay là hiện diện từ trước. Không có lúc nào mà Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh lại không hiệp một. Xem chủ đề đặc biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi trong Ga-la-ti 4:4.

▣ **"Đấng đã khiến Ngài từ kẻ chết sống lại"** Phao-lô nhấn mạnh rằng chính Đức Chúa Cha là Đấng đã đem Đức Chúa Giê-su khỏi sự chết. Cả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con đã ban cho ông Phúc Âm. Phao-lô có thể tuyên bố rằng ông đã được kêu gọi bởi Chúa Phục Sinh trong khi mười hai Sứ đồ tại Giê-ru-sa-lem thì được kêu gọi khi Đức Chúa Giê-su vẫn còn tại thế, nhưng điểm này có thể là diễn giải quá xa khỏi cụm từ.

Trong đa số các phân đoạn Kinh thánh đều cho biết chính Đức Chúa Cha đem Đức Chúa Giê-su khỏi sự chết và bởi đó ban cho Đức Chúa Giê-su sự chứng nhận thiên thượng cho chức vụ của Ngài (xem II Cô-rinh-tô 4:14; Công-vụ 2:24; 3:15; 10:40; Rô-ma 6:4; I Phi-e-rơ 1:21). Trong Rô-ma 8:17 cho biết Đức Thánh Linh là Đấng đem Đức Chúa Giê-su lên khỏi sự chết. Tuy nhiên, trong Giăng 10:17-18, Đức Chúa Con quả quyết rằng chính Ngài đã hy sinh chính mạng sống mình và sau đó nhận lại sự sống một lần nữa (sống lại). Các chi tiết này bày tỏ sự linh động huyền nhiệm giữa công tác của những thân vị của Đức Chúa Trời Ba Ngôi.

1:2 "cùng hết thảy anh em ở với tôi" Thật là tiếc cho những người học Kinh thánh ngày nay vì Phao-lô không kể tên những người bạn đồng hành với ông, vì điều này có thể giúp xác nhận một trong hai giả thuyết liên quan đến đối tượng nhận thư. Giả thuyết Miền Bắc Ga-la-ti tập trung vào sắc tộc Ga-la-ti trong khi giả thuyết Miền Nam Ga-la-ti thì chú trọng vào tỉnh hành chính Ga-la-ti của đế quốc La mã. Phao-lô không đề cập bạn đồng hành của ông là Ba-na-ba (chuyến truyền giáo thứ nhất) hay là Ti-mô-thê và Si-la (chuyến truyền giáo thứ hai). Tên "Ba-na-ba" có xuất hiện ba lần trong sách Ga-la-ti ám chỉ về chuyến truyền giáo thứ nhất và bởi đó, ám chỉ thời điểm xuất hiện sớm.

Phao-lô dùng chữ "anh em" thường xuyên trong thư này (xem 3:15; 4:12; 5:11; 6:18), có lẽ bởi vì sứ điệp của ông cho những Hội thánh này rất nghiêm khắc, công khai lên án thậm chí đến mức tranh đấu. Ngoài ra, Phao-lô thường hay giới thiệu chủ đề mới với chữ "các anh em".

▣ **"gởi cho các Hội thánh ở xứ Ga-la-ti"** Một lần nữa, địa điểm chính xác của những Hội thánh này vẫn không xác định. Một số người quả quyết rằng vị trí ở Miền Bắc Ga-la-ti (xem I Phi-e-rơ 1:1), và xác định thời điểm của thư tín này khoảng giữa những năm 50 sau Chúa. Công-vụ 26:6 và 18:23 được giải nghĩa như là bằng chứng Phao-lô đã giảng đạo tại khu vực này. Một số người khác lý giải rằng Ga-la-ti là một tỉnh của đế quốc La mã, bao trùm một vùng rộng lớn hơn khu vực được đề cập trong Công-vụ 13-14 và do đó ám chỉ đến chuyến truyền giáo thứ nhất của Phao-lô và Ba-na-ba. Điều này xác định thời điểm của thư Ga-la-ti vào khoảng cuối những năm 40 sau Chúa, có trước chớ không cùng lúc với Giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15.

1:3 "nguyền xin anh em được ân điển và sự bình an" Lời chào thăm thông thường trong thể loại thư từ của người Hy lạp là chữ *charein*. Phao-lô có điểm đặc trưng là hay đổi chữ *charein* này với một đặc ngữ Cơ-Đốc-Giáo phát âm tương tự là *charis* có nghĩa là ân điển. Có nhiều người cho rằng Phao-lô đã liên kết lời chào thăm có nghĩa "ân điển" trong tiếng Hy lạp với lời chào "bình an" [*shalom*] trong tiếng Do thái. Mặc dù đây là một giả thuyết hấp dẫn, nhưng có lẽ nó đã giảng giải quá nhiều về cụm từ giới thiệu thông thường trong những thư tín của Phao-lô. Về phương diện thần học, có điểm thú vị cần phải lưu ý là ân điển có trước sự bình an.

▣ **"Chúa"** chữ Hy lạp *kurios* có nghĩa tương tự với chữ Do thái *adon*. Cả hai đều được dùng theo nghĩa "ngài", "chúa", "chủ", "chồng" hay là "Chúa" (xem Sáng-thế Ký 24:9; Xuất Ê-díp-tô Ký 21:4; II Sa-mu-ên 2:7; and Ma-thi-ơ 6:24; Giăng 4:11; 9:36). Tuy nhiên, nó cũng ám chỉ đến Đức Chúa Giê-su như là Đấng được Đức Chúa Trời sai phái, Đấng Mết-si-a (xem Giăng 9:38).

Cách sử dụng chữ này trong Cựu Ước (*adon*) đến từ thái độ lưỡng lự của người Do thái khi phải xưng đến danh hiệu Đức Chúa Trời trong giao ước, Đức Giê-hô-va, là dạng NGUYÊN NHÂN (CAUSATIVE FORM) của động từ "thì, là" trong tiếng Do thái (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 3:14). Họ sợ phạm phải điều răn, "Ngươi chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời mà làm chơi" (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 20:7, Phục-truyền Luật-lệ Ký 5:11). Họ cho rằng khi họ không phát âm chữ này, thì họ không thể phạm điều răn. Do đó, người Do thái thay thế bằng chữ Do thái *adonai*, có ý nghĩa tương tự giống như chữ *Kurios* (Chúa) trong tiếng Hy lạp. Các tác giả Tân Ước, sử dụng chữ này để mô tả thần tính đầy trọn của Đấng Christ. Cụm từ "Đức Chúa Giê-su là Chúa" là sự xưng nhận đức tin công khai và nghi thức báp-tem của Hội thánh ban đầu (xem Rô-ma 10:9-14).

1:4 Chuỗi những cụm từ này làm sáng tỏ ba khía cạnh chính trong sứ điệp phúc âm của Phao-lô. Phao-lô mở rộng phần giới thiệu để bày tỏ ba điểm quan trọng nhất của công tác và con người Giê-su ở Na-xa-rét. Ba điểm chính này là: (1) sự chết thay của Ngài cho chúng ta (xem Rô-ma 4:25; 5:6,8; I Cô-rinh-tô 15:3; II Cô-rinh-tô 5:14,21); (2) cụm từ chỉ sự khai mở thời đại mới của đấng Mết-si-a ở THỂ ĐỘNG TỪ TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE VERBAL FORM) có nghĩa là "Ngài, chính Ngài, chỉ trong một lần dứt khoát đã đem chúng ta ra khỏi thời kỳ giai ác này. "Gian ác" được đặt ở VỊ TRÍ NHẤN MẠNH (EMPHATIC POSITION) chuyển tải ý "đời gian ác, vô thần" này (xem Giăng 12:31; II Cô-rinh-tô 4:4; Ê-phê-sô 2:2-7). Khái niệm của người Do thái về hai thời kỳ: thời kỳ gian ác trong hiện tại và thời kỳ sắp đến do Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời đem lại có trình bày trong Ma-thi-ơ 12:32; 13:39; 28:20 và những khúc Kinh thánh khác trong Tân Ước. Dù rằng Đức Chúa Giê-su đã mở ra thời đại mới, nhưng thời đại mới đó vẫn chưa được làm trọn; và (3) Chức vụ của Ngài là vâng phục theo chương trình của Đức Chúa Trời. Ngài đã đến trần gian để chết (xem Sáng-thế Ký 3:15; Ê-sai 53:4,10; Mác 10:45; Giăng 3:16; Công-vụ 2:22-23; 4:27-28; II Ti-mô-thê 1:9; I Phi-e-rơ 1:20 và Khải-huyền 13:8).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý; tuy nhiên họ cũng đã thấy một ngày mới (Ê-sai

65:17; 66:22). Cùng với sự liên tục khước từ Đức Giê-hô-va một cách cố ý của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), thì có một khuynh hướng mới phát triển trong thể loại văn chương tận thế của người Do Thái xuất hiện trong thời kỳ giữa hai giao ước (như các sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các tác phẩm này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi đấng Mết-si-a (thường là một chiến binh dũng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thế học), thì có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là "sự mặc khải tiệm tiến" (progressive revelation). Tân ước có khẳng định về thế giới mới có thật trong hai thời kỳ này (thuyết nhị nguyên thời gian) (temporal dualism):

Chúa Jêsus	Phao-lô	Thư Hê-bơ-rơ
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước, hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lắp nhau bởi vì những lời tiên báo về hai lần đến của đấng Mết-si-a không được trông chờ và cũng không được chú ý đầy đủ. Sự nhập thể của Chúa Jêsus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự khởi đầu của thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng bày tỏ Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng Ngài đã đến lần đầu tiên như là một người Đầy tớ Khốn khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ trở lại với quyền phép theo như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự hoàn thành theo hai giai đoạn này khiến Vương quốc của Ngài đã hiện diện (được đăng quang), nhưng sẽ còn đến trong tương lai (chưa hoàn toàn đầy trọn). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm đã, nhưng chưa!

1:5 "nguyền Ngài được vinh hiển đời đời vô cùng" Thông thường trong những tác phẩm của Phao-lô, lời chúc tụng Chúa được chia nhỏ xen vào văn mạch bởi vì sự oai nghi của Đức Chúa Trời. Thường thì những đại từ trong các tác phẩm của Phao-lô không rõ ám chỉ cho chủ từ hay là danh từ nào. Trong đa số các trường hợp này, các ĐẠI TỪ SỐ ÍT GIỐNG ĐỰC (MASCULINE SINGULAR PRONOUNS) chỉ về Đức Chúa Cha.

▣ **"vinh hiển"** Trong Cựu Ước, chữ Do thái thông thường nhất chỉ sự vinh hiển là (*kabod*) có nguồn gốc là một từ thương mại, đề cập đến việc sử dụng một cái cân, nó mang ý nghĩa "nặng" hay là "có trọng lượng". Nguồn gốc này bày tỏ ý nghĩa có trọng lượng, có giá trị. Thông thường thì khái niệm sự sáng, vinh quang (*Shekinah* đám mây vinh quang xuất hiện cùng với dân sự trong thời kỳ lưu lạc nơi đồng vắng) được kết hợp chung với chữ bày tỏ sự oai nghi của Đức Chúa Trời. Chỉ có Ngài là xứng đáng và đáng tôn quý. Chúa quá rạng ngời cho nhân loại sa ngã chiêm ngưỡng. Chỉ qua Đấng Christ thì con người mới có thể thực sự biết Đức Chúa Trời (xem Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3).

Chữ "vinh hiển" có vẻ hơi mơ hồ: (1) nó có thể tương tự như sự công chính của Đức Chúa Trời; (2) nó có thể ám chỉ đến sự thánh khiết hay là hoàn hảo của Đức Chúa Trời; (3) nó cũng có thể ám chỉ đến ảnh tượng của Đức Chúa Trời đã dựng nên con người (xem Sáng-thế Ký 1:26-27; 5:1; 9:6) mà sau đó đã bị hư hoại bởi sự nổi loạn của con người (xem Sáng-thế Ký 3:1-22).

▣ **"A-men"** đây là biến thể của chữ "đức tin" tiếng Do thái trong Cựu Ước (*emeth*, xem Ha-ba-cúc 2:4). Từ nguyên của chữ này là "vững vàng" hay là "chắc chắn". Tuy nhiên, sự thay đổi ẩn ý của chữ này được thừa nhận (xem II Cô-rinh-tô 1:20): được dùng theo cách hình bóng chỉ một ai đó trung tín, trung thành, đáng tin cậy (xem Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 102-106).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ 'AMEN'

I. CỰU ƯỚC

A. Chữ "Amen" lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là lẽ thật (*emeth*) hay tính chân thật (*emun*, *emunah*), đức tin hay sự thành tín.

B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừu tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).

C. Các cách dùng đặc biệt khác:

1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
5. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
6. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
7. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168

D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:

1. *Bathach*, tin cậy
2. *Yra*, kinh sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)

E. Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).

F. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài.

Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thế nào Chúa phục hồi ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng con người kết nối mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

II. TÂN ƯỚC

A. Trong Tân ước, cách thông thường sử dụng chữ 'amen' là lời kết để xác nhận sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).

B. Một cách dùng thông thường khác trong Tân ước là để kết thúc lời cầu nguyện (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).

C. Chúa Jêsus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).

D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jêsus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).

E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

BẢN NASB 1:6-10

[6] **Tôi lấy làm lạ cho anh em đã vội bỏ Đấng gọi anh em bởi ơn Đức Chúa Jêsus Christ, đặng theo tin lành khác.** [7] **Thật chẳng phải có tin lành khác, nhưng có mấy kẻ làm rối trí anh em, và muốn đánh đổ Tin Lành của Đấng Christ.** [8] **Nhưng nếu có ai, hoặc chính chúng tôi, hoặc thiên sứ trên trời, truyền cho anh em một tin lành nào khác với Tin Lành đã truyền cho anh em, thì người ấy đáng bị a-na-them!** [9] **Tôi đã nói rồi, nay lại nói lần nữa: Nếu ai truyền cho anh em một tin lành nào khác với Tin Lành anh em đã nhận, thì người ấy đáng bị a-na-them!** [10] **Còn bây giờ, có phải tôi mong người ta ưng chịu tôi hay là Đức Chúa Trời? Hay là tôi muốn đẹp lòng loài người chăng? Ví bằng tôi còn làm cho đẹp lòng loài người, thì tôi chẳng phải là tôi tớ của Đấng Christ.**

1:6 "Tôi lấy làm lạ" Thay cho lời cảm tạ thường thấy trong những tác phẩm của Phao-lô. Phao-lô quan sát với sự kinh ngạc rằng những tín hữu Ga-la-ti đã dễ dàng bị các giáo sư giả dẫn dụ khỏi tính chất thuần túy, đơn giản, uy quyền của Phúc âm xưng công bình bằng đức tin.

▣ **"vội"** Có thể có hai nghĩa tại đây: (1) không lâu sau khi họ tin nhận Phúc Âm mà Phao-lô rao giảng, hay là (2) không lâu sau khi các giáo sư giả đến.

▣ **"bỏ"** Động từ này ở THÌ HIỆN TẠI (PRESENT TENSE) ám chỉ rằng những tín hữu người Ga-la-ti đang trong quá trình xoay bỏ niềm tin. "Xoay khỏi" là một chữ quân sự chỉ sự nổi loạn. Lưu ý đến sự nhấn mạnh khía cạnh cá nhân trong việc xoay khỏi Đức Chúa Trời bằng việc khước từ Phúc Âm mà Phao-lô rao giảng. "Xoay khỏi" có thể là dạng ĐỘNG TỪ THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE VERBAL FORM) nhưng theo một nghĩa rộng hơn (xem 3:1ff. và 5:7) thì lại ám chỉ THỂ TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE FORM). Chi tiết này nhấn mạnh rằng mặc dù các giáo sư giả đã xúi giục sự thay đổi, nhưng chính các tín hữu Ga-la-ti sẵn lòng hưởng ứng.

▣ **"Đấng gọi anh em bởi ơn Đức Chúa Jêsus Christ"** Cụm từ "đã gọi anh em" thường ám chỉ đến Đức Chúa Cha đã làm đều đó (xem Rô-ma 8:30; 9:24; I Cô-rinh-tô 1:9). Đây là điểm quan trọng bởi vì khi thêm vào cụm từ "của Đấng Christ'' thì bản văn phát sinh nan đề. Cụm từ này không có trong bản giấy cói P^{46}, nhưng lại xuất hiện trong bản giấy cói P^{51} cũng như các bản chép tay א, A, B, K và P. Đây có thể là một chi tiết bổ túc để làm sáng tỏ rằng chính Đức Chúa Cha là Đấng kêu gọi chúng ta qua Đấng Christ. Cần phải lặp lại chi tiết này: Đức Chúa Trời luôn luôn khởi đầu trong sự cứu rỗi nhân loại (xem Giăng 6:44,65; Rô-ma 9; Ê-phê-sô 1:3-14).

▣ **"đặng theo tin lành khác"** "Khác" [*heteros*] đôi khi được dùng theo nghĩa "một loại khác" (xem II Cô-rinh-tô 11:4). Câu 7 có sử dụng chữ *allos;* nó có thể dịch là "một cái khác nhưng cùng loại trong cùng một bộ." Tuy nhiên, trong tiếng Hy lạp Koine, những chữ này trở nên đồng nghĩa và chúng ta không nên quá nhấn mạnh đến sự khác biệt. Theo văn mạch tại đây, rõ ràng Phao-lô sử dụng cả hai từ với mục đích bày tỏ sự khác biệt.

1:7
NASB **"thật ra không phải là một phúc âm khác"**
NKJV **"không phải là phúc âm khác"**
NRSV **"không phải có một phúc âm khác"**
TEV **"không có một phúc âm khác"**
JB **"không phải có nhiều hơn một phúc âm"**

Không có hai Phúc Âm, dù rằng Phúc Âm chân thật thường bị xuyên tạc. Bản dịch KJV 2:7 thường được giải nghĩa như là ám chỉ đến hai Phúc Âm, một cho người ngoại, một cho người Do thái. Đây là một hàm ý sai lạc, nó có thể là sự phát biểu của các giáo sư giả.



NASB „chỉ có những kẻ xách động anh em"
NKJV „nhưng có những người phá rối anh em"
NRSV „nhưng có những người làm anh em bối rối"
TEV „có những người làm anh em bất an"
JB „chỉ có những kẻ gây rối trong vòng anh em"

"Gây phiền" ám chỉ đến hành động chủ ý giống như sự nổi loạn quân sự. "Các giáo sư giả" trong câu 5:12 ở dạng số nhiều, nhưng có lẽ trong 5:7 và hai lần đề cập trong 5:10 là chỉ người lãnh đạo của nhóm các giáo sư giả này vì ở dạng số ít. Những người này bị gọi là "những người xách động quần chúng" trong 5:12. Nhiều người cho rằng những người Ga-la-ti chủ trương Do Thái hoá đồng nghĩa với những người Pha-ri-si nhập đạo hay là các thầy tế lễ trong Công-vụ 15:1,5,24. Họ nhấn mạnh đến sự cần thiết trở thành người Do thái trước khi có thể trở thành một Cơ-Đốc Nhân. Những người chủ trương Do Thái hoá nhấn mạnh Luật Pháp Do thái bày tỏ qua các điểm: (1) sự cần thiết phải làm lễ cắt bì (xem 2:3-4; 5:1; 6:12-15); (2) giữ những ngày lễ đặc biệt (xem 4:10); và (3) có thể là kèm theo việc giữ những luật lệ thực phẩm dẫn đến sự xung đột giữa Phao-lô và Phi-e-rơ (xem 2:11-14). Đây có lẽ cũng là nhóm giáo sư giả được đề cập trong II Cô-rinh-tô 11:26 và II Tê-sa-lô-ni-ca 2:14-16. Nan đề họ gây ra không phải vì họ chối bỏ vị thế trung tâm của Đấng Christ trong sự cứu rỗi, nhưng bởi vì họ đòi hỏi vâng giữ Luật Pháp Môi-se tạo nên sự lẫn lộn giữa ân điển và cố gắng của con người. Giao ước Mới không dựa vào công đức của con người (xem Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-38).



NASB „và muốn biến đổi phúc âm của Đấng Christ"
NKJV, NRSV „và muốn xuyên tạc phúc âm của Đấng Christ"
TEV „và cố gắng thay đổi phúc âm của Đấng Christ"
JB „muốn thay đổi Tin Mừng của Đấng Christ"

"Bóp méo" là nghĩa của chữ "đảo ngược" ở dạng THÌ BẤT ĐỊNH VÔ HẠN (AORIST INFINITIVE) cũng có thể là một chữ quân sự. Mặc dù đạo đức là một yếu tố quan trọng của Phúc Âm, nhưng nó luôn luôn theo sau sự cứu rỗi. Đạo đức không đặt trước sự cứu rỗi như những người chủ trương Do Thái hoá khẳng định (xem Ê-phê-sô 2:8-9 & 10). Phúc âm của Phao-lô là Đấng Christ, và trở nên giống như Đấng Christ; Phúc âm của họ là việc làm công đức (theo Luật Pháp Môi-se) rồi mới đến sự công chính của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ.

1:8 "Nhưng nếu có" đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA(THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE) với THỂ CẦU KHẨN TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE SUBJUNCTIVE) trình bày một hoàn cảnh có tính giả định (xem II Cô-rinh-tô 11:3-4). Phao-lô quả quyết rằng nếu ngay cả ông hay là một thiên sứ từ trời rao giảng một Phúc âm nào khác thì đáng bị đoán xét và phân cách khỏi Đức Chúa Trời.



NASB „kẻ đó bị nguyền rủa"
NKJV „để kẻ đó bị nguyền rủa"
NRSV „để kẻ đó bị nguyền rủa"
TEV „cầu cho kẻ đó bị xử phạt nơi địa ngục"
JB „kẻ đó bị định tội"

"Nguyền rủa" (*anathema*, xem Ma-thi-ơ 18:7; Rô-ma 9:3; I Cô-rinh-tô 12:3; 16:22) có thể phản ảnh chữ Do thái *herem* được dùng theo nghĩa cống hiến điều gì đó cho Đức Chúa Trời. *Herem* phát sinh từ một Ịn ý tiêu cực của trường hợp thành Giê-ri-cô bị phó cho sự huỷ diệt của Đức Chúa Trời (xem Giô-suê 6-7). Sự rủa sả của Đức Chúa Trời là một hệ quả tự nhiên khi con dân Ngài vi phạm giao ước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:11-26). Tuy nhiên, Phao-lô dùng chữ này với chủ ý bày tỏ tính nghiêm trọng của Phúc âm các giáo sư giả này bằng cách phó thác họ cho địa ngục. Trong phương diện cú pháp, câu 8 và 9 là cặp sóng đôi. Tuy nhiên CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITION SENTENCE)

trong câu 8 bày tỏ một hành động có thể, trong khi đó CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITION SENTENCE) của câu 9 trình bày một hành động chủ định trong hiện tại.

1:9 "Tôi đã nói rồi" đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH SỐ NHIỀU (PERFECT ACTIVE INDICATIVE PLURAL), ám chỉ đến sự giảng và dạy trước đó từ đoàn truyền giáo của Phao-lô.

▣ **"một tin lành nào khác với Tin Lành anh em đã nhận"** động từ "tiếp nhận" ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một thuật ngữ trong những tác phẩm của các học giả Do thái nằm trong các lời truyền khẩu, ám chỉ rằng Phao-lô đang truyền lại sự răn dạy (xem I Cô-rinh-tô 15:3), nhưng theo văn mạch thì lại có ý nhấn mạnh rằng ông không tiếp nhận lời truyền khẩu từ con người.

Để trở thành một Cơ-Đốc Nhân thì người đó phải tiếp nhận và tin nhận Phúc Âm (xem Giăng 1:12). Sự cải đạo Cơ-Đốc-Giáo có ba phương diện, đều là quan trọng:

1. Tiếp nhận Đức Chúa Giê-su cách cá nhân
2. Tin nhận những lẽ thật Tân Ước nói về Ngài
3. Sống cuộc đời giống như Ngài

Có một số điều cần phải làm rõ: những điểm trọng yếu trong Phúc âm của Phao-lô đến trực tiếp từ Đức Chúa Giê-su. Phao-lô đã nghiền ngẫm và khai triển các điểm này trong nhiều năm trước khi ông viếng thăm Hội thánh cùng với các lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem (xem Ga-la-ti 1:18; 2:1). Nhưng Phao-lô học hỏi nhiều về những lời phán và việc làm của Đức Chúa Giê-su từ những người đã trực tiếp thấy Ngài: (1) những người ông bắt bớ làm chứng cho ông; (2) ông đã thấy và nghe sự bênh vực của Ê-tiên (xem Công-vụ 7:58); (3) A-na-nia đã làm chứng cho ông (xem Công-vụ 9:10-19); (4) ông đã viếng thăm Phi-e-rơ trong 15 ngày (xem 1:18). Ngoài ra, Phao-lô cũng đã trích dẫn từ nhiều tín điều hay là các bài thánh ca của Hội thánh ban đầu trong những tác phẩm của ông (xem 1:4-5; I Cô-rinh-tô 15:3-4; Ê-phê-sô 5:14; Phi-líp 2:6-11; Cô-lô-se 1:15-20; I Ti-mô-thê 3:16); cũng như đề cập đến những truyền thống Cơ-Đốc-Giáo nhiều lần (xem I Cô-rinh-tô 11:2; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:6). Phao-lô đã nói đến những điểm cụ thể trong ý bảo vệ bởi vì có sự tố cáo từ các giáo sư giả.

1:10 "Còn bây giờ, có phải tôi mong người ta ưng chịu tôi hay là Đức Chúa Trời?" Đây là sự phát triển và tiếp nối của chủ đề khởi đầu từ 1:1. Các lời mạnh mẽ của Phao-lô đối với các giáo sư giả chứng tỏ rằng ông không cố gắng lấy lòng con người mà dường như đây là điểm mà các giáo sư giả vu cáo. Có lẽ Phao-lô đã bị chỉ trích bởi lời tuyên bố ông đã trở nên mọi cách cho mọi người tương tự như trong I Cô-rinh-tô 9:19-27; Công-vụ 21:17-26. Lời tuyên bố này đã bị diễn giải sai lạc: (1) nhân nhượng với văn hoá ngoại giáo hay là (2) ông rao giảng hai sứ điệp Phúc âm, một cho người Do thái và một "dễ nghe" hơn cho người ngoại.

▣ **"Ví bằng"** câu 10 là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI (SECOND CLASS CONDITIONAL SENTENCE) diễn tả ý "ngược lại với sự thật". Mở rộng thêm, câu này có thể diễn giải như sau: "Nếu tôi vẫn còn cố gắng lấy lòng con người, điều này không đúng, thì tôi không phải là đầy tớ của Đấng Christ, nhưng tôi là đầy tớ Ngài."

▣ **"tôi còn làm cho đẹp lòng loài người"** đã có nhiều bàn luận về ý nghĩa của chữ "vẫn còn" trong câu này. Liệu chi tiết này có ám chỉ rằng ông chưa từng lấy lòng con người hay đây là lời thú nhận rằng khi còn là người Pha-ri-si nhiệt thành ông đã từng cố gắng lấy lòng con người (những người Pha-ri-si, xem 1:14)?

▣ **"tôi chẳng phải là tôi tớ của Đấng Christ"** Đây là ám chỉ đến sự dạy dỗ của Đấng Christ rằng không ai có thể hầu việc hai người chủ (xem Ma-thi-ơ 6:24). Phao-lô có thể sử dụng chữ "Đầy tớ" để ám chỉ rằng (1) Đức Chúa Giê-su là Chủ và ông là nô lệ của Ngài; hay là (2) một tước hiệu cao trọng có từ trong Cựu Ước được dùng để chỉ về Môi-se (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 34:5; Giô-suê 8:31,33), Giô-suê (xem Giô-suê 24:29; Các Quan Xét 2:8), và Đa-vít (xem II Sa-mu-ên 7:5; lời tựa của Thi-thiên 18).

BẢN NASB 1:11-17

[11] **Hỡi anh em, tôi nói cho anh em rằng, Tin Lành mà tôi đã truyền, chẳng phải đến từ loài người đâu;** [12] **vì tôi không nhận và cũng không học Tin Lành đó với một người nào, nhưng đã nhận lấy bởi sự tỏ ra của Đức Chúa Jêsus Christ.** [13] **Vả, anh em đã nghe lúc trước tôi theo giáo Giu-đa, cách cư xử của tôi là thể nào, tôi bắt bớ và phá tan Hội thánh của Đức Chúa Trời quá chừng;** [14] **tôi tấn tới trong giáo Giu-đa hơn nhiều người cùng tuổi cùng nước với tôi, tôi là người sốt sắng quá đỗi về cựu truyền của tổ phụ tôi.** [15] **Nhưng khi Đức Chúa Trời, là Đấng đã để riêng tôi ra từ lúc còn trong lòng mẹ, và lấy ân điển gọi tôi, vui lòng** [16] **bày tỏ Con của Ngài ra trong tôi, hầu cho tôi rao truyền Con đó ra trong người ngoại đạo, thì lập tức tôi chẳng bàn với thịt và máu.** [17] **Tôi cũng không lên thành Giê-ru-sa-lem, đến cùng những người đã làm sứ đồ trước tôi, song tôi đi qua xứ A-ra-bi; sau rồi trở về thành Đa-mách.**

1:11-2:14 Đây là đơn vị ngữ văn mà trong đó Phao-lô bệnh vực cho chức Sứ đồ cùng với Phúc âm ông rao giảng.

1:11
NASB **"bởi vì tôi muốn anh em biết rằng"**
NKJV **"nhưng tôi muốn làm cho anh em rõ"**
NRSV **"bởi vì tôi muốn cho anh chị em biết rằng"**
TEV **"để tôi trình bày cho các anh em"**
JB **"Sự thật là tôi muốn cho các anh em nhận thức điều này"**

Bản KJV dịch cụm từ này là "Tôi chứng nhận cho anh em" diễn tả cụm từ này như một thuật ngữ (xem I Cô-rinh-tô 15:1).

1:11-12 "Tin Lành mà tôi đã truyền" Đây là mở đầu cụm từ lặp lại sự phủ nhận đôi trong 1:1. Phao-lô khẳng định rằng sứ điệp của ông không có nguồn gốc từ con người (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; II Phi-e-rơ 1:20-21). Ông còn quả quyết thêm rằng ông không nhận nó từ một người nào, nhưng ông được dạy từ khải tượng từ Đức Chúa Giê-su Christ (xem Ê-phê-sô 3:2-3). Ông kể điều này đến ba lần trong hai câu 11-12.

1:12 "của Đức Chúa Jêsus Christ" Đây có thể là dạng CHỦ NGỮ SỞ HỮU CÁCH (SUBJECTIVE GENITIVE CASE) nhấn mạnh Đức Chúa Giê-su như là một tác nhân của sự mặc khải hoặc là dạng BỔ NGỮ SỞ HỮU CÁCH (OBJECTIVE GENITIVE CASE) nhấn mạnh Đức Chúa Giê-su như là nội dung của sự mặc khải.

1:13 "Vả, anh em đã nghe lúc trước tôi theo giáo Giu-đa, cách cư xử của tôi là thể nào" Không rõ là những Hội thánh này được nghe như thế nào: (1) nó là kiến thức phổ thông; (2) Phao-lô đã chia xẻ với họ; hay là (3) các giáo sư giả đã có đề cập bóng gió đến cuộc đời trước đây của Phao-lô. "Do Thái Giáo" dường như ám chỉ đến chủ thuyết của những người Pha-ri-si (xem Công-vụ 26:4-5). Sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa bởi Titus vị tướng La mã, phe Pha-ri-si chuyển về thành phố Jamnia. Nhóm Sa-đu-xê hoàn toàn bị tiêu diệt và chủ thuyết của nhóm Pha-ri-si phát triển thành Do Thái Giáo hiện đại. Phao-lô đã đề cập vài điều về cuộc đời là người Pha-ri-si nhiệt thành khi xưa trong Phi-líp 3:4-6.



NASB **"tôi đã từng bắt bớ quá sức ra sao"**
NKJV **"tôi đã từng bắt bớ như thế nào"**

NRSV “tôi đã bắt bớ tàn bạo”
TEV “tôi đã bắt bớ không thương xót như thế nào”
JB “tôi đã gây nhiều thiệt hại như thế nào”

Thì KHÔNG HOÀN THÀNH được dùng tại đây cũng được dùng trong Công-vụ 9:4, ám chỉ đến những việc làm của Phao-lô được lặp đi lặp lại có đề cập trong Công-vụ 8:1-3; 22:20; và 26:10. Đây cũng là những bối cảnh tổng quát mà trong đó Phao-lô chia xẻ lời làm chứng cá nhân của mình. Riêng cụm từ “quá sức” được sử dụng theo lối nói cường điệu, xem chủ đề đặc biệt bên dưới

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH DÙNG TỪ GHÉP *‘HUPER’* CỦA PHAO LÔ

Phao lô có một ưa thích đặc biệt về việc tạo ra các từ mới khi sử dụng GIỚI TỪ *huper* trong tiếng Hy lạp, có nghĩa là ‘vượt qua’ hay ‘ở trên’. Khi dùng với SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE, ABLATIVE) nó có nghĩa là ‘thay mặt.’ Nó cũng có ý nghĩa “về” hay “liên hệ đến” như chữ *peri* (II Cô-rinh-tô 8:23; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:1). Khi sử dụng với ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE) nó có nghĩa là ‘bên trên,’ ‘vượt qua,’ hay ‘vượt quá’ (xem sách của A.T. Robertson, *A Grammar of the Greek New Testament in the Light of Historical Research*, trang 625-633). Khi Phao lô muốn nhấn mạnh một khái niệm, ông thường sử dụng GIỚI TỪ từ trong một từ ghép.

Sau đây là bảng liệt kê của những cách Phao lô sử dụng GIỚI TỪ này trong các từ ghép:

A. Hapax legomenon (có nghĩa là “chỉ dùng một lần trong Tân ước”)
1. *Huperakmos*, một người đã qua thời kỳ sung mãn nhất của cuộc đời, I Cô-rinh-tô 7:36
2. *Huperauxano*, gia tăng nhiều gấp bội, II Tê-sa-lô-ni-ca 1:3
3. *Huperbaino*, đi quá hay vượt quá, I Tê-sa-lô-ni-ca 4:6
4. *Huperkeina*, vượt quá, lấn sang II Cô-rinh-tô10:16
5. *Huperekteina*, vượt quá, II Cô-rinh-tô 10:14
6. *Huperentugchano*, cầu thay, Rô-ma 8:26
7. *Hupernikao*, chiến thắng dư dật, Rô-ma 8:37
8. *Huperpleonazo*, dư dật vượt quá, I Ti-mô-thê 1:14
9. *Huperupsoo*, tôn cao tột bực, Phi-líp 2:9
10. *Huperphroneo*, có những ý tưởng cao, Rô-ma 12:3

B. Từ chỉ dùng trong các thư tín của Phao lô.
1. *Huperairomai*, tự nâng mình lên, II Cô-rinh-tô 12:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:4
2. *Huperballontos*, vượt mức, không thể đo lường được, II Cô-rinh-tô 11:23; (chỉ có PHÓ TỪ ở đây, nhưng ở dạng ĐỘNG TỪ trong II Cô-rinh-tô 3:10; 9:14; Ê-phê-sô 1:19; 2:7; 3:19)
3. *Huperbole*, quá mức, một số lượng bất thường, Rô-ma 7:13; I Cô-rinh-tô 12:31; II Cô-rinh-tô 1:8; 4:7,17; 12:7; Ga-la-ti 1:13
4. *Huperekperissou*, vượt quá mọi sự đo lường, Ê-phê-sô 3:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10; 5:13
5. *Huperlian*, ở mức độ cao nhất, tột bực, II Cô-rinh-tô 11:5; 12:11
6. *Huperoche*, tuyệt vời, nổi bật xuất chúng, I Cô-rinh-tô 2:1; I Ti-mô-thê 2:2
7. *Huperperisseuo*, đầy dẫy, đầy tràn, Rô-ma 5:20 (TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE), được đầy tràn, đầy dẫy, II Cô-rinh-tô 7:4)

C. Từ Phao lô dùng và rất hiếm khi được các trước giả Tân ước khác dùng
1. *Huperano*, vượt xa, Ê-phê-sô 1:21; 4:10; and Hê-bơ-rơ 9:5 (dùng chỉ thẩm quyền các thiên thần)
2. *Huperecho*, tuyệt diệu, Rô-ma 13:1; Phi-líp 2:3; 3:8; 4:7; I Phi-e-rơ 2:13
3. *Huperephanos*, kiêu căng, Rô-ma 1:30; II Ti-mô-thê 3:2 and Lu-ca 1:51; Gia-cơ 4:6; I Phi-e-rơ 5:5.

Phao lô là một người đầy nhiệt huyết; một khi điều gì hay người nào đó tốt, thì họ hay điều đó rất tốt, và khi điều gì hay người nào đó xấu, thì họ hay điều đó cũng rất xấu. GIỚI TỪ nầy đã mở đường cho Phao lô bày tỏ những cảm xúc cực độ của mình về tội lỗi, bản ngã, Đấng Christ và Phúc âm.

▣ **"Hội thánh của Đức Chúa Trời"** *Ekklesia* là từ ghép từ hai chữ trong tiếng Hy lạp "ra khỏi" và "kêu gọi". Chữ này được sử dụng trong tiếng Hy lạp Koine để mô tả mọi dạng tập hợp kể cả tập hợp thành phố (xem Công-vụ 19:32). Hội thánh chọn dùng chữ này bởi vì nó được dùng trong Septuagint là bản dịch tiếng Hy lạp của Kinh thánh Cựu Ước, thực hiện vào khoảng năm 250 trước Chúa tại thư viện thành phố Alexandria, Ai-cập. Chữ Hy lạp dịch từ chữ *qahal* được dùng trong cụm từ giao ước "hội chúng của Y-sơ-ra-ên" (xem Dân-số Ký 20:4). Các tác giả Tân Ước quả quyết rằng họ là "những kẻ được gọi ra khỏi cách thiêng liêng" chính là dân sự của Đức Chúa Trời trong thời đại của họ. Họ không xem có sự cắt dứt hoàn toàn nào giữa dân sự của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước và chính họ, dân sự của Đức Chúa Trời trong Tân Ước. Chúng ta cần phải khẳng định rằng Hội thánh của Đức Chúa Giê-su Christ chính là dòng dõi thật sự theo Kinh thánh Cựu Ước, chứ không phải Do Thái Giáo hiện đại.
Lưu ý rằng Phao-lô đề cập đến những Hội thánh địa phương trong câu 1:2 và Hội thánh phổ thông trong 1:13. "Hội thánh" được dùng theo ba cách khác nhau trong Tân Ước: (1) các Hội thánh tư gia (xem Rô-ma 16:5); (2) các Hội thánh địa phương trong khu vực (xem 1:2; I Cô-rinh-tô 1:2); và (3) tất cả thân thể của Đấng Christ trên trần gian (1:13; Ma-thi-ơ 16:18; Ê-phê-sô 1:22; 3:21; 5:23-32).

▣ **"bắt bớ và phá tan"** Cụm động từ này ở THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH, có nghĩa là hành động lặp lại trong quá khứ.

1:14 "tôi tấn tới trong giáo Giu-đa hơn nhiều người cùng tuổi cùng nước với tôi" Chi tiết này ám chỉ đến những tu sinh Do-Thái-Giáo đồng bạn với Phao-lô tại Giê-ru-sa-lem. Không ai nhiệt thành hơn những sinh viên thần học năm đầu. Sự nhiệt thành cho Luật Pháp Do-Thái-Giáo đã và đang là sự cống hiến và nhiệt thành mà không kèm theo hiểu biết hay chân lý (xem Rô-ma 10:2ff).

▣ **"tôi là người sốt sắng quá đỗi về cựu truyền của tổ phụ tôi"** Tại đây sử dụng cụm từ "các truyền thống" là thuật ngữ chỉ lời truyền khẩu. Người Do thái tin rằng lời truyền khẩu giống như Cựu Ước, được Đức Chúa Trời ban cho Môi-se trên núi Si-nai. Lời truyền khẩu được cho là vây quanh, bảo vệ và giải thích cho Cựu Ước. Về sau, các lời truyền khẩu trong hai bộ Babylonian và Palestinian Talmuds trở thành luật, biến đổi thành chủ nghĩa hình thức và văn hoá dân gian thay vì mối liên hệ đức tin sống động (xem Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23; II Ti-mô-thê 3:1-5). Xem ghi chú về các truyền thống trong II Tê-sa-lô-ni-ca 2:15.

1:15
NASB "nhưng đến khi Đức Chúa Trời"
NKJV "nhưng đến đẹp ý Đức Chúa Trời"
NRSV "nhưng đến khi Đức Chúa Trời"
TEV "nhưng Đức Chúa Trời"
JB "sau đó Đức Chúa Trời"

Trong nhiều bản chép tay cổ xưa đáng tin cậy, thay cho chữ "Đức Chúa Trời", thì lại sử dụng ĐẠI TỪ GIỐNG ĐỰC (MASCULINE PRONOUN) "Ngài" (xem các bản chép tay P^{46} và B). Chữ *Theos* [Đức Chúa Trời] có xuất hiện trong các bản chép tay א, A, và D. "Ngài" có thể là từ nguyên gốc và sau đó các các nhà chép kinh thêm vào chữ *theos* để làm rõ nghĩa cho đại từ không rõ nghĩa đứng trước đó.

▣ **"là Đấng đã để riêng tôi ra từ lúc còn trong lòng mẹ, và lấy ân điển gọi tôi"** Phao-lô đang ám chỉ đến sự kêu gọi của một số tiên tri trong Cựu Ước, cụ thể là Giê-rê-mi (xem Giê-rê-mi 1:4-5, hay là Đầy tớ của Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 49:1,5). Ông cảm nhận sự kêu gọi thiên thượng để bước vào chức vụ. Đây là một cách khác để quả quyết thẩm quyền và chức Sứ đồ của Phao-lô không phải từ con người (xem câu 1, 11-12). Khái niệm được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời được nhấn mạnh trong lời chứng cá nhân của Phao-lô (xem Công-vụ 9:1-19; 22:1-16; và 26:9-18). Một số trong những đoạn Kinh thánh đề cập đến việc được tuyển chọn rõ ràng nhất là từ những tác phẩm của Phao-lô (xem Rô-ma 9 và Ê-phê-sô 1).

1:16
NASB, NKJV, JB "bày tỏ Con Ngài trong tôi"
NRSV, TEV "bày tỏ Con Ngài cho tôi"

"Bày tỏ" [*apocaluptō*], được dịch là "tiết lộ" trong câu 12 có nghĩa đơn giản là "một sự chứng nhận rõ ràng" hay là "vén màn". Dường như điều này xảy ra trên đường Đa-mách. Cụm từ "trong tôi" đã được bàn cãi nhiều. Một số người tin rằng nó có nghĩa Đức Chúa Trời tiết lộ Đức Chúa Giê-su cho Phao-lô trong khi những người khác nghĩ rằng Đức Chúa Trời bày tỏ Đức Chúa Giê-su qua Phao-lô. Cả hai đều đúng. Bản *Revised English Bible* dịch kết hợp cả hai khả năng này ("tiết lộ Con Ngài trong và qua tôi").

▣ **"hầu cho tôi rao truyền Con đó ra trong người ngoại đạo"** Cụm từ "trong tôi" tương đương với "trong dân ngoại". Đức Chúa Trời kêu gọi Phao-lô để rao giảng cho người ngoại (xem Công-vụ 9:15; 22:15; 26:16-18; Ga-la-ti 2:9). Chúng ta có được chữ "ethnic" trong Anh ngữ từ chữ "người ngoại đạo" trong tiếng Hy lạp.

▣
NASB "tôi lập tức không bàn bạc với thịt và huyết"
NKJV "tôi lập tức không hội ý với thịt và huyết"
NRSV "tôi không trao đổi với người nào"
TEV "tôi không tìm đến bất cứ ai để nhờ hướng dẫn"
JB "tôi không dừng lại để bàn luận điều này với người nào"

Chi tiết này dường như ám chỉ đến giai đoạn Phao-lô học hỏi riêng trong xứ Ả-rập (xem câu 17). Chúng ta không biết chắc là ông học trong bao lâu hay là ông ở tại xứ Ả-rập bao lâu. Vùng đất được đề cập có lẽ là vương quốc Nabatean, rất gần với thành phố Đa-mách, về hướng đông nam (xem II Cô-rinh-tô 11:32). Từ câu 18 thì có thể là ông ở tại đó đến ba năm (nhưng không chắc chắn). Mục đích đơn giản Phao-lô đề cập đến điều này (chi tiết này bị lược bỏ trong sách Công-vụ) là để chứng tỏ rằng ông không tiếp nhận Phúc âm từ các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem, hay là được chính thức phê chuẩn bởi Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem, nhưng từ Đức Chúa Trời và bởi Đức Chúa Trời (xem câu 1,11-12).

1:17 "đến cùng những người đã làm sứ đồ trước tôi" Phao-lô chắc hẳn thừa nhận quyền lãnh đạo của mười hai Sứ đồ, nhưng ông khẳng định sự đồng đẳng của mình với họ.

BẢN NASB 1:18-24
18 Kế đó, mãn ba năm, tôi lên thành Giê-ru-sa-lem, đặng làm quen với Sê-pha, và tôi ở với
người mười lăm ngày; 19 nhưng tôi không thấy một sứ đồ nào khác, trừ ra Gia-cơ là anh em của
Chúa. 20 Thật, trước mặt Đức Chúa Trời, tôi quyết rằng điều tôi viết cho anh em đây chẳng phải
là điều dối. 21 Sau lại, tôi đi qua các miền thuộc xứ Sy-ri và xứ Si-li-si, 22 bấy giờ tôi còn là kẻ lạ
mặt trong các Hội thánh tại xứ Giu-đê, là các hội ở trong Đấng Christ. 23 chỉn các hội đó có nghe
rằng: Người đã bắt bớ chúng ta ngày trước, nay đương truyền đạo mà lúc bấy giờ người cố sức
phá. 24 Vậy thì, các hội đó vì cớ tôi khen ngợi Đức Chúa Trời.

1:18 "Kế đó, mãn ba năm, tôi lên thành Giê-ru-sa-lem" Phao-lô công khai thừa nhận rằng mình đã viếng thăm Giê-ru-sa-lem. Điểm nhấn mạnh của câu này là Phao-lô không có mối liên lạc tại Giê-ru-sa-lem hay là với mười hai Sứ đồ cho đến tận ba năm sau khi ông cải đạo. Sách Công-vụ ghi lại năm lần Phao-lô viếng thăm Giê-ru-sa-lem, nhưng trong sách Ga-la-ti thì chỉ cho biết có hai lần. Thật khó để biết những lần viếng thăm trong sách Ga-la-ti và sách Công-vụ là trùng lặp hay là khác nhau. Đa số tin rằng lần viếng thăm đề cập trong câu 18 cũng chính là lần viếng thăm được ghi lại trong Công-vụ 9:26-30.

▣ **"đặng làm quen với"** Đây là cụm từ Hy lạp mà từ đó chúng ta có chữ "history" trong Anh ngữ. Phao-lô đã viếng thăm với chủ đích rõ rệt: học hỏi từ Phi-e-rơ những sự dạy dỗ của Đức Chúa Giê-su. Tuy vậy,

Phao-lô không ở với Phi-e-rơ trong cả khoảng thời gian đó (xem Công-vụ 9:28-30). Ông đã rao giảng trong vùng này và có lẽ chỉ gặp Phi-e-rơ trong những buổi tối hay là vào ngày Sa-bát. Câu này cũng nhấn mạnh rằng ông chỉ ghé thăm mười lăm ngày, khoảng thời gian quá ngắn để huấn luyện. Tuy nhiên, từ khía cạnh thần học và các thuật ngữ trong các tác phẩm của Phao-lô, rõ ràng nhất là từ I và II Phi-e-rơ, thì có lẽ Phi-e-rơ đã học từ Phao-lô nhiều hơn là Phao-lô học hỏi nơi Phi-e-rơ.

1:19 "nhưng tôi không thấy một sứ đồ nào khác, trừ ra Gia-cơ là anh em của Chúa" câu văn này trong nguyên ngữ tiếng Hy lạp rất là tối nghĩa. Theo văn mạch thì ám chỉ rằng Gia-cơ là một sứ đồ, nhưng ý nghĩa thì không chắc chắn. Chữ các sứ đồ có thể ám chỉ đến Phi-e-rơ trong câu 18. Gia-cơ được xem như là một sứ đồ tương tự như Ba-na-ba (xem Công-vụ 14:4, 14); An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a (xem Rô-ma 16:7); A-bô-lô (xem II Cô-rinh-tô 4:9); Ép-ba-phô-đích (Phi-líp 2:25); hay là Si-la và Ti-mô-thê (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:6; Công-vụ; 18:5). Gia-cơ được đề cập tại đây là em của Chúa (xem Ma-thi-ơ 13:55; Mác 6:3), để phân biệt với sứ đồ Gia-cơ, là một thành viên trong nhóm ba sứ đồ thân cận với Đức Chúa Giê-su đã tử đạo sớm (xem Công-vụ 12). Trong nhiều thế hệ, Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem chọn một người thân, bà con với Đức Chúa Giê-su làm người lãnh đạo cho họ. Có một vài khúc Kinh thánh (xem Công-vụ 12:17; 15:13; 21:18; I Cô-rinh-tô 15:7; và Gia-cơ 1:1) ám chỉ rằng Gia-cơ là một vị lãnh đạo rất quan trọng trong Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem.

1:20 "Thật, trước mặt Đức Chúa Trời, tôi quyết rằng điều tôi viết cho anh em đây chẳng phải là điều dối" Phao-lô biết rõ sự nghiêm trọng của việc lập lời thề và vẫn cảm thấy cần phải quả quyết sự chân thật của mình bằng một lời thề (xem Rô-ma 9:1; I Ti-mô-thê 2:7). Phao-lô cũng nhờ đến Đức Chúa Trời như là nhân chứng chân thật trong những chỗ khác (xem Rô-ma 1:9; II Cô-rinh-tô 1:23; 4:2; 11:31; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:5, 10). Phao-lô chắc chắn về nguồn gốc và nội dụng của sứ điệp ông rao giảng là từ thiên thượng.

1:21 "Sau lại, tôi đi qua các miền thuộc xứ Sy-ri và xứ Si-li-si" Sy-ri và Si-li-si là những tỉnh trong đế quốc Rô-ma, tỉnh Si-li-si nhỏ hơn và không hoàn toàn tự trị (xem Công-vụ 15:41). Đây có thể là lý do nó được đề cập sau, dù rằng theo trình tự thì Phao-lô làm việc Si-li-si trước, trong khu vực thành Tạt-sơ, quê hương của ông. Chi tiết này dường như được đề cập trong Công-vụ 9:30. Giai đoạn Phao-lô ở tại Sy-ri được ghi lại gộp chung với những chi tiết liên quan với thành An-ti-ốt, nằm trong tỉnh Sy-ri của Rô-ma. Chi tiết này được ghi lại trong Công-vụ 11:25-26.

1:22 "bấy giờ tôi còn là kẻ lạ mặt trong các Hội thánh tại xứ Giu-đê" chữ "lạ mặt" trong tiếng Hy lạp có chung nguồn gốc với chữ "agnostic" trong Anh ngữ. "Kiến thức" [*gnosis*] trong trường hợp này là dạng TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (ALPHA PRIVITIVE). Điều này hơi ngạc nhiên bởi vì Phao-lô là người bắt bớ Hội thánh nổi tiếng; tuy nhiên không phải mọi Hội thánh đều biết Phao-lô là người đã từng làm việc đó và ông cũng không tìm sự công nhận cho chức vụ của ông từ các Hội thánh trong vùng Pa-léc-tin.

1:23-24 Dù cho Phao-lô không tìm kiếm sự xác nhận từ những Hội thánh người Do thái từ ban đầu, nhưng họ vẫn chứng nhận cho ông (xem câu 24) khi họ nghe về chức vụ của ông giữa vòng người ngoại. Đây lại là một điểm nữa trong lý luận của ông chống lại sự cáo buộc của các giáo sư giả cho rằng ông không có thỊm quyền thích hợp.

▣ **"niềm tin"** Chữ này có nhiều Ịn ý riêng biệt: (1) trong bối cảnh Cựu Ước nó có nghĩa là "sự thành tín" hay là "sự đáng tin"; do đó nó được dùng cho việc chúng ta tin nơi sự thành tín của Đức Chúa Trời; (2) trong việc chúng ta tiếp nhận hay là thừa nhận sự tha thứ miễn phí của Đức Chúa Trời qua Đấng Christ; (3) trong ý nghĩa đời sống trung tín, thánh khiết; hay là (4) trong ý nghĩa tổng quát về đức tin Cơ-Đốc-Giáo hay là chân lý về Đức Chúa Giê-su (xem Công-vụ 6:7 và Giu-đe câu 3 & 20). Trong nhiều khúc Kinh thánh, như II Tê-sa-lô-ni-ca 3:2, thật khó để biết rằng Phao-lô muốn diễn tả ý gì.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Điểm độc đáo trong lời mở đầu của Phao-lô gởi các Hội thánh tại Ga-la-ti là gì?
2. Liệt kê ba cụm từ mô tả thân vị và công tác của Đấng Christ được mô tả trong câu 4.
3. Tại sao Phao-lô lo sợ cho hành động của những Hội thánh tại Ga-la-ti?
4. Các giáo sư giả là ai và nội dung căn bản của sứ điệp của họ là gì?
5. Chữ "đáng nguyền rủa" có nghĩa gì?
6. Phao-lô đã chứng tỏ ông không phải là kẻ chiều lòng người như thế nào?
7. Tại sao điểm nhấn mạnh Phao-lô đã nêu ra ở 1:1, ông lặp lại trong câu 11-12?
8. Các giáo sư giả đã sử dụng cuộc đời trước đây của Phao-lô để chống lại ông như thế nào?
9. Tai sao Phao-lô đi đến xứ Ả-rập?
10. Giải thích một số điểm các giáo sư giả cáo buộc chống lại Phao-lô cũng như cách ông trả lời trong 1:10ff.

GA-LA-TI ĐOẠN 2

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Phao-lô được các Sứ đồ khác tiếp nhận	Bảo vệ Phúc Âm	Chức Sứ đồ của Phao-lô được thừa nhận tại Giê-ru-sa-lem	Phao-lô và các Sứ đồ khác	Cuộc gặp mặt tại Giê-ru-sa-lem
2:1-10	2:1-10	2:1-10	2:1-5	2:1-10
			2:6-10	
Phao-lô khiển trách Phi-e-rơ tại thành An-ti-ốt	Không quay lại với Luật Pháp	Phao-lô khiển trách Phi-e-rơ về sự bất nhất tại thành An-ti-ốt	Phao-lô cãi lẽ với Phi-e-rơ	Phi-e-rơ và Phao-lô tại thành An-ti-ốt
2:11-21	2:11-21	2:11-14	2:11-14	2:11-13
				2:14
		Tóm lược nguyên tắc		Tin Mừng được Phao-lô rao giảng
		2:15-21	2:15-16	2:15-21
			2:17-21	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1
2. Phân đoạn 2
3. Phân đoạn 3
4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Phần này tiếp nối đơn vị ngữ văn mà Phao-lô bảo vệ chức Sứ đồ của mình từ 1:11 và kéo dài đến 2:14.
B. Phân đoạn 2:15-21, là khúc Kinh thánh chuyển ý giới thiệu nội dung của Phúc âm mà Phao-lô rao giảng và giải thích tường tận thêm trong chương 3 & 4. Đây là sự bênh vực có tính tự truyện của Phao-lô cho chức Sứ đồ của ông và Phúc âm dựa trên ý chỉ được bày tỏ của Đức Chúa Trời mà không dựa trên truyền thống của con người, ngay cả những truyền thống phát sinh từ mười hai Sứ-đồ và Hội thánh Giê-ru-sa-lem.

C. Khúc Kinh thánh này nổi tiếng là khó giải nghĩa vì hai lý do:

1. Phân đoạn thứ nhất, các câu 1-10, chứa đựng những cấu trúc ngữ pháp đặc trưng của Phao-lô. Phao-lô khởi đâu với một chủ đề trong các câu 1 và 2, nhưng trong các câu 3-10 ông chia nhỏ chủ đề thành một loạt ba mệnh đề hay câu không đầy đủ. Chủ đề trong các câu 1-2 xuất hiện trở lại trong các câu 6-10. Mặc dù đặc điểm này gây trở ngại trong việc mô tả phương diện ngữ pháp nhưng ý nghĩa tổng quát thì vẫn rõ ràng.
2. Phần tiếp theo, các câu 11-21, cũng khó giải nghĩa bởi vì không rõ kết cuộc sự tranh luận giữa Phao-lô và Phi-e-rơ ra sao. Bản dịch Kinh thánh NRSV, TEV, và JB giới hạn đoạn trích dẫn ở câu 14 trong khi đó bản NASB kết thúc phần trích dẫn ở câu 21. Phao-lô có vẻ như kết luận lời nói với Phi-e-rơ trong câu 14 cùng với một tóm lược thần học liên hệ đến những tín hữu Do thái và sự hiểu biết của những người chủ trương Do Thái hoá về vị trí của Luật Pháp bắt đầu từ câu 15 đến câu 21. Phao-lô trả lời một loạt những thắc mắc, cáo buộc và ngộ nhận về ân điển cho không của Đức Chúa Trời trong Phúc Âm mà ông rao giảng trong các câu 15-21. Các câu hỏi này không phải từ Phi-e-rơ nhưng từ những người chủ trương Do Thái hoá cùng với những người Pha-ri-si ủng hộ họ. Sự giải đáp của ông cho những câu hỏi này sẽ được khai triển thêm sau đó trong các chương 3 và 4.

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

BẢN NASB 2:1-10

1 Sau đó mười bốn năm, tôi lại lên thành Giê-ru-sa-lem với Ba-na-ba, có đem Tít cùng đi
nữa. 2 Tôi vâng theo lời tỏ ra mà lên đó, phô bày Tin Lành mà tôi đã giảng trong người ngoại đạo ra cho anh em; lại phô bày riêng cho những kẻ có danh vọng hơn hết, kẻo sự chạy của tôi trước kia và bây giờ hóa ra vô ích chăng. 3 Dầu Tít, kẻ cùng đi với tôi, là người Gờ-réc, cũng
không bị ép phải cắt bì. 4 Chúng tôi đã làm như vậy, vì cớ mấy người anh em giả, lẻn vào trong vòng chúng tôi, để rình xem sự tự do mà chúng tôi được trong Đức Chúa Jêsus Christ, đặng bắt
chúng tôi làm tôi mọi. 5 Chúng tôi không nhường họ một giây phút nào, chối chẳng chịu thuộc
dưới quyền họ, hầu cho lẽ thật của Tin Lành được vững bền trong anh em. 6 Còn như những kẻ mà người ta tôn trọng lắm, (trước kia là kẻ thể nào, thì chẳng can dự gì với tôi, Đức Chúa Trời không tây vị ai hết), tôi nói, những kẻ đó dầu tôn trọng lắm, cũng chẳng làm cho tôi thêm ích
chút nào. 7 Trái lại, họ thấy sự giảng Tin Lành cho kẻ không chịu phép cắt bì đã giao cho tôi,
cũng như sự giảng Tin Lành cho người chịu phép cắt bì đã giao cho Phi -e-rơ vậy, 8 vì Đấng đã
cảm động trong Phi -e-rơ để sai người làm sứ đồ cho những kẻ chịu cắt bì, cũng cảm động trong tôi để sai tôi làm sứ đồ cho dân ngoại, 9 và nhận biết ân điển đã ban cho tôi, thì Gia-cơ, Sê-pha,
Giăng là những người được tôn như cột trụ, trao tay hữu giao kết với chúng tôi, tức là Ba-na-ba và tôi, hầu cho chúng tôi đi đến cùng dân ngoại, còn các người ấy thì đến cùng những kẻ chịu
phép cắt bì. 10 Các người ấy chỉ dặn dò tôi phải nhớ đến kẻ nghèo nàn, là điều tôi cũng đã ân cần làm lắm.

2:1 "Sau đó mười bốn năm" thời điểm mười bốn năm này là chủ đề của nhiều sự bất đồng ý kiến giữa các học giả. Khoảng thời gian này có thể liên hệ với: (1) sự cải đạo của Phao-lô (xem 1:15-16); hoặc là (2) chuyến viếng thăm Giê-ru-sa-lem lần thứ nhất của ông (xem 1:18). Yếu tố thời gian chỉ quan trọng để chứng tỏ thỉnh thoảng có những chuyến viếng thăm và liên lạc với các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem.

▣ **"tôi lại lên thành Giê-ru-sa-lem"** "Một lần nữa" ám chỉ đây là chuyến viếng thăm thứ hai hay là sau đó. Không rõ thời điểm chính xác của chuyến đi này, trong sách Công-vụ có ghi lại năm lần viếng thăm Giê-ru-sa-lem của Phao-lô. Hai lần cuối trong năm lần đó thì quá trễ so với văn mạch tại đây, nhưng trong

số ba lần đầu thì không biết Phao-lô đề cập đến chuyến đi nào. Riêng cá nhân tôi thì tin rằng Ga-la-ti 2 liên hệ với Công-vụ 15 bởi vì trong cả hai đều có Ba-na-ba hiện diện, có cùng chủ đề chính, đều có nêu cả Phi-e-rơ và Gia-cơ. Ngoài sự phỏng đoán của tôi tại đây, thì những học giả danh tiếng khác như F.F. Bruce trong *New International Commentary Series* và trong *Word Biblical Commentary Series* tin rằng Ga-la-ti 2 liên hệ đến chuyến thăm viếng cứu trợ nạn đói được ghi lại trong Công-vụ 11:30. Cụm từ "đi lên thành Giê-ru-sa-lem" được dùng rất tự nhiên theo phương diện thần học. Có dẫn chứng ngược lại trong Công-vụ 11:27 khi họ "đi xuống thành An-ti-ốt". Giê-ru-sa-lem, bởi vì là một thành phố thánh, nên được xem là "đi lên" dù cho xuất phát từ hướng nào.

▣ **"với Ba-na-ba"** Công-vụ 4:6 cho biết thêm Ba-na-ba thuộc chi phái Lê-vi, có quê quán tại đảo Chíp-rơ, còn có tên là Giô-sép. Các môn đồ đặt biệt danh Ba-na-ba cho ông có nghĩa là "con của sự an ủi". Ông là người đầu tiên công nhận sự cải đạo của Phao-lô (xem Công-vụ 11:24). Ông rõ rằng là một người lãnh đạo tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 11:22) cũng như Si-la (xem Công-vụ 15:22). Ông đã đến Tạt-sơ và tìm Sau-lơ để giúp đỡ ông với những công tác tại An-ti-ốt (xem Công-vụ 11:19-27). Ông là giáo sĩ bạn đồng hành với Phao-lô trong chuyến truyền giáo thứ nhất (xem I Cô-rinh-tô 9:6).

▣ **"có đem Tít cùng đi nữa"** Tít là trong những người trợ giúp trung thành của Phao-lô (xem II Cô-rinh-tô 8:23). Phao-lô dùng Tít trong những nơi đặc biệt khó khăn như là thành phố Cô-rinh-tô và đảo Cơ-rết. Ông hoàn toàn là người ngoại bang, chứ không phải là người có dòng máu lai như Ti-mô-thê. Hội thánh Giê-ru-sa-lem đã không bắt buộc Phao-lô phải làm phép cắt bì cho ông (xem Công-vụ 15). Thật ngạc nhiên là Tít không hề được nêu tên trong sách Công-vụ. Sir William Ramsay và A.T. Robertson phỏng đoán rằng Tít chính là anh em của Lu-ca để lý giải cho sự thiếu sót việc đề cập đến Tít, như là sự khiêm tốn vì cùng trong gia đình; tuy nhiên sự phỏng đoán này không được chứng minh. Martin Luther cho rằng Phao-lô đã đem Tít theo với ông đến Giê-ru-sa-lem như là một trường hợp thử nghiệm. Nhiều người khác cho rằng Phao-lô đã đem Tít theo, nhưng rồi không lâu sau đó, ông nhận thấy tầm mức nghiêm trọng từ sai lầm của một số người trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem yêu cầu phải cắt bì cho Tít vì ông là người Hy lạp (so sánh với câu 3).

2:2 "Tôi vâng theo lời tỏ ra mà lên đó" Nếu người nào cho rằng Công-vụ 15 chính là bối cảnh của phân đoạn Kinh thánh này thì Công-vụ 15:2 lại đưa ra một phản chứng. Tuy nhiên, sự bày tỏ được cho rằng đến từ một trong năm tiên tri tại An-ti-ốt, bày tỏ cho Hội thánh; rồi sau đó Hội thánh tại An-ti-ốt mới truyền lại cho Phao-lô cần phải viếng thăm Giê-ru-sa-lem.

▣ **"phô bày Tin Lành mà tôi đã giảng trong người ngoại đạo ra cho anh em"** Cụm từ này rất quan trọng bởi vì mối liên hệ của nó với các câu 3-5. Tại sao Phao-lô lại trình bày Phúc âm cho các Sứ-đồ? (1) Có phải vì ông muốn họ đồng ý với ông và xác nhận Phúc âm của ông? Hay là (2) Đây là cách ông phản ứng lại với sự hiện diện của các giáo sư giả? Trường hợp thứ hai thích hợp hơn cho phần bổ túc thêm trong các câu 4 và 5.

▣

NASB "nhưng tôi đã có làm cách riêng tư với những người có uy tín"
NKJV "nhưng trong cách cá nhân với những người có uy tín"
NRSV "(dù chỉ trong những gặp gỡ riêng với những người lãnh đạo uy tín)"
TEV "trong cuộc họp kín với những người lãnh đạo"
JB "và tôi đã trình bày cách cá nhân với những vị lãnh đạo"

Khó mà tìm được cuộc họp kín khi đọc Công-vụ 15. Tuy nhiên, trong Công-vụ 15:2b và câu 6 có thể ám chỉ đến cuộc họp với những lãnh đạo cao cấp. Phao-lô đã có thể gặp giới lãnh đạo trước với mục đích là để tìm hiểu chính xác hơn là tiếp xúc với cả hội chúng đã bị những người chủ trương Do Thái hoá (những người đòi hỏi phải trở thành người Do thái trước khi có thể được cứu) xâm nhập. Một số học giả trong những năm gần đây đã có gợi ý, có thể là do sự nhấn mạnh thái quá của những nhà thần học theo trường phái Tübingen ở Đức, về mối căng thẳng hiện hữu giữa Phao-lô và các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem.

Một số người cho rằng ba cụm từ khác thường của Phao-lô dùng có liên quan đến những lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem trong 2:2, câu 6 (hai lần), và câu 9 có chút gì đó khinh thường. Những cụm từ này có thể cho thấy tính cách khinh thường với ba điểm: (1) nhấn mạnh những cố gắng hạ thấp Phao-lô của các giáo sư giả bằng cách quá chú trọng đến mười hai Sứ-đồ, chứ không phải Phao-lô có những căng thẳng cá nhân với các Sứ đồ; (2) có thể Phao-lô đã thất vọng với một số hành động của các Sứ-đồ trong Công-vụ 8:1 khi mà họ không hoàn toàn nắm bắt được sứ mệnh toàn cầu của Hội thánh, hay là bởi hành động rút lui đáng hổ thẹn của Phi-e-rơ khỏi bàn thông công với những tín hữu người ngoại bang khi có những người từ Giê-ru-sa-lem đến trong Ga-la-ti 2:11-14; hay là (3) có thể những cụm từ này không đề cập đến các Sứ-đồ, nhưng là những lãnh đạo khác của Hội thánh tự xưng có thẩm quyền hay có thể là ám chỉ đến chỉ một số trong các Sứ-đồ.



NASB, TEV	**"vì sợ rằng tôi có thể đang chạy hay là đã chạy cách vô ích"**
NKJV	**"để cho tôi không chạy hay là đã chạy cách vô ích"**
NRSV	**"để chắc chắn rằng tôi không phải đang chạy, hay đã chạy cách vô ích"**
JB	**"vì sợ rằng đường hướng tôi đang chọn hay đã chọn không được phép"**

Cụm từ này rõ ràng không ám chỉ đến việc Phao-lô tìm kiếm sự xác nhận thần học từ những lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem, bởi vì ý đó đối lập với toàn bộ văn mạch. Nhưng tại đây, tính thực tiễn của những công tác truyền giáo cho người ngoại bang đang bị đe doạ và Phao-lô hy vọng và cầu nguyện cho sự chấp thuận mà ông được tiếp nhận sau đó. Phao-lô bày tỏ những nỗi lo tương tự trong những nơi khác (xem I Cô-rinh-tô 15:58 và Phi-líp 2:16).

2:3 "Dầu Tít, kẻ cùng đi với tôi, là người Gờ-réc, cũng không bị ép phải cắt bì" Ngay cả với ý nghĩa rõ ràng, vẫn có những câu hỏi nảy sinh: (1) những khác biệt trong các bản chép tay trong câu 5, nơi chữ "không" bị lược bỏ trong nhóm các bản chép tay miền tây, đặc biệt là bản chép tay D; và (2) sự tối nghĩa trong câu 4 đã khiến một số người nói rằng Phao-lô đã làm phép cắt bì Tít, không phải vì bị ép buộc nhưng để bày tỏ quyền tự do của ông. Tuy nhiên, lý luận này làm suy yếu toàn bộ cấu trúc lập luận của Phao-lô. Phao-lô đang ở dưới sự tấn công, dường như từ việc cắt bì Ti-mô-thê (xem Công-vụ 16:3), là người Do thái lai; nhưng Phao-lô không hề dù trong phút chốc, nhường bước trước áp lực đòi hỏi cắt bì cho Tít. Trong thực tế vấn đề tại đây không phải là phép cắt bì (xem Rô-ma 2:28-29 và Ga-la-ti 6:15), nhưng là làm thế nào để con người trở nên xứng đáng với Đức Chúa Trời. Trong sách Ga-la-ti, Phao-lô đối chiếu giữa cách thức trông cậy nơi việc làm của người Do thái và nhóm những người chủ trương Do Thái hoá với sự trông cậy nơi ân điển trong Phúc âm của Đức Chúa Giê-su.

2:4

NASB	**"nhưng điều đó là bởi các anh em giả đã lẻn vào"**
NKJV	**"nhưng điều này xảy ra là bởi các anh em giả đã xâm nhập"**
NRSV	**"nhưng bởi vì các anh em giả đã xâm nhập"**
TEV	**"đã giả làm anh em và gia nhập"**
JB	**"câu hỏi này nảy sinh chỉ vì có một số không thật sự thuộc về các anh em ngầm lẻn vào"**

Các anh em giả này cũng được đề cập trong các nơi khác (xem Công-vụ 15:1,5; II Cô-rinh-tô 11:13 và I Tê-sa-lô-ni-ca 2:14-16). Động từ ở thể THỤ ĐỘNG (PASSIVE), ám chỉ rằng họ đã được ai đó đem vào, có thể là (1) những người Do thái chưa tin đạo, (2) nhóm những tín hữu Do thái chủ trương Do Thái hoá, (3) có thể là Sa-tan can thiệp. Chữ "các anh em giả" (*pseudadelphous*) tương tự với từ ghép được dùng trong II Phi-e-rơ 2:1 để làm rõ giới lãnh đạo giả (*pseudoprophētai* và *pseudodidaskaloi*). Cách dùng chữ này trong tiếng Hy lạp Koine thường là để nhận dạng những kẻ phản bội trong thành phố để cho kẻ thù lẻn vào và dọ thám hệ thống phòng thủ. Một nan đề khác của việc giải nghĩa liên hệ đến địa điểm xảy ra sự phản bội. Có phải những anh em giả đã lẻn vào: (1) Hội thánh Giê-ru-sa-lem, (2) giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem, hay là (3) Hội thánh An-ti-ốt? Trong những chi tiết vụn vặt của việc giải nghĩa này không thể có sự chắc chắn và do đó xây dựng hệ thống tín lý dựa vào các điểm này là không bảo đảm.

▣ **“để rình xem sự tự do mà chúng tôi được trong Đức Chúa Jêsus Christ, đặng bắt chúng tôi làm tôi mọi”** Phao-lô nhấn mạnh về sự tự do tột bực trong Đấng Christ (xem Công-vụ 13:39; Ga-la-ti 5:1,13). Dựa theo bối cảnh, đây là sự tự do khỏi luật pháp và điều luật của Do-Thái-Giáo, một khái niệm được khai triển tiếp trong chương sau. Đây là điều quan trọng cần phải lưu ý rằng chúng ta thật sự được tự do trong Đấng Christ, nhưng sự tự do của chúng ta không có ý cho phép phạm tội (xem Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10). Sự căng thẳng biện chứng giữa sự tự do và trách nhiệm là đặc tính nội tại của Phúc âm, được trình bày trong việc Phao-lô nhấn mạnh trách nhiệm với Hội thánh tại thành phố Cô-rinh-tô và về sự tự do cho những Hội thánh tại Ga-la-ti. Cả hai đều đúng.

2:5 “Chúng tôi không nhường họ một giây phút nào” “Chúng tôi” ám chỉ về Phao-lô và Ba-na-ba. Họ đã đồng thuận trong sự phản đối việc đòi hỏi tất cả mọi người ngoại bang đều phải cắt bì sau khi nhập đạo. “Không” (bày tỏ ý phủ nhận) xuất hiện trong các bản chép tay P^{46}, א, B, C, D^{1}, và G. Chữ này chỉ bị lược bỏ trong phần chỉnh sửa của bản chép tay D^{2} trong thế kỷ thứ sáu. Lý do khiến Phao-lô nhấn mạnh đến sự thuận phục lẫn nhau trong Ê-phê-sô 5:21 nhưng lại mạnh mẽ chống lại sự thuận phục trong trường hợp này bởi vì ông tin rằng “những anh em giả” không thực sự là các Cơ-Đốc Nhân. Phao-lô quả quyết niềm tin của mình: ai cho rằng mình xứng đáng đứng trước mặt Đức Chúa Trời bởi những cố gắng của chính mình thì không phải là Cơ-Đốc Nhân thật (xem Ga-la-ti 1:8,9; 5:2-12; Rô-ma 10:2-5; và I Tê-sa-lô-ni-ca 2:14-16). Câu hỏi quan trọng tại đây là “họ đặt sự tin cậy của họ vào ai: chính họ hay là Đấng Christ?”

▣ **“hầu cho lẽ thật của Tin Lành được vững bền trong anh em”** Đây không phải là một vấn đề nhỏ, lập luận này là nền tảng cho sự tiếp tục giáo vụ cho người ngoại bang. Lẽ thật là một chữ vô cùng quan trọng trong Tân Ước. Xem chủ đề đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ‘LẼ THẬT’ TRONG THƯ TÍN PHAO LÔ

Khi sử dụng từ ngữ này và những từ có dạng liên hệ, Phao lô lấy từ chữ tương đương trong Cựu ước là *emet*, có nghĩa là đáng tin cậy hay thành tín. Trong các tác phẩm Do thái khoảng giữa hai giao ước, chữ này được dùng để diễn tả sự thật đối lập với sự giả dối. Có lẽ sự đối chiếu gần nhất là “Thánh ca Cảm tạ” trong Cuộn Biển Chết, nơi nó được dùng để chỉ các tín lý được mặc khải. Những thành viên của cộng đồng này trở thành “những người làm chứng cho lẽ thật.”

Phao lô dùng chữ này để chỉ Tin lành của Chúa Jêsus Christ.

1. Rô-ma 1:18,25; 2:8,20; 3:7; 15:8
2. I Cô-rinh-tô 13:6
3. II Cô-rinh-tô 4:2; 6:7; 11:10; 13:8
4. Ga-la-ti 2:5, 14; 5:7
5. Ê-phê-sô 1:13; 6:14
6. Cô-lô-se 1:5,6
7. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:10,12,13
8. I Ti-mô-thê 2:4; 3:15; 4:3; 6:5
9. II Ti-mô-thê 2:15, 18,25; 3:7, 8; 4:4
10. Tít 1:1,14

Phao lô cũng sử dụng từ ngữ này để chỉ những điều ông nói là thật

1. Công vụ 26:25
2. Rô-ma 9:1
3. II Cô-rinh-tô 7:14; 12:6
4. Ê-phê-sô 4:25

5. Phi-líp 1:18
6. I Ti-mô-thê 2:7

Ông cũng dùng để chỉ động cơ của ông trong I Cô-rinh-tô 5:8 và lối sống (cũng như cho mọi Cơ đốc nhân) trong Ê-phê-sô 4:24; 5:9; Phi-líp 4:8. Có lúc ông dùng nó cho con người:

1. Đức Chúa Trời, Rô-ma 3:4 (Giăng 3:33; 17:17)
2. Chúa Jêsus, Ê-phê-sô 4:21 (giống như Giăng 14:6)
3. Những sự làm chứng của Sứ đồ, Tít 1:13
4. Phao lô, II Cô-rinh-tô 6:8

Chỉ có Phao lô dùng dạng động từ (tức là *aletheuo*) trong Ga-la-ti 4:16 và Ê-phê-sô 4:15, là những câu chỉ về Tin lành. Muốn nghiên cứu thêm, xin tham khảo sách của Colin Brown (ed), *The New International Dictionary of New Testament Theology*, vol. 3, trang 784-902.

2:6
NASB “nhưng từ những người có uy tín tốt”
NKJV “nhưng từ những người xem như là quan trọng, dù cho họ là ai”
NRSV “và từ những người đáng lẽ là lãnh đạo được công nhận”
TEV “nhưng những người dường như là những lãnh đạo”
JB “những người này là những lãnh đạo được chứng nhận”

Cụm từ này có thể ám chỉ đến: (1) một vài người trong số mười hai Sứ đồ; hay là (2) những lãnh đạo cụ thể trong Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Điểm Phao-lô muốn nói là sự chống đối của họ không ảnh hưởng đến việc Đức Chúa Trời kêu gọi, giao phó cũng như Phúc âm. Tuy nhiên, F.F. Bruce trích dẫn Josephus trong *War of the Jews*, 3:453; 4:141,159 để minh chứng rằng chữ “dường như” không phải luôn luôn dùng theo ý miệt thị.

▣ **“Đức Chúa Trời không tây vị ai hết”** Hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét trong Cựu Ước này có ý nghĩa nguyên thuỷ là “nâng mặt lên” (xem Công-vụ 10:34). Phao-lô đang ám chỉ đến cách những quan toà xét xử bởi sự thiên vị hay là vị thế đặc biệt của người bị xét xử.


NASB, NRSV “không góp phần gì cho tôi”
NKJV “không thêm gì cho tôi”
TEV “không gợi ý mới gì cho tôi”
JB “không thêm gì cho Tin Mừng tôi rao giảng”

Đây là điểm xác nhận chính cho sự độc lập của cả ông và Phúc âm mà ông rao giảng khỏi thẩm quyền của mười hai Sứ đồ và Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem. Đây không phải là sự hạ thấp mười hai Sứ đồ hay là các lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem nhưng là một sự nhấn mạnh về đặc tính thiêng liêng trong sự kêu gọi và khải tượng của Phao-lô.

2:7 “Trái lại, họ thấy sự giảng Tin Lành cho kẻ không chịu phép cắt bì đã giao cho tôi” Đây là một điểm chính trong những tác phẩm của Phao-lô mà ông tiếp tục phát triển trong văn mạch khởi đầu từ 1:10. Khi những lãnh đạo tại Giê-ru-sa-lem đã gặp và nghe Phao-lô, họ đã xác nhận rằng Đức Chúa Trời đã gọi và chọn lựa ông. “Họ” ám chỉ đến các Sứ-đồ được đề cập trong câu 9. “Tôi đã được giao phó” ở dạng ĐỘNG TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE VERBAL FORM), nhấn mạnh đến vị trí tiếp tục của Phao-lô như là người quản lý Phúc âm bởi sự kêu gọi của Đức Chúa Trời và được trang bị bởi Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 9:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; I Ti-mô-thê 1:11; Tít 1:3). Những khúc Kinh thánh khác minh chứng rõ hơn về sự kêu gọi của Phao-lô để làm Sứ-đồ cho người ngoại bang (xem Công-vụ 9:15; và Ga-la-ti 1:16).

▣ **"giao cho Phi-e-rơ vậy"** cách dùng chữ "Phi-e-rơ" trong các câu 7 và 8 thì có chút khác thường trong sách Ga-la-ti, vì ông được gọi là "Sê-pha" trong tiếng A-ram nghĩa là "đá" (xem 1:18; 2:9,11,14). Tuy nhiên, chữ "Phi-e-rơ" dường như là nguyên gốc tại đây, hai tên của Phi-e-rơ là từ đồng nghĩa.

2:8 Đây lại là một phần trong dấu ngoặc đơn ở giữa cấu trúc ngữ pháp phức tạp của các câu 1-10, nó có thể ám chỉ đến cộng đồng theo sắc tộc hay là theo địa lý.

2:9 "và nhận biết ân điển đã ban cho tôi, thì Gia-cơ, Sê-pha, Giăng là những người được tôn như cột trụ, trao tay hữu giao kết với chúng tôi, tức là Ba-na-ba và tôi" Những "trụ cột" này là ba vị lãnh đạo Cơ-Đốc-Giáo tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem. Danh hiệu này được dùng liên kết với danh hiệu "các Sứ đồ" bởi Clement of Rome (vào khoảng năm 95 sau Chúa) và Ignatius. Nó cũng được dùng với nghĩa tích cực trong Khải-huyền 3:12. Có thể là trong nguyên thủy, cụm từ này được các học giả Do-Thái-Giáo dùng để chỉ Áp-ra-ham và Môi-se. Phao-lô một lần nữa bảo vệ cho sự xưng nhận của mình rằng ông không chỉ độc lập, nhưng ít nhất là một số trong các Sứ-đồ (Phi-e-rơ và Giăng, là hai người trong số ba môn đồ thân tín của Đức Chúa Giê-su) thừa nhận thẩm quyền Đức Chúa Trời ban cho ông và chứng nhận bằng cách trao tay hữu thông công với Phao-lô. "Gia-cơ" được đề cập tại đây không phải là một trong mười hai Sứ đồ những là em của Đức Chúa Giê-su và là lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 15).

▣ **"Gia-cơ"** Xem chủ đề đặc biệt bên dưới.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIA-CƠ, EM CỦA CHÚA GIÊ-SU

A. Ông được gọi là "Gia-cơ Công Chính" và sau đó có biệt danh là "đầu gối lạc đà" bởi vì ông thường xuyên quỳ gối cầu nguyện (theo Hegesippus, Eusebius trích dẫn).
B. Gia-cơ không phải là tín đồ cho đến sau khi Chúa phục sinh (xem Mác 3:21; Giăng 7:5). Đức Chúa Giê-su đã hiện ra với ông cách cá nhân sau khi Chúa phục sinh (xem I Cô-rinh-tô 15:7).
C. Ông hiện diện với các sứ đồ trên phòng cao (xem Công-vụ 1:14) và chắc cũng hiện diện khi Đức Thánh Linh giáng lâm trong Lễ Ngũ Tuần.
D. Ông có gia đình (xem I Cô-rinh-tô 9:5).
E. Phao-lô xem Gia-cơ như là cột trụ của Hội thánh (có thể là sứ đồ, xem Ga-la-ti 1:19) nhưng không thuộc trong số mười hai sứ đồ (xem Ga-la-ti 2:9; Công-vụ 12:17; 15:13ff).
F. Trong *Antiquities of the Jews*, 20:9:1, Giô-se-phút cho biết Gia-cơ bị ném đá năm 62 sau Chúa theo lệnh của phe Sa-đu-xê trong Toà công luận; trong khi truyền thuyết khác theo Clement of Alexandria hoặc Hegesippus, những tác giả trong thế kỷ thứ hai, thì Gia-cơ bị xô xuống từ vách đền thờ.
G. Trong nhiều thế hệ sau Đức Chúa Giê-su, một thân nhân, bà con của Đức Chúa Giê-su được cử làm lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
H. Gia-cơ viết sách Gia-cơ trong Tân ước.

2:10 "Các người ấy chỉ dặn dò tôi phải nhớ đến kẻ nghèo nàn" Phao-lô giới thiệu khái niệm dâng hiến đặc biệt giúp cho người nghèo tại Giê-ru-sa-lem đầu tiên tại Hội thánh An-ti-ốt (xem Công-vụ 11:27-30). Ông khai triển điều này thành một dự án cho các Hội thánh người ngoại (xem I Cô-rinh-tô 16:1-2; II Cô-rinh-tô 8,9; và Rô-ma 15:25-27). Nếu Ga-la-ti 2 tương đương với Công-vụ 15, thì khó giải thích tại sao những điều quy định khác trong Công-vụ 15:23-29 không được đề cập. Do đó nhiều người xem câu này như là một lập luận để ám chỉ rằng chuyến viếng thăm đang đề cập là trong Công-vụ 11:27-30.

BẢN NASB 2:11-21

**11 Nhưng khi Sê-pha đến thành An-ti-ốt, tôi có ngăn can trước mặt người, vì là đáng trách
lắm. 12 Bởi trước lúc mấy kẻ của Gia-cơ sai đi chưa đến, thì người ăn chung với người ngoại; vừa
khi họ đã đến thì người lui đứng riêng ra, bởi sợ những kẻ chịu phép cắt bì. 13 Các người Giu-đa
khác cũng dùng một cách giả dối như vậy, đến nỗi chính Ba-na-ba cũng bị sự giả hình của họ
dẫn dụ. 14 Nhưng khi tôi thấy họ không đi ngay thẳng theo lẽ thật của Tin Lành, thì nói với Sê-
pha trước mặt mọi người rằng: nếu anh là người Giu-đa, mà ăn ở theo cách dân ngoại, không
theo cách người Giu-đa, thì làm sao anh ép dân ngoại phải theo thói Giu-đa? 15 Về phần chúng
tôi, thì sanh ra là người Giu-đa, không phải là kẻ có tội từ trong dân ngoại. 16 Dầu vậy, đã biết
rằng người ta được xưng công bình, chẳng phải bởi các việc luật pháp đâu, bèn là cậy đức tin
trong Đức Chúa Jêsus Christ, nên chính chúng tôi đã tin Đức Chúa Jêsus Christ, để được xưng
công bình bởi đức tin trong Đấng Christ, chớ chẳng bởi các việc luật pháp; vì chẳng có ai được
xưng công bình bởi các việc luật pháp. 17 Nhưng nếu đang khi chúng tôi tìm cách được xưng
công bình trong Đấng Christ, mà chính chúng tôi bị nhận là kẻ có tội, vậy thì Đấng Christ chẳng
là làm tôi của tội lỗi sao? Chẳng hề như vậy! 18 Thật thế, nếu tôi lập lại điều tôi đã phá hủy, thì
tôi sẽ tỏ ra chính tôi là người phạm phép. 19 Vả, bởi luật pháp, tôi đã chết cho luật pháp, để sống
cho Đức Chúa Trời. 20 Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ, mà tôi sống, không
phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi; nay tôi còn sống trong xác thịt, ấy là tôi
sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì
tôi. 21 Tôi không muốn làm cho ân điển Đức Chúa Trời ra vô ích; vì nếu bởi luật pháp mà được
sự công bình, thì Đấng Christ chịu chết là vô ích.**

2:11 “Nhưng khi Sê-pha đến thành An-ti-ốt” Không rõ thời điểm Phi-e-rơ thăm viếng An-ti-ốt. Một số học giả đặt chuyến viếng thăm này ngay sau giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem; một số khác thì cho là trước đó. Có vẻ dường như việc đề cập đến chuyến viếng thăm này không theo trình tự. Nó có thể theo sau giáo hội nghị trong Công-vụ 15 làm nổi bật sự thật rằng tất cả những nan đề trong thực tế vẫn chưa được hoàn toàn giải quyết. Tuy nhiên, thật khó tưởng tượng rằng Phi-e-rơ lại hành xử như thế nầy sau khi chứng nhận Phao-lô cùng với Phúc âm Phao-lô rao giảng tại giáo hội nghị (xem 2:9; Công-vụ 15:6-11), đây lại là một lý lẽ của những ai cho rằng cách hành xử của Phi-e-rơ ám chỉ đến khải tượng trong Công-vụ 11.

▣ **“tôi có ngăn can trước mặt người”** Phao-lô một lần nữa khẳng quyết sự độc lập và đồng quyền của mình với các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem.



NASB “bởi vì ông bị lên án”
NKJV “bởi vì ông đáng bị khiển trách”
NRSV “bởi vì ông tự tố cáo chính mình”
TEV “bởi vì ông rõ ràng sai bậy”
JB “vì ông rõ ràng sai trái”

Đây là ĐỘNG TỪ THỤ ĐỘNG THỜI QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH THỂ NÓI TRÁNH (PERIPHRASTIC PLUPERFECT PASSIVE VERB) trình bày một việc đã xảy ra, đã trở thành một vị thế ổn định và đã được thực hiện bởi tác nhân từ bên ngoài. Cấu trúc ngữ pháp này không ám chỉ rằng Phi-e-rơ tiếp tục thái độ này. Cũng cần lưu ý rằng người lãnh đạo của các Sứ đồ làm một việc sai trật. Các Sứ-đồ được linh cảm để viết Kinh thánh đáng tin cậy và trường tồn nhưng điều này không hề ám chỉ rằng họ vô tội hay là không có những chọn lựa sai lầm trong những lĩnh vực khác.

2:12 "Bởi trước lúc mấy kẻ của Gia-cơ sai đi chưa đến" "mấy người" có thể là những thành viên của Hội thánh Giê-ru-sa-lem, nhưng không rõ những người có thẩm quyền gì hay không. Rõ ràng là họ không phải là những đại diện được Gia-cơ gởi đi, bởi vì Gia-cơ hoàn toàn đồng ý với quan điểm của Phao-lô về những tín hữu người ngoại bang (xem Công-vụ 15:13-21). Có thể những người này từ một nhóm tìm hiểu thực tế đã hành động vượt quá thẩm quyền. Có lẽ họ đến để kiểm chứng sự thi hành những quy định của giáo hội nghị (xem Công-vụ 15:20-21). Họ đã bắt gặp Phi-e-rơ, một tín hữu Do thái, ăn chung với những tín hữu người ngoại bang trực tiếp vi phạm luật truyền khẩu. Phi-e-rơ đã tranh đấu với vấn đề này trước đó (xem Công-vụ 11:1-18). Đây không hề là tiểu tiết kém quan trọng ngay cả trong cuộc đời Đức Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 9:11; 11:19; Lu-ca 19:1-10; 15:2; Công-vụ 15:28-29).

▣ **"vừa khi họ đã đến thì người lui đứng riêng ra, bởi sợ những kẻ chịu phép cắt bì"** Ba động từ trong câu 12 ở THÌ KHÔNG HOÀN THÀNH. Động từ thứ nhất cho biết Phi-e-rơ đã thường xuyên ăn với những người tín hữu ngoại bang. Động từ thứ hai và ba nhấn mạnh rằng khi phái đoàn từ Hội thánh Giê-ru-sa-lem đến thì Phi-e-rơ bắt đầu giảm bớt những mối liên hệ xã giao với những tín hữu ngoại bang. Điều này không chỉ là vấn đề cắt bì nhưng là mối liên hệ tổng quát với những tín hữu ngoại bang theo Luật Pháp Môi-se.

2:13 "Các người Giu-đa khác cũng dùng một cách giả dối như vậy, đến nỗi chính Ba-na-ba cũng bị sự giả hình của họ dẫn dụ" nọc độc của những người chủ trương Do Thái hoá tiêm nhiễm làm suy thoái ngay cả những người sùng đạo nhất. Phao-lô rõ ràng thất vọng bởi những hành động của Ba-na-ba. Ba-na-ba đã từng giảng đạo cho người ngoại bang và tranh đấu vì Phúc âm trong Công-vụ 15. Nan đề tại đây không phải là sự tự do của những tín hữu ngoại bang khỏi ràng buộc của Luật Pháp Môi-se, nhưng là những hệ quả của sự tự do này cho những tín hữu Do thái. Liệu Phi-e-rơ và Ba-na-ba có được tự do khước từ lời truyền khẩu được dùng để giải thích Luật Pháp Môi-se?

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA-NA-BA

I. Thân thế
   A. Sinh tại đảo Chíp-rơ (Công-vụ 4:36)
   B. Thuộc về chi phái of Lê-vi (Công-vụ 4:36)
   C. Biệt danh là "con của sự an ủi" (Công-vụ 4:36; 11:23)
   D. Là một thành viên của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 11:22)
   E. Ông có ân tứ tiên tri và giáo sư (Công-vụ 13:1)
   F. Được gọi là một Sứ đồ (Công-vụ 14:14)

II. Chức vụ
   A. Tại Giê-ru-sa-lem
      1. Bán tài sản và dâng trọn số tiền cho các Sứ đồ để giúp đỡ người nghèo (Công-vụ 4:37)
      2. Lãnh đạo của Hội thánh Giê-ru-sa-lem (Công-vụ 11:22)
   B. Cùng với Phao-lô
      1. Ông là một trong những người đầu tiên tin sự cải đạo của Phao-lô là chân thật (Công-vụ 11:24).
      2. Ông đi đến Tạt-sơ để tìm Phao-lô và đưa Phao-lô đến An-ti-ốt để gây dựng Hội thánh mới tại đó (Công-vụ 11:24-26).
      3. Hội thánh tại An-ti-ốt gởi Ba-na-ba và Sau-lơ đến Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem với số quyên góp giúp người nghèo (Công-vụ 11:29-30).
      4. Ba-na-ba và Phao-lô cùng đi trong chuyến truyền giáo đầu tiên (Công-vụ 13:1-3)

5. Ba-na-ba là người lãnh đạo nhóm truyền giáo tại đảo Chíp-rơ (quê nhà của ông), nhưng không lâu sau đó quyền lãnh đạo của Phao-lô được ghi nhận (xem Công-vụ 13:13)
6. Họ báo cáo với Hội thánh Giê-ru-sa-lem: họ giải thích và tường trình công tác truyền giáo của họ giữa vòng người ngoại (xem Công-vụ 15).
7. Ba-na-ba và Phao-lô có sự bất đồng đầu tiên là về luật lệ thực phẩm Do thái và về nhóm tín hữu ngoại bang ghi lại trong Ga-la-ti 2:11-14.
8. Ba-na-ba và Phao-lô dự tính chuyến truyền giáo thứ hai, nhưng có một tranh cãi nổ ra liên quan đến người anh em họ của Ba-na-ba, Giăng (Mác) (xem Cô-lô-se 4:10), người đã bỏ dỡ công tác trong chuyến truyền giáo thứ nhất (xem Công-vụ 13:13). Phao-lô từ chối đem ông theo trong chuyến truyền giáo thứ hai, do đó đoàn truyền giáo chia rẽ (xem Công-vụ 15:36-41). Điều này dẫn đến có hai đoàn truyền giáo Ba-na-ba/Giăng (Mác) và Phao-lô/Si-la.

III. Truyền thống Hội thánh (theo Eusebius)
   A. Ba-na-ba là một trong bảy mươi môn đồ được Đức Chúa Giê-su sai phái (xem Lu-ca 10:1-20).
   B. Ông là một Cơ-Đốc-Nhân tử đạo tại quê hương ông, đảo Chíp-rơ.
   C. Giáo phụ Tertullian nói rằng Ba-na-ba viết sách Hê-bơ-rơ.
   D. Clement of Alexandria nói rằng Ba-na-ba viết sách Thư Tín của Ba-na-ba (không được kể là kinh điển).

2:14 “lẽ thật của Tin Lành” Xem chủ đề đặc biệt trong 2:5.

▣ **“nói với Sê-pha trước mặt mọi người”** Thông thường các nan đề của Hội thánh cần phải giải quyết cách cá nhân, nhưng các hành động của Phi-e-rơ đụng đến trọng tâm của Phúc âm. Mâu thuẫn này ảnh hưởng toàn thể Hội thánh An-ti-ốt và do đó cần phải trình bày cách công khai và dứt khoát để giải quyết sự chia rẽ trong Hội thánh (xem I Ti-mô-thê 5:20).

▣ **“nếu anh là người Giu-đa”** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) được giả định là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả, là mở đầu cho sự tranh luận giữa Phao-lô với Phi-e-rơ. Ga-la-ti 2:15-21 có lẽ là tóm tắt thần học chớ không phải là những lời cụ thể Phao-lô nói với Phi-e-rơ. Việc Phao-lô đối đầu công khai với Phi-e-rơ về sự giả hình và bất nhất của ông càng chứng tỏ tính độc lập của Phao-lô.

2:15 “Về phần chúng tôi, thì sanh ra là người Giu-đa” hiển nhiên, người Do thái có những ưu điểm tâm linh (xem Rô-ma 3:1,2; 9:4,5). Nhưng những ưu điểm họ có không liên hệ đến sự cứu rỗi nhưng là về sự mặc khải và mối liên hệ với Đức Chúa Trời như là dân sự của Đức Chúa Trời bởi Giao ước cũ. Do đó, trọng điểm của Phúc âm mà Phao-lô rao giảng cho người ngoại bang là sự bình đẳng giữa người Do thái và người ngoại bang trước Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).

▣ **“không phải là kẻ có tội từ trong dân ngoại”** Phao-lô dường như sử dụng một cụm từ có ý miệt thị thông dụng của các học giả Do Thái Giáo và có thể được dùng bởi các giáo sư giả.

2:16 “Dầu vậy, đã biết rằng người ta được xưng công bình, chẳng phải bởi các việc luật pháp đâu, bèn là cậy đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ” câu Kinh thánh này nhấn mạnh đến ba phương diện liên quan đến giáo lý được xưng công bình chỉ bằng đức tin cho tất cả mọi người, mở đầu với “một người” sau đó là “chúng ta” và kết luận với “không một ai”. Sự lặp lại trong ba phương diện có những tác động áp đảo. Chân lý sự xưng công bình bằng đức tin cho cả nhân loại là cốt lõi trong những sự công bố

dứt khoát của Phao-lô trong Rô-ma 1-8, được tóm tắt trong Rô-ma 3:21-31. “Xưng công bình” là một thuật ngữ về luật pháp có nghĩa là “được tuyên bố là công bình”. “Công lý” (cũng như “công bình”) ám chỉ đến khái niệm trong Cựu Ước về thước đo bằng cây sậy. Đức Giê-hô-va sử dụng hình bóng này để chỉ đức tính và tiêu chuẩn đạo đức của Ngài. Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn cho chuẩn mực tâm linh (xem Ma-thi-ơ 5:48). Trong Tân Ước, Đức Chúa Trời ban cho chúng ta: (1) sự công chính của Ngài qua sự chết của Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 5:21), cùng với (2) sự ăn năn và đức tin từ con người (xem Mác 1:15 và Công-vụ 3:16,19; 20:21).

Sự xưng công bình bằng đức tin được trình bày trong các câu 16 và 17 về địa vị của chúng ta trong Đấng Christ thì hoàn toàn dựa nơi tình thương khởi đầu của Đức Chúa Trời, sự hoàn thành công tác của Đấng Christ và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, điểm nhấn mạnh về đời sống giống như Đấng Christ của chúng ta được trình bày đầy đủ trong câu 21, cho biết địa vị chúng ta phải có kết quả trong một đời sống giống như Đấng Christ (xem Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 4:19). Phao-lô không hề chối bỏ tầm quan trọng của “việc lành”. Ông chỉ khước từ chúng như là nền tảng cho việc Chúa tiếp nhận chúng ta. Ê-phê-sô 2:8-10 trình bày Phúc Âm của Phao-lô rõ ràng: Ân điển khởi đầu của Đức Chúa Trời, đáp ứng bằng đức tin của con người dẫn đến việc lành. Ngay cả Ga-la-ti 2:20, xem dường như là nhấn mạnh đến sự thánh hoá nhưng theo văn mạch lại minh chứng cho sự chắc chắn và tầm ảnh hưởng của giáo lý sự công bình của Đức Chúa Giê-su được kể cho (ban cho) chúng ta, hoàn toàn tách biệt khỏi lối sống hay là công đức của con người.



NASB, NKJV “thậm chí chúng tôi cũng đã tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ”
NRSV “và chúng ta trở nên tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ”
TEV “chúng ta cũng đã tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ”
JB “chúng ta đã trở thành những người tin nơi Đức Chúa Giê-su Christ”

Chữ Hy lạp *pistis* (danh từ) và *pisteuō* (động từ) được dịch sang tiếng Anh là “tin cậy”, “tin” hay là “đức tin”. Chữ này chứa đựng hai khía cạnh riêng biệt trong mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời: (1) chúng ta đặt lòng tin cậy vào sự đáng tin trong những lời hứa của Đức Chúa Trời và công tác mà Đức Chúa Giê-su đã hoàn thành và (2) chúng ta tin vào sứ điệp về Đức Chúa Trời, con người, tội lỗi, Đấng Christ, sự cứu rỗi, vân vân… Vì vậy, chữ này có thể ám chỉ đến sứ điệp Phúc âm hay là sự tin cậy của chúng ta vào một Nhân Vật của Phúc âm. Phúc âm là Nhân Vật để chào đón, sứ điệp để tin cậy và một cuộc đời để sống.

▣ **“Luật Pháp” (hai lần)** Các bản dịch NASB, NKJV, NRSV, TEV, và JB đều sử dụng MẠO TỪ XÁC ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE) hai lần. MẠO TỪ XÁC ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE) không xuất hiện trong bản văn tiếng Hy lạp nhưng được giả định là có bởi vì Phao-lô tiếp tục sử dụng cụm từ này để chỉ về Luật Pháp Môi-se. Mặc dù trước tiên trong trí ông chỉ có Luật này, dù vậy bất cứ cố gắng nào khác của con người (quy luật đời thường) được dùng làm nền tảng hỗ trợ cho sự công chính của con người trước Đức Chúa Trời đều được bao gồm ở trong mạo từ này.

2:17 “nếu” “Nếu” giới thiệu CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE), giả sử là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Phao-lô cùng với những người bạn đồng hành với ông thừa nhận rằng họ là những tội nhân (xem Rô-ma 3:9-18).

▣ **“mà chính chúng tôi bị nhận là kẻ có tội”** Cụm từ này minh chứng cho sự khó khăn trong việc giải nghĩa Kinh thánh. Có một số giả thuyết khai triển: (1) đa số các nhà giải kinh liên kết câu này với Rô-ma 3:23 và cho rằng “Chúng ta, giống như những người ngoại đạo, tất cả đều cần sự công chính của Đức Chúa Trời bởi vì tất cả chúng ta đều đã phạm tội”; (2) một số người liên kết cụm từ này với nghi vấn có tính phủ nhận giáo lý trong Rô-ma 6-8, đó là con người được cứu không liên hệ với những việc làm của họ thì tại sao Đức Chúa Trời lại phán xét con người vì tội lỗi họ phạm?; (3) cụm từ này có thể dàn xếp cho sự bàn luận về Luật Pháp của Phao-lô trong chương 3; cho biết dù chỉ phạm một lần, thuộc bất cứ lãnh vực nào thì cũng tước bỏ khả năng được trở nên công chính trước Đức Chúa Trời bằng cách vâng

giữ Luật Pháp. Những người Do thái tin đạo, Phi-e-rơ, Phao-lô, và Ba-na-ba đã vi phạm Luật Pháp khi ăn những thức ăn bị cấm. Quan điểm này liên kết câu 17 với bối cảnh trực tiếp phủ nhận một kết luận là sai dù rằng nó dựa nơi lý lẽ hợp lý; hay là (4) Phao-lô đang ám chỉ rằng người Do thái và người ngoại bang đã trở nên một trong Đấng Christ. Nếu đây không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời, thì sự hiệp một này khiến những tín hữu Do thái trở nên những tội nhân và Đấng Christ đồng lõa với tội lỗi của họ (xem Ê-phê-sô 2:11-3:6).



NASB "vậy thì Đấng Christ là đầu trưởng của tội lỗi? Không thể như vậy"
NRSV "vậy thì Đấng Christ là nô lệ cho tội lỗi"
NKJV "do đó Đấng Christ là đầu trưởng của tội lỗi? Chắc chắn là không"
TEV "liệu điều này có nghĩa là Đấng Christ phục vụ cho tội? Không thể nào"
JB "điều này dẫn đến Đấng Christ cám dỗ chúng ta phạm tội là điều vô lý"

Dòng lập luận của Phao-lô tiếp tục dù rằng khó theo dõi. Rõ ràng ông đang đáp trả sự cáo buộc hay là sự dạy dỗ của các giáo sư giả, nhưng cụ thể là liên hệ đến vấn đề nào thì không rõ. Những cụm từ khác mà Phao-lô sử dụng như "mong cho nó đừng bao giờ" hay "Đức Chúa Trời ngăn cấm" rất quan trọng trong việc giải nghĩa khúc Kinh thánh này (xem Ga-la-ti 3:21; Rô-ma 6:2). Thông thường Phao-lô sử dụng cấu trúc LỐI MONG MỎI (OPTATIVE) để phủ nhận một kết luận không đúng được dựa theo giả thuyết có giá trị.

2:18 "Thật thế, nếu tôi lập lại điều tôi đã phá hủy, thì tôi sẽ tỏ ra chính tôi là người phạm phép" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả sử là đúng theo quan điểm hay là các chủ đích văn chương của tác giả. Các học giả không khẳng định được Phao-lô đang ám chỉ đều gì cụ thể tại đây. Đây là việc ông rao giảng Phúc âm hay là cuộc đời nhiệt thành với Do Thái Giáo trước đây? Điểm khó hiểu này cũng có trong Rô-ma 7. "Tái xây dựng" và "phá huỷ" có thể là những thuật ngữ của các học giả Do thái giáo tương tự như "trói" và "mở" trong Ma-thi-ơ 16:19.

2:19 "Vả, bởi luật pháp, tôi đã chết cho luật pháp" Câu quan trọng này chú trọng về phương diện luật pháp hơn là khía cạnh mầu nhiệm. Theo một ý nghĩa nào đó, khi Đức Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta, thì chúng ta đã chết với Ngài (xem II Cô-rinh-tô 5:14-15). Do đó khi xem xét theo khía cạnh liên quan đến sự cứu rỗi, mối liên hệ chính của chúng ta với Luật Pháp đã bị phá vỡ. Chúng ta có thể tự do đến với Đấng Christ. Điểm này tập trung trong các câu 20 21, tương tự như lập luận mà Phao-lô khai triển trong Rô-ma 6:1-7:6.

 **"để sống cho Đức Chúa Trời"** Một lần nữa, hai phương diện thần học: địa vị của chúng ta trong Đấng Christ và lối sống bắt buộc giống-như-Đấng-Christ được nhấn mạnh. Lẽ thật nghịch lý này có thể được diễn đạt theo nhiều cách: (1) cách CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE) công bố về địa vị của chúng ta và cách MỆNH LỆNH (IMPERATIVE) đòi hỏi chúng ta phải sống xứng đáng với địa vị của mình; (2) dạng KHÁCH QUAN (OBJECTIVE) chân lý của Phúc âm và CHỦ QUAN (SUBJECTIVE) sống đạo bày tỏ Phúc âm; hay là (3) "chúng ta đã có được rồi" đã được Đức Chúa Trời tiếp nhận trong Đấng Christ nhưng giờ đây "chúng ta phải chạy" bày tỏ lòng biết ơn bằng cách sống cho Đấng Christ. Đây là bản chất đôi của Phúc âm: sự cứu rỗi thì hoàn toàn miễn phí, nhưng cũng đòi hỏi chúng ta trả giá với mọi điều chúng ta có. Cần phải nhắc lại rằng tặng phẩm miễn phí đến trước sự kêu gọi trở nên giống như Đấng Christ. Chúng ta xem như đã chết với tội lỗi để chúng ta có thể hầu việc Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 6:10).

2:20 "Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ" Trong câu văn tiếng Hy lạp, "với Đấng Christ" được đặt trước để nhấn mạnh ở dạng ĐỘNG TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE VERBAL FORM), ám chỉ một điều gì đó đã xảy ra trong quá khứ được thực hiện bởi một tác nhân bên ngoài với những kết quả trường tồn. Chi tiết này tập trung vào Rô-ma 6:1-11 và 7:1-6. Phao-lô dùng chữ "đóng đinh" trong Ga-la-ti 5:24 và 6:4, chữ nầy liên quan đến mối liên hệ của những tín hữu với thế gian sa ngã. Tuy nhiên, điểm nhấn mạnh tại đây dường như là liên hệ của những tín hữu với Luật

Pháp. Đây là điểm quan trọng cần ghi nhớ rằng một khi chúng ta đã chết với Đấng Christ, chúng ta sống cho Đức Chúa Trời (xem câu 19; Rô-ma 6:10). Khái niệm này được nhấn mạnh lặp đi, lặp lại (1) trách nhiệm của chúng ta đi theo Chúa (xem I Giăng 1:7) và (2) chúng ta phải tiến bước xứng đáng với tiếng gọi chúng ta đã nhận (xem Ê-phê-sô 4:1; 5:2). Một khi chúng ta nhận biết Đấng Christ qua ơn tha thứ miễn phí, thì việc sống một cuộc đời của người phục vụ có trách nhiệm rất quan trọng (xem Cô-lô-se 2:12-14, 20; 3:1-4; và II Cô-rinh-tô 5:14-15).

▣ **"nhưng Đấng Christ sống trong tôi"** Đức Chúa Giê-su thường nói rằng Ngài ngự trong các tín hữu (xem Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:23; Rô-ma 8:10; Cô-lô-se 1:27). Điểm này thường liên hệ với chức vụ của "một Đức Chúa Giê-su khác " là Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14). Công tác của Đức Thánh Linh mở rộng thêm và tái hiện Đức Chúa Con bên trong những tín hữu (xem Giăng 16:7-15; Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19).

▣ **"tôi sống trong đức tin"** chữ Hy lạp *pistis* (danh từ) và *pisteuō* (động từ) có thể dịch là "tin cậy", "tin" hay là "đức tin" chủ yếu nhấn mạnh về sự tin cậy của chúng ta nơi sự đáng tin của Đức Chúa Trời hay là đức tin của chúng ta nơi sự thành tín của Đức Chúa Trời. Đức tin này là bước đáp ứng khởi đầu của chúng ta đối với lời hứa của Đức Chúa Trời, tiếp theo là cứ tiếp tục đi theo những lời hứa này. "Đức tin" được sử dụng theo ba nghĩa trong Tân Ước: (1) sự tin cậy cá nhân; (2) đời sống đáng tin; hay là (3) sự gắn bó với toàn bộ giáo lý Cơ đốc giáo, giống như trong Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; Giu-đe 3 và 20.

▣ **"là Đấng đã yêu tôi, và đã phó chính mình Ngài vì tôi"** Đây là trọng điểm của sự đền tội thay (xem Ga-la-ti 1:4; Mác 10:45; Rô-ma 5:6,8,10; Sáng-thế Ký 3:15; Ê-sai 53:4-6).

2:21 "nếu" Đây là phần giới thiệu cho CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả định là đúng theo quan điểm hay là các chủ đích văn chương của tác giả. Đây là một ví dụ điển hình cho việc dùng cấu trúc ngữ pháp này để nhấn mạnh chân lý trong phản đề. Chỉ có một phương cách để đến với Đức Chúa Trời, không phải bằng Luật Pháp, nhưng bằng đức tin vào công tác mà Đấng Christ đã hoàn tất (xem 3:21). Nếu Luật Pháp có thể đem đến sự cứu rỗi, thì Đấng Christ không cần phải chết.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH

"Sự công bình" là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là "công minh" hay "công bình." Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật chỉ như là cảnh nền cho mối tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều

này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma 1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vùa giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là "xưng công bình bằng đức tin." Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy lạp "sự công bình" trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng chữ Hy lạp *dikaiosune* theo ý nghĩa của chữ Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy lạp. Trong các tác phẩm Hy lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xưng công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt nầy trong tiếng Anh thì phân định là "công minh" (justice) (liên hệ đến xã hội) và "công bình" (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jêsus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và sự thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm của Đức Thánh Linh. Sự xưng công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho nhưng không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ "sự công bình của Đức Chúa Trời" là một SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN

(SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai .

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, ký thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)
    a. Rô-ma 3:26
    b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
    c. II Ti-mô-thê 4:8
    d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jêsus công bình
    a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mết-si-a)
    b. Ma-thi-ơ 27:19
    c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
    a. Lê-vi-ký 19:2
    b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
    a. Rô-ma 3:21-31
    b. Rô-ma 4
    c. Rô-ma 5:6-11
    d. Ga-la-ti 3:6-14
    e. Được Chúa ban cho
        i. Rô-ma 3:24; 6:23
        ii. I Cô-rinh-tô 1:30
        iii. Ê-phê-sô 2:8-9
    f. Nhận bởi đức tin
        i. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
        ii. I Cô-rinh-tô 5:21
    g. Qua công tác của Đức Chúa Con
        i. Rô-ma 5:21-31
        ii. II Cô-rinh-tô 5:21
        iii. Phi-líp 2:6-11
5. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
    a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
    b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
    c. II Cô-rinh-tô 6:14
    d. I Ti-mô-thê 6:11
    e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
    f. I Giăng 3:7
    g. I Phi-e-rơ 2:24
6. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
    a. Công-vụ 17:31
    b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho nhưng không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mối tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"Đi xa hơn Luther, Calvin nhấn mạnh đến phương diện tương giao của sự công bình Đức Chúa Trời. Quan điểm của Luther về sự công bình Đức Chúa Trời dường như chứa đựng phương diện tha bổng. Calvin nhấn mạnh đến bản chất kỳ diệu của sự tương thông hay truyền đạt sự công bình Đức Chúa Trời cho chúng ta" (trang 834).

Đối với tôi, mối tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Tin lành là một con người (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Tin lành là lẽ thật (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Tin lành là một đời sống được thay đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một Cơ đốc giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay chê bai tất cả, thì sẽ có vấn đề.

Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!

Chúng ta phải tin Tin lành!

Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống với Đấng Christ!

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao thật khó giải nghĩa chương này?
2. Phao-lô có nói theo cách khinh thường các Sứ-đồ tại Giê-ru-sa-lem trong các câu 2, 6 và 9 hay không?
3. Tại sao hoàn cảnh liên hệ đến Tít lại là vấn đề vô cùng quan trọng liên quan đến giáo hội nghị Giê-ru-sa-lem?
4. Ai là các giáo sư giả? Họ đã thâm nhập vô những nơi đâu? Mục đích của họ là gì?
5. Tại sao việc Phi-e-rơ từ chối ăn chung với người ngoại bang lại đáng lên án theo sự hiểu biết Phúc âm của Phao-lô?
6. Định nghĩa chữ "xưng công bình".
7. Định nghĩa chữ "đức tin".
8. Các câu 19 và 20 liên hệ như thế nào đến bối cảnh?

GA-LA-TI ĐOẠN 3

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Luật Pháp hay là Đức Tin	Sự xưng công bình bởi Đức Tin	Mời gọi trải nghiệm	Luật Pháp hay là Đức Tin	Sự xưng công bình bởi Đức Tin
3:1-6	3:1-9	3:1-5	3:1-5	3:1-5
		Kiểm chứng kinh nghiệm của Áp-ra-ham trong Kinh thánh		
		3:6-9	3:6-9	3:6-9
3:7-14	Luật Pháp đem đến sự rủa sả			Sự rủa sả bởi Luật Pháp
	3:10-14	3:10-14	3:10-12	3:10-14
			3:13-14	
Luật Pháp và Lời hứa	Lời hứa không dời đổi	Một bằng chứng từ giao ước với Áp-ra-ham	Luật Pháp và Lời hứa	Luật Pháp không làm vô hiệu Lời hứa
3:15-20	3:15-18	3:15-18	3:15-18	3:15-18
	Con cái và dòng dõi	Mục đích thật của Luật Pháp Môi-se		Mục đích của Luật Pháp
		3:19-20	3:19-20	3:19-22
Con cái và nô lệ			Mục đích của Luật Pháp	
(3:21-4:7)			(3:21-4:7)	
3:21-22		3:21-22	3:21-22	Sự đến của Đức Tin
3:23-25		3:23-26	3:23-25	3:23-29
		Lời khuyên nài về sự bình đẳng trong Lễ Báp-tem		
3:26-4:7	3:26-4:7		3:26-29	
		3:27-29		

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương 3 tiếp tục đơn vị ngữ văn khởi đầu từ 2:15-21. Trong chương 3 và 4, Phao-lô khai triển những khía cạnh thần học trong Phúc âm của ông. Dường như những người chủ trương Do Thái hoá đã chỉ trích cá nhân Phao-lô như là một cách thức để công kích sự giảng dạy của ông.

B. Cấu trúc của chương 3 thì dễ nhận thấy.
   1. Trong các câu 1-5, Phao-lô nhắc lại những kinh nghiệm cứu rỗi cá nhân của những tín hữu tại Ga-la-ti. Ông đã dùng lời chứng cá nhân như là chứng cớ cho lẽ thật của Phúc âm trong 1:10-2:21, nhưng giờ đây ông lại dùng những trải nghiệm của chính họ. Phao-lô thực hiện điều này với bốn hay năm câu hỏi có tính cách thuyết phục.
   2. Trong các câu 6-18, Phao-lô khai triển kinh nghiệm của Áp-ra-ham từ Cựu Ước như là một khuôn mẫu tiêu biểu cho trải nghiệm của cả nhân loại trong lĩnh vực cứu rỗi. Ông tập trung đặc biệt vào việc Áp-ra-ham tiếp nhận sự xưng công bình bằng đức tin trước và tách biệt khỏi Luật Pháp Môi-se. Đây là điểm thần học dẫn đến Rô-ma 4.

C. Phao-lô trích dẫn Cựu Ước năm lần trong các câu 6-18. Những lý do khả dĩ lý giải cho việc sử dụng Cựu Ước một cách bao quát là:
   1. Phao-lô muốn những người chủ trương Do Thái hoá và những người Ga-la-ti nhận biết rằng Phúc âm ông rao giảng cũng dựa trên Cựu Ước.
   2. Những người chủ trương Do Thái hoá đã dùng Cựu Ước trong lý lẽ của họ, do đó Phao-lô cũng làm như vậy.

D. Bởi vì Phao-lô kịch liệt đã kích việc giải nghĩa và áp dụng Luật Pháp cách sai trật của những người chủ trương Do Thái hoá và ông phơi bày mục đích của việc lập Luật Pháp Môi-se (các câu 19-29). Ông thực hiện điều này với hai câu hỏi (câu 19 và 21). Cần phải nhắc lại rằng Phao-lô sử dụng chữ "luật pháp" tại đây theo cách dùng riêng biệt. Phao-lô đang bác bỏ thần học của các giáo sư giả (Luật Pháp là một trong những phương tiện của sự cứu rỗi, xem Rô-ma 4:14). Mỗi người phải quân bình quan điểm về Luật Pháp này với cách Đức Chúa Giê-su dùng chữ "luật pháp" trong Ma-thi-ơ 5:17-21. Luật Pháp là tốt; Luật Pháp đến từ Đức Chúa Trời. Luật Pháp là vĩnh cửu (xem Rô-ma 7:7,12-14).

E. Luật Pháp Môi-se được nhân cách hóa theo hai ý nghĩa (xem 3:23-25; 4:1) trong thế giới Hy lạp-La mã:
   1. câu 23, "chúng ta bị giam giữ dưới luật pháp" - Luật pháp như là người cai ngục
   2. câu 24, "luật pháp là người giúp đỡ chúng ta" - Luật pháp như là người giám hộ cho trẻ vị thành niên
   3. câu 4:2, "người giám hộ (guardians)" - Người giám hộ cho trẻ từ khi mới sinh đến khi 14 tuổi
   4. câu 4:2, "người giám hộ (trustee)" - Người giám hộ từ cho trẻ từ 14 đến khi 25 tuổi

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 3:1-5

[1] Hỡi người Ga-la-ti ngu muội kia, ai bùa ếm anh em là người Đức Chúa Jêsus Christ bày tỏ bị đóng đinh trên thập tự giá? [2] Tôi chỉ hỏi anh em một câu nầy: Ấy là cậy các việc luật pháp hay là bởi nghe và tin mà anh em đã nhận được Đức Thánh Linh? [3] Sao anh em ngu muội dường ấy? Sau khi đã khởi sự nhờ Đức Thánh Linh, nay sao lại cậy xác thịt mà làm cho trọn? Anh em há luống công mà chịu sự khốn khổ dường ấy sao? nếu quả là luống công! [5] Đấng ban Đức Thánh Linh cho anh em và làm các phép lạ trong anh em, thì làm bởi các việc luật pháp, hay là bởi đã nghe mà tin?

3:1, 3
NASB, NKJV,
NRSV, TEV **"những người Ga-la-ti ngu dốt kia"**
JB **"những người Ga-la-ti mất trí"**

Đây là chữ "tâm trí" [*nous*] ở dạng PHỦ ĐỊNH ALPHA (ALPHA PRIVATIVE) nên được dịch là "ngu dốt". Phao-lô quả quyết cách dứt khoát rằng họ đã không suy nghĩ đến những tai hại từ những sai lạc trong những sự giảng dạy của những người chủ trương Do Thái hoá.

▣ **"ai bùa ếm anh em"** Việc sử dụng chữ "kẻ" ĐẠI TỪ SỐ ÍT (SINGULAR PRONOUN) có thể là một phương thức Phao-lô ám chỉ đến một người chính trong các giáo sư giả (xem 5:7,10). Nhưng nhận định này có thể là giải thích quá xa khỏi văn mạch bởi vì trong 5:12 sử dụng ĐẠI TỪ SỐ NHIỀU (PLURAL). "Bùa ếm" có thể là ẩn dụ chỉ sự xáo trộn tâm trí, có một số học giả cho rằng trong bối cảnh tại đây nó là ám chỉ đến khái niệm "mắt gian ác" của Cựu Ước (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 15:9; 28:54; Châm-ngôn 23:6; 28:22; Ma-thi-ơ 20:15; Mác 7:22).

▣ **"là người Đức Chúa Jêsus Christ bày tỏ"** Bản giấy cói tiếng Hy lạp Koine tìm thấy tại Ai-cập (xem Moulton và Milligan, *The Vocabulary of the Greek Testament*) cho biết chữ "bày tỏ" có nghĩa là (1) mô tả rõ ràng; (2) một thông cáo luật pháp chính thức công bố cho công chúng. Ẩn dụ này thường được Phao-lô sử dụng những khi giảng và dạy để làm rõ về thân vị và công tác của Đức Chúa Giê-su Christ. Bằng chứng rõ ràng tại đây là những Hội thánh tại Ga-la-ti đang xây bỏ khỏi sự giảng dạy của Phao-lô và trở lại với Luật Pháp của Do-Thái-Giáo.

▣ **"bị đóng đinh"** Chữ "đóng đinh" ở dạng ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE PARTICIPLE) (xem Ma-thi-ơ 28:5; Mác 16:6; I Cô-rinh-tô 1:23; 2:2) ám chỉ rằng Đức Chúa Giê-su vẫn là Đấng bị đóng đinh. Đây có thể là một danh hiệu, "Đấng bị đóng đinh" xem (Ma-thi-ơ 28:5; Mác 16:6; và I Cô-rinh-tô 1:23 có kèm theo mạo từ). Khi chúng ta thấy Chúa, Ngài sẽ vẫn mang những vết khi bị đóng đinh.

3:2 "anh em đã nhận được Đức Thánh Linh" Nhận lãnh Đức Thánh Linh không phải là một diễn tiến phụ kèm theo ân điển; nó xảy ra khi một người trở thành Cơ-Đốc Nhân (xem Rô-ma 3:14; 8:9). Tại đây, Đức Thánh Linh được xem như một dấu hiệu của thời đại mới được trình bày trong Giê-rê-mi 31:31-34. Từ điểm này của sách Ga-la-ti trở đi, Phao-lô nhắc đến Đức Thánh Linh mười sáu lần.

▣
NASB **"bởi việc làm của Luật Pháp, hay là nghe bởi đức tin"**
NKJV **"bởi việc làm của Luật Pháp, hay là nghe bởi đức tin"**
NRSV **"bởi làm theo Luật Pháp hay là tin điều đã nghe"**
TEV **"bởi làm theo đòi hỏi của Luật Pháp, hay là nghe và tin Phúc âm"**
JB **"bởi vì vâng giữ Luật Pháp mà được nhận lãnh Đức Thánh Linh hay là bởi tin điều đã nghe giảng"**

Chữ "đức tin" [*pistis*] được dùng lặp lại trong chương này và được giải nghĩa hay dịch là "đức tin", "tin cậy" hoặc là "tin nhận". Khái niệm "tin cậy" và "tin nhận" trong Anh ngữ rất giống nhau (xem 2:26; 3:2, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 14, 22, và 26). Theo bối cảnh tại đây cùng với MẠO TỪ XÁC ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE), chữ này ám chỉ đến lẽ thật Cơ-Đốc-Giáo (xem 1:23 và 3:23-25; Giu-đe 3 và 20).

3:3 "Sao anh em ngu muội dường ấy?" Tại đây là cùng một chữ giống câu 1.

▣
NASB **"đã khởi đầu bởi Đức Thánh Linh, sao bây giờ anh em lại làm trọn bởi xác thịt "**
NKJV **"đã khởi đầu bởi Đức Thánh Linh, làm thể nào anh em lại được làm trọn bởi xác thịt"**
NRSV **"đã khởi đầu bởi Đức Thánh Linh, sao bây giờ anh em lại kết thúc bởi xác thịt"**

TEV **"Anh em đã bắt đầu bởi Thánh Linh của Chúa; sao bây giờ anh em lại muốn hoàn tất bởi sức riêng của mình"**
JB **"sao anh em dại dột kết cuộc với việc vâng giữ bề ngoài điều anh em đã khởi đầu bởi Đức Thánh Linh"**

Cấu trúc ngữ pháp của mệnh đề thứ hai được xem là (1) dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) (NRSV, TEV, JB) hay (2) dạng THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) (NASB, NKJV). Dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) nhấn mạnh những hành động của những người Ga-la-ti, trong khi dạng THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) nhấn mạnh đến tác nhân từ bên ngoài. Dạng TRUNG CẤP (MIDDLE VOICE) thích hợp với bối cảnh tại đây hơn. Những tín hữu Ga-la-ti đã cố gắng làm trọn sự cứu rỗi của mình bằng những việc làm vâng giữ Luật Pháp Môi-se. Cả sự cứu rỗi và trưởng thành của chúng ta có được duy nhất chỉ bởi ân điển bằng đức tin. Hai chữ quan trọng trong cụm từ này còn được sử dụng chung với nhau trong Phi-líp 1:6. Phần còn lại trong lập luận của Phao-lô sẽ chú trọng vào đặc điểm những tín hữu được trọn vẹn và trưởng thành trong Đức Chúa Giê-su Christ. Lời lẽ của Phao-lô trong câu 3 không có ý rằng những tín hữu tự lựa chọn cách sống như thế nào. Sự cứu rỗi là sự đáp ứng với ân điển khởi đầu của Đức Chúa Trời; cũng vậy cuộc đời Cơ-Đốc Nhân cũng là sự đáp ứng lại sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh bằng sự ăn năn, đức tin và biến đổi mỗi ngày để càng giống với Đấng Christ (xem 5:1-6:10).

3:4
NASB **"anh em đã chịu khổ vì quá nhiều điều vô ích"**
NKJV **"anh em đã chịu khổ vì quá nhiều điều vô ích"**
NRSV **"anh em đã trải nghiệm quá nhiều điều luống công"**
TEV **"tất cả trải nghiệm của anh em chẳng ích lợi chi"**
JB **"tất cả những điều anh em đã tiếp nhận là vô ích"**

Chữ "chịu khổ" có thể ám chỉ đến: (1) đau đớn thân thể (chúng ta có những bằng chứng ghi lại về việc những Hội thánh ở vùng phía nam Tiểu Á bị những người Do thái bắt bớ trong Công-vụ 14:2, 5, 19, 22); (2) sự thay đổi đột ngột đầy xúc động trong kinh nghiệm cải đạo.

▣ **"nếu quả là luống công"** đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Có hai giả thuyết về cụm từ này: (1) nó có thể liên hệ đến 1:16 hoặc là (2) nó có thể liên hệ đến lập luận hỗ trợ của Phao-lô về sự vô ích của việc tin cậy nơi công đức con người theo Luật Pháp Môi-se. Nếu họ quay trở lại với cố gắng của con người thì ân điển của Đấng Christ không giúp ích gì cho họ (xem 4:11; 5:2-4; I Cô-rinh-tô 15:2).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích, bởi vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hay không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
    a. Câu nói của Đức Chúa Giê-su (Giăng 6:37; 10:28-29)

b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)

2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
a. Câu nói của Đức Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24- 30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10;Khải huyền 2:7,17,20;3:5,12,2l)
b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót,và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Đức Chúa Trời khởi sự và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi con người phải đáp ứng lại bằng đức tin và ăn năn lúc ban đầu và cứ phải tiếp tục. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm .

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-su đã giải quyết vấn đề tội lỗi của tạo vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường (cứu rổi) và Ngài cũng muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài để đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-su.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không thuộc về phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of Đức Chúa Trời*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Trong lãnh vực này, Kinh Thánh có nói đến hai vấn đề khác biệt:(1) dùng sự bảo đảm chắc chắn (được cứu rỗi) để tự cho phép sống một cuộc đời không kết quả, ích kỷ hoặc (2) khích lệ những người đang chiến đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào?

3:5 "Đấng ban Đức Thánh Linh cho anh em" sự ban cho Đức Thánh Linh liên quan đến sự cứu rỗi (xem 3:14; Rô-ma 8:9). Tại đây ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLE) ở dạng HIỆN TẠI CHỦ ĐỘNG (PRESENT ACTIVE) và cũng còn được dùng để chỉ sự tiếp trợ của Đức Chúa Trời trong II Cô-rinh-tô 9:10. Những cách dùng trước đó của chữ này gợi ý rằng nó có nghĩa "ban cho đầy dẫy" hay là "ban phát miễn phí".

▣ **"và làm các phép lạ trong anh em"** Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE PARTICIPLE) có thể chỉ đến tác động liên tục của (1) sự huyền nhiệm trong sự cứu rỗi; (2) những dấu hiệu và phép lạ kèm theo chứng nhận Phúc âm; hoặc là (3) các ân tứ thiêng liêng được bày tỏ giữa các Hội thánh tại Ga-la-ti. Các dịch giả bất đồng về cụm từ này nên dịch là "trong anh em" để chỉ đến những cá nhân hay là "giữa anh em" có ý nói về giữa Hội thánh. Có phải do bởi họ vâng giữ Luật pháp Môi-se mà Đức Chúa Trời ban cho họ mọi phước lành của Ngài cách dư dật? Không! Những phép lạ này là sự xác nhận của Đức Chúa Trời rằng Phúc âm mà họ tiếp nhận bởi ân điển bằng đức tin là chân thật.

BẢN NASB 3:6-9

[6] Như Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời, thì đã kể là công bình cho người, [7] vậy anh em hãy nhận biết rằng những kẻ có đức tin là con cháu thật của Áp-ra-ham. [8] Kinh Thánh cũng biết trước rằng Đức Chúa Trời sẽ xưng dân ngoại là công bình bởi đức tin, nên đã rao truyền trước cho Áp-ra-ham tin lành nầy: Các dân sẽ nhờ ngươi mà được phước. [9] Ấy vậy, ai tin thì nấy được phước với Áp-ra-ham, là người có lòng tin.

3:6 "Như Áp-ra-ham" Các câu 6-9 mở rộng ví dụ về Áp-ra-ham là tổ phụ về tâm linh và chủng tộc của quốc gia Do thái. Các giáo sư giả đã có thể dùng Áp-ra-ham làm dẫn chứng cho một người tin nơi Đức Chúa Trời và rồi sau đó chịu phép cắt bì. Chi tiết này lý giải tại sao lập luận của Phao-lô có ghi lại trong Rô-ma 4 lại không được khai triển tại đây. Áp-ra-ham là kiểu mẫu cho việc làm thế nào để cả nhân loại có thể đến với Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 15:6).

▣ **"tin Đức Chúa Trời, thì đã kể là công bình cho người"** Chữ "kể là" ở dạng động từ THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE), là một thuật ngữ thương mại có nghĩa gởi tiền vào một tài khoản của một ai đó (xem Rô-ma 4:3, 99, 22). Xem chủ đề đặc biệt tại 2:21. Sự công chính của Đức Chúa Trời được ban cho Áp-ra-ham bởi vì tình thương của Đức Chúa Trời và đức tin của Áp-ra-ham để rồi Đức Chúa Trời sẽ ban cho ông một dòng dõi (trích dẫn Sáng-thế Ký 15:6 dựa từ bản Septuagint). Phao-lô trích dẫn từ Luật Pháp Môi-se vài lần để củng cố lập luận của mình. Bởi vì các giáo sư giả đã sử dụng Luật Pháp Môi-se để lập luận nên Phao-lô cũng sử dụng cùng một cách thức để chứng tỏ sự sai lạc của họ. Các sách của Môi-se (Sáng-thế Ký đến Phục-truyền Luật-lệ Ký) là phần có thẩm quyền nhất trong Kinh thánh của người Do thái.

3:7 "hãy nhận biết rằng những kẻ có đức tin là con cháu thật của Áp-ra-ham" Câu này là sự đột phá của cả đơn vị ngữ văn tại đây. Lời công bố này gây sốc cho các giáo sư giả có thiên hướng Do-Thái-Giáo (xem 3:14, 29; Rô-ma 2:28-29; 14:16-17). Đây chính là lẽ thật được ám chỉ trong sứ điệp của Giăng Báp-tít (xem Lu-ca 3:8) và đặc biệt là trong lời phán của Đức Chúa Giê-su trong Giăng 8:37-59. Người ta có thể xưng mình là dòng dõi của Áp-ra-ham do họ biết Đấng (mà họ tôn kính) và qua cách họ sống, chứ không dựa nơi dòng dõi tổ tiên họ là ai.

3:8 "Kinh Thánh cũng biết trước rằng Đức Chúa Trời sẽ xưng dân ngoại là công bình bởi đức tin" Thành ngữ này trong tiếng Do thái chứng nhận sự linh cảm trọn vẹn của Cựu Ước. Trong câu này, Kinh thánh được dùng theo phép nhân cách hoá đôi. Sự cứu rỗi cho cả nhân loại mãi mãi là kế hoạch của Đức Chúa Trời (xem Sáng-thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6). Chỉ có một Đức Chúa Trời duy nhất và cả nhân loại đã được dựng theo ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế Ký 1:26-27; 5:1; 9:6); do đó Ngài yêu thương mọi người (xem Ê-xê-chi-ên 18:32; Giăng 3:16; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9). Tình thương phổ quát của Đức Chúa Trời bao gồm luôn cả người ngoại bang được bày tỏ rõ ràng trong sách Ê-sai (xem 2:2-4; 45:21-25; 56:1-8; 60:1-3), Giô-na, Giăng 3:16, và Ê-phê-sô 2:11-3:13.

▣ **"Các dân sẽ nhờ ngươi mà được phước"** Tại đây Phao-lô trích dẫn lời hứa của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham, được ghi lại trong Sáng-thế Ký 12:3; 18:18; 22:18; 26:4. Dạng động từ trong tiếng Do thái có thể là (1) dạng THỤ ĐỘNG (PASSIVE form), "sẽ được ban phước" (xem Sáng-thế Ký 18:18; 28:14) hay là (2) dạng TRUNG CẤP PHẢN THÂN (MIDDLE REFLEXIVE form), "sẽ được ban phước lại" (xem Sáng-thế Ký 22:16-18; 26:4). Tuy nhiên theo bản Septuagint cùng với sự trích dẫn của Phao-lô nó lại ở dạng THỤ ĐỘNG, chứ không phải TRUNG CẤP. Trong khúc kinh văn này, Phao-lô đã kết hợp Sáng-thế Ký 12:3 với 18:18 từ bản Septuagint.

3:9
NASB "tín hữu, người có đức tin được phước với Áp-ra-ham,"

NKJV "người có đức tin được phước như Áp-ra-ham đã tin"
NRSV "ai tin thì cũng được phước giống như Áp-ra-ham là người đã tin"
TEV "Áp-ra-ham đã tin và được phước; do đó mọi người tin cũng được phước như ông"
JB "những ai theo đó bởi đức tin thì nhận lãnh cùng ơn phước giống như Áp-ra-ham, người của đức tin"

Giới từ "*syn*," có nghĩa là "kết hợp với" bày tỏ sự gắn bó chặt chẽ giữa Áp-ra-ham và tất cả những ai có đức tin nơi Đức Chúa Trời. Sự mô tả Áp-ra-ham là "trung tín" hay là "có lòng tin" nhấn mạnh rằng Áp-ra-ham tin Đức Chúa Trời bằng cách tin cậy nơi lời hứa của Ngài. Đức tin trong Tân Ước cũng có nghĩa tin cậy nơi sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời cùng với những lời hứa của Ngài. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng Áp-ra-ham không có đức tin hoàn hảo. Chính ông cũng đã tìm cách giúp Đức Chúa Trời làm thành lời hứa của Ngài bằng cách có một đứa con theo cách tự nhiên với Aga. Đức tin của con người không hoàn hảo nhưng đối tượng của đức tin đó mới là hoàn hảo.

BẢN NASB 3:10-14

[10] Vì mọi kẻ cậy các việc luật pháp, thì bị rủa sả, bởi có chép rằng: Đáng rủa thay là kẻ không bền đỗ trong mọi sự đã chép ở sách luật, đặng làm theo những sự ấy! [11] Vả lại chẳng hề có ai cậy luật pháp mà được xưng công bình trước mặt Đức Chúa Trời, điều đó là rõ ràng lắm, vì người công bình sẽ sống bởi đức tin. [12] Vả, luật pháp vốn không phải đồng một thứ với đức tin, nhưng luật pháp có chép rằng: Người nào vâng giữ các điều răn thì sẽ nhờ đó mà sống. [13] Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rủa sả của luật pháp, bởi Ngài đã nên sự rủa sả vì chúng ta, vì có lời chép: Đáng rủa thay là kẻ bị treo trên cây gỗ, [14] hầu cho phước lành ban cho Áp-ra-ham nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà được rải khắp trên dân ngoại, lại hầu cho chúng ta cậy đức tin mà nhận lãnh Đức Thánh Linh đã hứa cho.

3:10
NASB "vì nhiều việc làm của Luật Pháp bị rủa sả"
NKJV "vì nhiều việc làm của Luật Pháp bị rủa sả"
NRSV "vì những ai dựa vào những việc làm của Luật Pháp thì ở dưới sự rủa sả"
TEV "những ai dựa vào sự vâng giữ Luật Pháp sống dưới sự rủa sả"
JB "những ai dựa vào sự tuân theo Luật Pháp ở dưới sự rủa sả"

Trong bước lập luận tiếp theo, Phao-lô chuyển từ Áp-ra-ham sang những đòi hỏi giáo luật nghiêm ngặt trong Luật Pháp Môi-se. Lập luận này thách thức loại thần học độc hại của những người chủ trương Do Thái hoá. Tin cậy nơi sự tuân giữ Luật Pháp là đặc tính của những người Pha-ri-si trong thời đại của Đức Chúa Giê-su (xem Rô-ma 10:2-5). Phao-lô quả quyết rằng tự cố gắng để đạt được vị thế xứng đáng chỉ là một con đường dẫn đến thảm hoạ (xem 2:16). Phao-lô biết quá rõ đường hướng này! Mặc dù trước tiên Phao-lô đề cập đến Luật Pháp Môi-se, nhưng "luật" được nói đến là nỗ lực thông thường của con người dựa theo những tiêu chuẩn đạo đức từ bên ngoài. Tiêu chuẩn nào không phải là điều quan trọng. Sự thật là nhân loại đã sa ngã nên không thể kể những thành tựu đạo đức của họ là xứng đáng với Đức Chúa Trời. Chúng ta gọi cách thức này là chủ nghĩa tự đạt công chính bởi luật pháp. Nó vẫn tồn tại và phát triển trong vòng những người "có đạo".

▣ **"bởi có chép rằng: Đáng rủa thay là kẻ không bền đỗ trong mọi sự đã chép ở sách luật, đặng làm theo những sự ấy"** Chi tiết này ám chỉ Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:26 và 28:58ff, chữ "tất cả" không xuất hiện trong Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:26, nhưng nó có trong 28:58. Sự rủa sả của Luật Pháp ám chỉ đến trong Giăng 7:49. Nếu một người vi phạm Luật Pháp, ngay cả chỉ một điều thôi, thì vẫn phải chịu sự lên án của Luật Pháp (xem Gia-cơ 2:10; Ga-la-ti 5:3). Luật Pháp Cựu Ước trở thành án tử hình cho cả nhân loại (Cô-lô-se 2:14). Đức Chúa Trời phán "Linh hồn nào phạm tội, linh hồn đó sẽ chết" (xem Ê-xê-chi-ên

18:4,20). Tất cả dòng dõi của A-đam đều đã phạm tội. Luật Pháp được dùng như phương cách để có được vị thế xứng đáng trước Đức Chúa Trời chỉ áp dụng cho những ai chưa hề phạm tội. Từ đây nan đề phát sinh là: Tất cả mọi người đều đã phạm tội và thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 3:9-18,22,23; 11:32).

3:11
NASB “vì người công bình sẽ sống bởi đức tin”
NKJV “người công bình sẽ sống bởi đức tin”
NRSV “kẻ công bình sẽ sống bởi đức tin”
TEV “người được kể là công bình bằng đức tin nơi Chúa sẽ được sống”
JB “người công bình tìm được sự sống bởi đức tin”

Tại đây Phao-lô trích dẫn Ha-ba-cúc 2:4 (xem Rô-ma 1:17 và Hê-bơ-rơ 10:38). Thay vì cho đây là một câu tối nghĩa, Ha-ba-cúc 2:4 được hiểu theo nhiều cách như sau: (1) bản Masoretic Text ghi là “người công bình sẽ sống bởi đức tin, sự trung tín;” (2) bản Septuagint thì ghi là “người công bình sẽ sống dựa nơi sự thành tín của (Đức Chúa Trời);” và (3) Phao-lô chú trọng đến sự công chính dựa nơi đức tin vào Đấng Christ thay vì dựa nơi việc làm theo Luật Pháp Môi-se. Có thể có sự ám chỉ ngầm giữa Sáng-thế Ký 15:6 và Ha-ba-cúc 2:4 bởi vì cả hai đều có cùng hai chủ đề chính: đức tin và sự công chính.

3:12
NASB, NKJV “Luật Pháp không phải là đức tin”
NRSV “Luật Pháp không dựa trên đức tin”
TEV “Luật Pháp không phụ thuộc vào đức tin”
JB “Luật Pháp không dựa trên đức tin”

Đây là sự chấp nhận nền tảng. Trong vấn đề về địa vị xứng đáng trước Đức Chúa Trời (được cứu rỗi), phải có lựa chọn là đức tin hoặc là luật pháp, không phải đức tin cùng với luật pháp. Những người chủ trương Do Thái hoá đã chuyển đức tin vào Đức Chúa Trời thành những điều luật từ Đức Chúa Trời. Ngay cả trong Cựu Ước, cá nhân người Do thái cũng chỉ được kể là xứng đáng bằng đức tin cá nhân vào Đức Giê-hô-va. Không hề có việc tất cả mọi người Do thái được kể là xứng đáng trước Đức Chúa Trời bởi vì họ là dòng dõi của Áp-ra-ham.

▣ **“nhưng luật pháp có chép rằng: Người nào vâng giữ các điều răn thì sẽ nhờ đó mà sống”** Trích dẫn này từ Lê-vi Ký 18:5 (xem Rô-ma 10:25), nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc thi hành những đòi hỏi của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, Cựu Ước là lịch sử về sự bất năng của con người trong việc thi hành Luật Pháp Cựu Ước. Cựu Ước nhấn mạnh nhu cầu tâm linh của nhân loại sa ngã. Bởi đó một phương cách khác cho sự cứu rỗi được trình bày. Thật vậy, phương cách này mãi mãi là cách thức cứu rỗi của Đức Chúa Trời: không phải bởi cố gắng của con người, nhưng bởi đức tin. Sự cứu rỗi bởi ân điển bằng đức tin là cốt lõi của Giao ước Mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-36; Công-vụ 2; Rô-ma 4; Ê-phê-sô 2:8-9).

3:13 “Đấng Christ đã chuộc chúng ta” Tại đây, Phao-lô ám chỉ đến sự chuộc tội thay của Đấng Christ. Ngài đã mua chuộc chúng ta bởi vì chúng ta không thể tự chuộc chính mình (xem Ê-sai 53; Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21). Chữ “chuộc lại” hay là “chuộc” có nghĩa là mua lại người nào đó từ kiếp nô lệ hay là bị giam cầm (xem Công-vụ 20:28; I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; I Phi-e-rơ 1:18-19).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CỨU RỖI, CỨU CHUỘC

I. CỰU ƯỚC
A. Có hai thuật ngữ pháp lý chính trong tiếng Hê-bơ-rơ chuyển tải ý nghĩa này:
1. *Gaal,* có nghĩa chính là “giải phóng” bằng một giá trả. Một dạng của thuật ngữ này là

goel được thêm vào khái niệm này để chỉ một người môi giới cá nhân, thường là một thành viên trong gia đình (tức là người chuộc trong gia tộc). Khía cạnh văn hóa về quyền được mua lại các đồ vật, thú vật, đất đai (Lê-vi-ký 25,27), hay bà con (Ru-tơ 4:15; Ê-sai 29:22) được chuyển qua ý nghĩa thần học rằng Chúa giải cứu dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi xứ Ê-díp-tô (Xuất Ê-díp-tô ký 6:6; 15:13; Thi thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 33:11). Ngài trở thành "người cứu chuộc" (Gióp 19:25; Thi thiên 19:14; 78:35; Châm ngôn 23:1; Ê-sai 41:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20;60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).

2. *Padah,* có nghĩa chính là "giải cứu"
   a. Giải cứu con đầu lòng, Xuất Ê-díp-tô ký 13:13,14 và Dân-số-ký 18:15-17
   b. Sự cứu chuộc thuộc thể khác biệt với sự cứu chuộc thuộc linh, Thi thiên 49:7,8,15
   c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và sự nổi loạn, Thi thiên 130:7-8

B. Khái niệm thần học bao gồm ba điều liên hệ
1. Có một sự thiếu thốn, cảnh nô lệ, bị phạt tiền, bị giam cầm
   a. Thể chất
   b. Xã hội
   c. Thuộc linh (Thi thiên 103:8)
2. Một giá phải được trả cho sự tự do, phóng thích, và phục hồi.
   a. Cho quốc gia Do thái (Phục truyền 7:8)
   b. Cho cá nhân (Gióp 19:25-27; 33:28)
3. Một ai đó phải đứng ra làm người trung gian và người làm ơn. Trong chữ *gaal* thông thường đây là một thành viên trong gia đình hay bà con gần (tức là chữ *goel*).
4. Đức Giê-hô-va thường mô tả chính Ngài bằng những từ ngữ của gia đình
   a. Cha
   b. Chồng
   c. Bà con gần

Sự cứu chuộc được bảo đảm qua hành động riêng của Đức Giê-hô-va; một giá đã được trả, và sự cứu chuộc được thực hiện!

II. TÂN ƯỚC

A. Một số thuật ngữ được dùng để chuyển tải ý nghĩa thần học này.
1. *Agorazo* (I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; II Phi-e-rơ 2:1; Khải huyền 5:9; 14:34). Đây là thuật ngữ thương mại dùng chỉ một giá trả cho điều gì đó. Là những người được mua bằng huyết, chúng ta không còn điều khiển chính đời sống mình. Chúng ta thuộc về Đấng Christ.
2. *Exagorazo* (Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại. Nó bày tỏ sự chết thế của Chúa Jêsus thay cho chúng ta. Chúa Jêsus đã phải gánh chịu "sự rủa sả" mà luật pháp đòi phải thi hành (Luật pháp Môi-se), là điều con người tội lỗi không thể thực hiện được. Ngài đã gánh lấy sự rủa sả đó thay cho hết thảy chúng ta (Phục truyền 21:23). Trong Chúa Jêsus, sự công bình, tình yêu thương của Đức Chúa Trời hòa hợp với nhau để trở thành sự tha thứ, chấp nhận và mở lối!
3. *Luo*, "giải phóng"
   a. *Lutron*, "một giá phải trả" (Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:4-5). Đây là những lời đầy năng quyền từ chính miệng Chúa Jêsus liên quan đến mục đích của sự Chúa đến để làm Chúa Cứu thế qua sự trả món nợ tội mà Ngài không phạm (Giăng 1:29).
   b. *Lutroo*, "tha ra"
      (1) Cứu chuộc Y-sơ-ra-ên, Lu-ca 24:21
      (2) Phó chính Ngài để cứu và tẩy sạch một dân tộc, Tít 2:14
      (3) Làm một người thay thế vô tội, I Phi-e-rơ 1:18-19
   c. *Lutrosis*, "cứu chuộc, giải cứu, giải phóng"
      (1) Xa-cha-ri nói tiên tri về Chúa Jêsus, Lu-ca 1:68
      (2) An-ne ngợi khen Đức Chúa Trời vì Chúa Jêsus, Lu-ca 2:38

(3) Tế lễ tốt hơn, một lần đủ cả của Chúa Jêsus, Hê-bơ-rơ 9:12

4. *Apolytrosis*
   a. Sự cứu chuộc trong sự Trở lại lần thứ hai (Công-vụ 3:19-21)
      (1) Lu-ca 21:28
      (2) Rô-ma 8:23
      (3) Ê-phê-sô 1:14;4:30
      (4) Hê-bơ-rơ 9:15
   b. Sự cứu chuộc trong sự chết của Chúa Jêsus
      (1) Rô-ma 3:24
      (2) I Cô-rinh-tô 1:30
      (3) Ê-phê-sô 1:7
      (4) Cô-lô-se 1:14
5. *Antilytron* (I Ti-mô-thê 2:6). Đây là đoạn quan trọng (giống như Tít 2:14) xác nhận sự chết thế của Chúa Jêsus trên cây thập tự (Ê-sai 53). Ngài chính là của tế lễ và là của lễ duy nhất có thể được chấp nhận; là Đấng đã chết cho 'hết thảy' (mọi người) (Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; I Timôthê 2:4; 4:10; Tít 2:11; I Phi-e-rơ 3:9; I Giăng 2:2; 4;14).

B. Khái niệm thần học trong Tân ước hàm ý:
1. Con người bị nô lệ cho tội lỗi (Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18; 6:23).
2. Sự nô lệ của con người cho tội lỗi được bày tỏ qua luật Môi se trong Cựu ước (Ga-la-ti 3) và Bài giảng trên núi của Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 5-7). Thành tích (đạo đức) của con người trở thành bản án tử hình (Cô-lô-se 2:14).
3. Chúa Jêsus là chiên con vô tội của Đức Chúa Trời đã đến và chết thế cho chúng ta (Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta đã được chuộc ra khỏi tội lỗi để mà phục vụ Chúa (Rô-ma 6).
4. Cả Đức Giê-hô-va và Chúa Jêsus được ám chỉ là 'bà con gần' đã đứng ra đại diện cho chúng ta. Điều này được diễn tả tiếp tục bằng những hình ảnh thân thuộc trong gia đình (như cha, chồng, con, anh em, bà con gần).
5. Sự cứu chuộc không phải là giá trả cho Sa-tan (thần học của thời Trung cổ), nhưng là sự hòa hợp giữa sự công bình và lời của Chúa với tình yêu nhờ sự cung ứng đầy đủ của Chúa Jêsus. Tại cây thập tự, sự bình an được phục hồi, sự nổi loạn của con người được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời trong con người hoạt động lại với đầy đủ chức năng trong mối tương giao mật thiết.
6. Sự cứu chuộc vẫn còn một phương diện hướng về tương lai (Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30): Sự giao thông mật thiết với Ba Ngôi Đức Chúa Trời khi còn tại thế và sự sống lại của thân thể.

▣ **"khỏi sự rủa sả của Luật Pháp, bởi Ngài đã nên sự rủa sả vì chúng ta"** Câu Kinh thánh này trích dẫn từ Phục-truyền Luật-lệ Ký 21:23 được dùng để mô tả một người đã bị giết, sau đó bị treo lên hay là đóng cột xiên người nơi công cộng như là một hành động để làm sỉ nhục giữa công chúng. Không được chôn cất tử tế được lý giải là sự rủa sả từ Đức Chúa Trời (xem Ê-sai 53:4, 10). Đức Chúa Giê-su bị đóng đinh như là một người vô tội chịu hình phạt thay cho những kẻ khác. Việc này có ý nghĩa là Ngài mang lấy sự rủa sả của Luật Pháp trên chính Ngài vì chúng ta (xem II Cô-rinh-tô 5:21). Chân lý này thật vượt quá sự hiểu biết: Chúa đã trở nên sự rủa sả vì chúng ta. Chính Ngài đã làm trọn Luật Pháp, nhưng đã chịu chết dưới sự rủa sả của Luật Pháp vì chúng ta (xem Ê-sai 53) và bởi đó huỷ phá quyền lực của nó (xem Cô-lô-se 2:14).

3:14 Hai MỆNH ĐỀ MỤC ĐÍCH (PURPOSE CLAUSES) trong câu 14 dùng để mô tả mục đích của Đức Chúa Trời khi kêu gọi Áp-ra-ham: (1) Đem người người ngoại vào ân điển mà dân Y-sơ-ra-ên được nhận lãnh qua lời hứa cho Áp-ra-ham (xem Sáng-thế Ký 12:3; Ga-la-ti 3:8-9); và (2) bởi đức tin mà tất cả mọi

người được nhận lãnh Đức Thánh Linh như là dấu chỉ được báo trước của Thời đại Mới. Trải nghiệm của Lễ Ngũ Tuần là dấu hiệu cho các Sứ-đồ biết rằng Thời đại Mới đã ló dạng. Tiếp nhận Đức Thánh Linh là hình bóng chỉ sự cứu rỗi (xem 3:1; Lu-ca 24:49; Công-vụ 1:4; Rô-ma 8:9).

BẢN NASB 3:15-22

[15] Hỡi Anh em, tôi nói theo thói quen người ta rằng: Khi một người đã làm tờ giao ước thành rồi, thì không ai có phép được xóa đi hay thêm vào sự gì. [16] Vả, các lời hứa đã được phán cho Áp-ra-ham và cho dòng dõi người không nói: Và cho các dòng dõi người, như chỉ về nhiều người; nhưng nói: Và cho dòng dõi ngươi, như chỉ về một người mà thôi, tức là Đấng Christ. [17]
Vậy thì tôi nói rằng: Lời giao ước mà Đức Chúa Trời trước kia đã kết lập thành rồi, thì không có thể bị hủy đi, và lời hứa cũng không có thể bị bỏ đi bởi luật pháp, là sự cách sau bốn trăm ba mươi năm mới có. [18] Vì, nếu cơ nghiệp được ban cho bởi luật pháp, thì không bởi lời hứa nữa.
Nhưng Đức Chúa Trời đã dùng lời hứa mà ban cơ nghiệp cho Áp-ra-ham. [19] Vậy thì làm sao có
luật pháp? luật pháp đã đặt thêm, vì cớ những sự phạm phép, cho tới chừng nào người dòng dõi đến, là người mà lời hứa đã hứa cho; luật pháp được ban ra bởi mấy thiên sứ và truyền ra bởi một người trung bảo. [20] Vả, người trung bảo chẳng phải là người trung bảo về một bề mà thôi,
nhưng Đức Chúa Trời chỉ có một. [21] Vậy thì luật pháp nghịch cùng lời hứa của Đức Chúa Trời
hay sao? chẳng hề như vậy; vì nếu đã ban cho một luật pháp có thể làm cho sống, thì sự công bình chắc bởi luật pháp mà đến. [22] Nhưng Kinh Thánh đã nhốt hết thảy mọi sự dưới tội lỗi, hầu
cho điều chi đã hứa, bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ mà được ban cho những kẻ tin.

3:15-17

NASB, NKJV	**"giao ước của con người"**
NRSV	**"ý muốn của con người"**
TEV	**"giao ước đó"**
JB	**"nếu là một ý muốn"**

Phao-lô tiếp tục với lập luận của mình bằng cách dùng những minh hoạ thông dụng. Ông dùng một chữ trong tiếng Hy lạp Koine mà có thể được dịch là "chúc thư" hay là "di chúc" trong liên hệ đến di sản của một ai đó. Trong tiếng Hy lạp cổ, chữ này được dịch là "giao ước". Trong bản Septuagint, chữ này được dùng để chỉ giao ước giữa Đức Chúa Trời và nhân loại. Vì đặc tính nhiều nghĩa này nên Phao-lô dùng hình bóng pháp lý để làm ví dụ về giao ước hay là giao kèo giữa Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và dòng dõi của ông. Giao ước này không thể thay đổi. Cùng một cách lập luận như vậy mà trong Hê-bơ-rơ 9:15-20 cũng sử dụng khái niệm chúc thư và di chúc.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Không dễ để định nghĩa cho được chữ *berith* (giao ước) trong tiếng Hê-bơ-rơ. Không có một ĐỘNG TỪ tương ứng trong tiếng Hê-bơ-rơ. Toàn bộ các nỗ lực nhằm truy tìm định nghĩa bằng từ nguyên của nó đều không mấy thuyết phục. Tuy nhiên, ý chính hiển nhiên của nó đã buộc các học giả phải xem xét cách sử dụng chữ này để cố gắng tìm ra ý nghĩa hiện dụng của nó.

Giao ước là phương tiện qua đó Đức Chúa Trời làm việc với tạo vật của Ngài là con người. Khái niệm giao ước, hiệp ước, hay sự thỏa thuận rất quan trọng để giúp hiểu được mặc khải của Kinh thánh. Tính căng thẳng giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người được thấy rõ ràng trong khái niệm giao ước. Các giao ước được lập dựa trên bản tính, hành động và mục đích của Đức Chúa Trời.

1. Sự sáng tạo (Sáng-thế-ký 1-2)
2. Sự kêu gọi Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 12)
3. Giao ước với Áp-ra-ham (Sáng-thế-ký 15)
4. Sự bảo toàn và lời hứa đối với Nô-ê (Sáng-thế-ký 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước đòi hỏi một sự đáp ứng

1. Bởi đức tin, A-đam phải vâng lời Đức Chúa Trời không ăn cây ở giữa vườn Ê-đen (Sáng-thế-ký 2)
2. Bởi đức tin, Áp-ra-ham phải lìa gia đình theo Chúa và tin có hậu tự trong tương lai (Sáng-thế-ký 12, 15)
3. Bởi đức tin, Nô-ê đóng một chiếc tàu lớn cách xa biển và gom thú vật lại (Sáng-thế-ký 6-9)
4. Bởi đức tin, Môi-se đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ê-díp-tô và nhận lãnh những chỉ thị cụ thể về cách tổ chức cuộc sống xã hội và tôn giáo cùng với lời hứa lành và dữ cặp theo (Phục truyền 27-28)

Cũng sự căng thẳng này trong mối liên hệ của Đức Chúa Trời với con người được đề cập đến trong "giao ước mới." Sự gay cấn này được thấy rõ ràng khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Giao ước dựa vào hành động yêu thương của Đức Chúa Trời hay dựa vào sự đáp ứng bắt buộc từ con người? Đây là vấn đề tranh cải bùng lên giữa Giao ước cũ và mới. Mục tiêu của cả hai giao ước này đều giống nhau: (1) Phục hồi lại mối thông công bị cắt đứt trong Sáng-thế-ký 3 và (2) thiết lập một dân tộc công bình phản ảnh bản tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 giải quyết tình trạng căng thẳng này bằng cách cất đi việc làm của con người như một phương tiện để được chấp nhận. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở thành một sự mong muốn từ bên trong chứ không phải là việc làm bên ngoài. Mục tiêu của một dân tin kính, công bình vẫn giữ nguyên, nhưng phương pháp thì thay đổi. Chính con người sa ngã đã chứng tỏ họ không đủ năng lực để phản ảnh hình ảnh của Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:9-18). Vấn đề không phải ở tại giao ước, nhưng vì tội lỗi và sự yếu đuối của con người (Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Sự căng thẳng này giữa giao ước có điều kiện và không điều kiện của Cựu ước vẫn giữ nguyên trong Tân ước. Sự cứu rỗi là hoàn toàn miễn phí bởi công tác đã hoàn tất của Chúa Jêsus Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (lúc ban đầu và tiếp tục sau đó). Nó vừa là sự tuyên bố theo pháp lý vừa là một sự kêu gọi sống giống với Đấng Christ, vừa là lời tuyên bố xác định được chấp nhận, vừa là mạng lệnh phải sống thánh khiết. Người tin Chúa không được cứu bởi việc làm, nhưng được cứu để sống vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Lối sống thánh khiết là bằng chứng của sự cứu rỗi, chứ không phải là phương tiện để được cứu.

3:15

NASB "khi đã được phê chuẩn rồi thì không ai có thể bỏ qua hay là thêm vào điều kiện"
NKJV "khi đã được xác nhận thì không ai có thể huỷ bỏ hay là bổ sung"
NRSV "một khi khế ước đã được lập thì không ai có thể bổ túc hay là hủy bỏ"
TEV "khi hai người đã đồng ý và ký kết thoả thuận, không ai có thể phá vỡ thoả thuận hay là thêm vào đó điều gì"
JB "đã lập thành văn bản, không ai được phép bỏ qua hay là thêm gì vào đó"

Phao-lô đáp trả sự tuyên bố của những người chủ trương Do Thái hoá rằng Luật Pháp Môi-se thay thế cho lời hứa của Áp-ra-ham. Lời hứa cho Áp-ra-ham trong Sáng-thế Ký 15 có hiệu lực dựa trên cả lời hứa của Đức Chúa Trời và việc dâng tế lễ mà trong đó Áp-ra-ham không bị ràng buộc giao ước gì cả, nhưng chỉ bởi đức tin mà thôi (xem Sáng-thế Ký 15:12-21).

3:16 "các lời hứa" "Các lời hứa" ở dạng SỐ NHIỀU (PLURAL) bởi vì Đức Chúa Trời lặp lại nhiều lần lời hứa của Ngài cho Áp-ra-ham (xem Sáng-thế Ký 12:1-3; 13:14-18; 15:1-5, 12-18; 17:1-14; 22:9-19).

▣ **“hạt giống”** Việc dùng chữ “hạt giống” là một cách chơi chữ dựa trên một thành ngữ thông dụng có nghĩa dòng dõi. Mặc dù có dạng SỐ ÍT (SINGULAR), nhưng về ý nghĩa nó có thể là số ít hay là số nhiều. Trong trường hợp này, Phao-lô dùng chữ này để chỉ về Đức Chúa Giê-su chứ không phải Y-sác, do đó lời hứa của Đức Chúa Trời không liên kết với giao ước của Luật Pháp Môi-se. “Hạt giống” hay là dòng dõi có thể hiểu theo ý nghĩa tổng quát là chỉ những con cái của Đức Chúa Trời bởi đức tin, giống như Áp-ra-ham (xem Rô-ma 2:28-29).

3:17 “luật pháp, là sự cách sau bốn trăm ba mươi năm mới có” Phao-lô đưa ra thêm một lý do để chỉ sự siêu việt trong lời hứa của Áp-ra-ham là nó đã có trước Luật Pháp Môi-se. Đã có nhiều bàn luận về con số bốn trăm ba mươi năm, dường như là không chính xác khi so sánh với những trưng dẫn từ Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40 cho biết thời gian bị giam cầm tại Ai-cập kéo dài 430 năm. Một số học giả dùng bản dịch Septuagint và bản Ngũ Kinh của người Sa-ma-ri trong Xuất Ê-díp-tô Ký 12:40 bổ sung “và trong đất của người Ca-na-an”. Sáng-thế Ký 15:13 và Công-vụ 7:6 ghi lại rằng dân Y-sơ-ra-ên bị cầm giữ tại Ai-cập trong 400 năm. Tuy nhiên những học giả khác lại quả quyết rằng lời hứa không chỉ dành cho Áp-ra-ham mà thôi, nhưng đã được lặp lại cho tất cả các Tổ phụ và con số năm này đơn giản ám chỉ thời gian giữa lần cuối cùng lời hứa này được lặp lại cho các tổ phụ đến khi Môi-se tiếp nhận Luật Pháp. Theo văn mạch, Phao-lô chỉ chú trọng đến khoảng thời gian dài giữa lời hứa dành cho Áp-ra-ham và thời điểm của Luật Pháp Môi-se, chứ không chú trọng khoảng thời gian đó kéo dài bao lâu.

▣ **“lời hứa cũng không có thể bị bỏ đi”** Chữ này (*katargeō)* được dịch theo nhiều cách nhưng ý nghĩa chính vẫn là khiến một điều gì đó trở nên vô dụng, huỷ bỏ, không thể vận hành, bất năng nhưng không hẳn là biến mất đi hay là bị tiêu hủy.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LÀM RA HƯ KHÔNG VÀ TRỐNG RỖNG (*KATARGEO*)

Chữ “*katargeo*” là một trong những chữ Phao lô rất thích dùng. Ông dùng ít nhất là 25 lần nhưng nó có một tầm ý nghĩa rất rộng.

A. Từ gốc của nó từ chữ *argos* có nghĩa là:
   1. Không hoạt động
   2. Vô hiệu
   3. Không được sử dụng
   4. Vô dụng
   5. Không vận hành
B. Từ ghép với chữ *kata* được dùng để diễn tả:
   1. Tình trạng không hoạt động
   2. Sự vô dụng
   3. Điều gì đó bị hủy bỏ
   4. Điều gì đó bị bỏ đi
   5. Điều gì đó hoàn toàn không chạy được
C. Nó được dùng một lần trong Lu-ca để chỉ một cái cây không kết quả, vì vậy vô dụng (Lu-ca 13:7)
D. Phao lô dùng với nghĩa bóng theo hai cách sau:
   1. Chúa làm mất tác dụng (inoperative) của một số điều mà nó gây thù nghịch với con người
      a. Bản chất tội lỗi của con người - Rô-ma 6:6
      b. Luật Môi se và lời hứa của Chúa về “hột giống” - Rô-ma 4:14; Ga-la-ti 3:17; 5:4,11; Ê-phê-sô 2:15
      c. Các thế lực thần linh - I Cô-rinh-tô 15:24
      d. “Kẻ nghịch cùng luật pháp” - II Tê-sa-lô-ni-ca 2:8
      e. Sự chết thuộc thể - I Cô-rinh-tô 15:26; II Ti-mô-thê 1:16 (Hê-bơ-rơ 2:14)
   2. Chúa thay cái cũ (luật pháp, thời kỳ) bằng cái mới

a. Những điều liên hệ đến luật Môi se - Rô-ma 3:3,31; 4:14; II Cô-rinh-tô 3:7,11,13,14
b. Hình bóng về hôn nhân dùng trong Luật pháp - Rô-ma 7:2,6
c. Những điều thuộc về đời này - I Cô-rinh-tô 13:8, 10,11
d. Thân thể này - I Cô-rinh-tô 6:13
e. Những người lãnh đạo đời này- I Cô-rinh-tô 1:28; 2:6

Từ ngữ này được dịch nhiều cách khác nhau nhưng ý nghĩa chính của nó là làm cho điều gì đó trở nên vô dụng, vô nghĩa, trống rỗng, không hoạt động được, mất quyền lực, nhưng không có nghĩa là không tồn tại, bị hủy diệt, hay tiêu hủy.

3:18
NASB “nhưng Đức Chúa Trời đã ban nó cho Áp-ra-ham bởi phương cách là lời hứa”
NKJV “nhưng Đức Chúa Trời đã ban nó cho Áp-ra-ham bởi lời hứa”
NRSV “nhưng Đức Chúa Trời đã ban nó cho Áp-ra-ham bằng lời hứa”
TEV “Tuy nhiên, bởi vì Đức Chúa Trời đã hứa nên Ngài ban nó cho Áp-ra-ham”
JB “chính xác là trong hình thức lời hứa Đức Chúa Trời ban tặng phẩm cho Áp-ra-ham”

Đây là ĐỘNG TỪ TRUNG CẤP HOÀN THÀNH (PERFECT MIDDLE VERB) nhấn mạnh rằng chính Đức Chúa Trời đã làm một việc trong quá khứ mà những kết quả của nó kéo dài đến trong hiện tại. Nghĩa gốc của chữ “ban cho” là “quà tặng” hay là “ân điển”. Điều này nhấn mạnh đến tính chất cho không trong hành động của Đức Chúa Trời, hoàn toàn dựa nơi bản tính của Ngài thông qua công tác của Đấng Mết-si-a.

3:19
NASB, NRSV “vậy thì tại sao có Luật Pháp”
NKJV “mục đích của Luật Pháp là gì”
TEV “vậy thì mục đích của Luật Pháp là gì”
JB “vậy thì mục đích thêm vào Luật Pháp là gì”

Phao-lô trở lại với cách nói hùng biện giống như trong các câu 1-5. Ông khởi đầu với hai câu hỏi mà qua đó ông cố gắng lý giải mục đích của Luật Pháp Môi-se trong kế hoạch của Đức Chúa Trời (xem câu 19 và 21). Ông tiếp tục sử dụng phương cách tạo sự đối nghịch này là vì trong lý luận trước đó ông đã tấn công quá mạnh mẽ chủ đích của Luật Pháp mà có thể khiến một số độc giả nghĩ rằng Phao-lô cổ xúy cho thuyết chống đối luật pháp.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE

A. Luật pháp là điều tốt lành và đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12, 16).
B. Nó không phải là con đường dẫn đến sự công bình để được Đức Chúa Trời chấp nhận (thậm chí nó có thể là một sự rủa sả, Ga-la-ti 3).
C. Nó vẫn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho người tin Chúa, bởi vì nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời (Phao-lô thường trích Cựu ước để cáo trách hoặc khích lệ người tin Chúa)
D. Người tin Chúa được cung cấp thông tin từ Cựu ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng không được cứu bởi Cựu ước (Công vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ)
E. Nó thực hiện chức năng trong Giao ước mới để:
1. Chỉ tội lỗi (Ga-la-ti 3:15-29)
2. Hướng dẫn những người được cứu sống trong xã hội
3. Cung cấp thông tin cho các quyết định đạo đức Cơ đốc

Chính sự chuyển biến lớn thần học này từ sự rủa sả và bị bỏ đi biến nên phước hạnh và vững bền đã gây ra sự khó khăn trong nỗ lực tìm hiểu quan điểm của Phao-lô về Luật Môi-se. Trong cuốn *A Man in Christ*, James Stewart cho thấy cách suy nghĩ và viết đầy nghịch lý của Phao-lô:

"Thông thường chúng ta mong đợi một người nào đó xây dựng một hệ thống tư tưởng và học thuyết sẽ xác định chính xác ý nghĩa của những thuật ngữ mà người đó dùng. Chúng ta mong đợi người này chú tâm vào việc dùng các từ ngữ một cách thật chính xác để trình bày các ý tưởng chủ đạo của mình. Chúng ta đòi hỏi một từ ngữ, một khi đã được người viết sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt, sẽ luôn mang ý nghĩa đó một cách xuyên suốt. Chúng ta sẽ thất vọng khi tìm kiếm điều này nơi Phao-lô. Hầu hết các lối diễn tả từ ngữ của ông thay đổi luôn, không cứng ngắt…Ông viết "luật pháp là thánh" "tôi ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời theo con người bên trong (Rô-ma 7:12, 22) nhưng rõ ràng có một khía cạnh khác của luật pháp (*nomos*) khiến cho ông nói ở trong một chỗ khác như vầy: "Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi rủa sả của luật pháp (Ga-la-ti 3:13)" (trang 26).

▣ **"luật pháp đã đặt thêm, vì có những sự phạm phép, cho tới chừng nào người dòng dõi đến, là người mà lời hứa đã hứa cho; luật pháp được ban ra bởi mấy thiên sứ và truyền ra bởi một người trung bảo"** Bốn yếu tố liên hệ đến sự sút kém của Luật Pháp so với lời hứa có thể được phân tích tại đây: (1) Nó được thêm vào sau đó; (2) nó làm tăng thêm sự phạm tội; (3) nó chỉ hiện hữu giới hạn cho đến khi Đấng Mết-si-a, "người dòng dõi" đến; và (4) nó đã được ban cho qua một trung gian. Cụm từ "tăng thêm sự vi phạm" cũng còn có thể được giải nghĩa là "giới hạn sự vi phạm". Cách dịch nghĩa thứ hai có thể là dựa vào cú pháp. Tuy nhiên, theo sự phân tích đầy đủ của Phao-lô trong những chương đầu của sách Rô-ma (xem Rô-ma 3:20; 4:15; 5:20; 7:1), thì Luật Pháp được ban cho để chỉ rõ cho con người biết được tội lỗi của họ. Phi-líp 3:6 và Rô-ma 7:7-11 đưa ra một nghịch lý. Phao-lô cảm nhận rằng ông đã làm trọn tất cả mọi đòi hỏi của Luật Pháp trong cuộc đời mình. Tuy nhiên, sau đó sự thèm khát đã bày tỏ rõ ràng rằng Phao-lô là một tội nhân và cần sự cứu rỗi tâm linh. Quan điểm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo về các thiên sứ như là các tác nhân làm trung gian của Luật Pháp có thể thấy qua cách dịch Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:2 trong bản Septuagint. Chi tiết về các thiên sứ liên hệ đến việc ban Luật Pháp cũng được trình bày trong Công-vụ 7:38,53 và Hê-bơ-rơ 2:2; trong quyển *Antiquities of the Jew*, 15:5:3 của Josephus và sách không được kinh điển *Book of Jubilees*, 1:27-29. Có thể theo ý của Phao-lô Thiên sứ của Chúa tiếp tục ở với dân sự nhưng Đức Giê-hô-va thì không (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:20-33; 32:34; 33:2).

3:20

NASB "bây giờ người hoà giải không chỉ cho một phía mà thôi; nhưng chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời"
NKJV "bây giờ người hoà giải không chỉ hoà giải cho một phía mà thôi; nhưng chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời"
NRSV "bây giờ người hoà giải liên hệ đến nhiều hơn một phía; nhưng chỉ có duy nhất một Đức Chúa Trời"
TEV "nhưng người liên lạc thì không cần khi chỉ có một người; và Đức Chúa Trời thì là một"
JB "bây giờ chỉ có thể có một trung gian giữa hai phía, mà Đức Chúa Trời thì là một"

Câu này đem đến cho người giải kinh nhiều lãnh vực khác nhau. Theo văn mạch, cách hiểu hiển nhiên sẽ là trình tự ban phát của Luật Pháp là từ Đức Chúa Trời, qua các thiên sứ, đến Môi-se, đến dân sự. Vì vậy lời hứa siêu việt hơn bởi vì nó được ban phát mặt đối mặt giữa hai bên là Đức Chúa Trời và Áp-ra-ham, trong khi đó giao ước Môi-se liên hệ đến bốn bên. Lời hứa không cần phải có sự dàn xếp. Nó cũng có thể ám chỉ đến lời hứa vô điều kiện của Đức Chúa Trời cho Áp-ra-ham trong Sáng-thế Ký 15:12-21. Chỉ có Đức Chúa Trời tham dự trong việc thiết lập lời hứa. Mặc dù sự liên lạc ban đầu của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham là có điều kiện (xem Sáng-thế Ký 12:1), nhưng Phao-lô vẫn sử dụng Sáng-thế Ký 15 để làm rõ lý luận của mình. Giao ước Môi-se là có điều kiện đối với Đức Chúa Trời và nhân loại. Vấn đề ở chỗ là kể từ sau Sự Sa ngã (xem Sáng-thế Ký 3) thì nhân loại không còn khả năng để thi hành phần trách nhiệm của họ trong giao ước. Do đó, lời hứa siêu việt hơn.

3:21 "Vậy thì luật pháp nghịch cùng lời hứa của Đức Chúa Trời hay sao?" Bản văn tiếng Hy lạp không có MẠO TỪ (ARTICLE) đi kèm theo chữ "luật pháp" là cách dùng từ để ám chỉ Luật Pháp Môi-se. Cách dùng chữ "luật pháp" không có MẠO TỪ xuất hiện ba lần trong các câu 21 và 4:5. Thông thường chữ "luật pháp" không kèm theo MẠO TỪ trong sách Ga-la-ti ám chỉ đến những cố gắng của con người để đạt được ân sủng của Đức Chúa Trời qua những cách thức thi hành điều luật tôn giáo hay tập tục văn hoá thông thường. Điểm chính không phải là theo đường lối nào nhưng phải tin rằng con người không thể đạt được sự chấp nhận đối với một Đức Chúa Trời thánh khiết (xem Ê-phê-sô 2:9). Nên việc nghiên cứu kỹ lưỡng Rô-ma 7 là vô cùng quan trọng.

▣ **"vì nếu đã ban cho một luật pháp"** Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI (SECOND CLASS CONDITIONAL SENTENCE) trình bày khái niệm "trái ngược với sự thật". Một bản dịch mở rộng sẽ có lời văn như sau: "nếu Luật Pháp đã được ban cho có thể đem lại sự sống (điều đã không hề có) thì địa vị xứng đáng có thể đạt được qua Luật Pháp (là điều sai)". Luật Pháp chưa bao giờ là phương cách để có thể xứng đáng trước Đức Chúa Trời. Đó là sự bày tỏ chân thật từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12). Luật Pháp là sự bày tỏ được linh cảm và có giá trị nhưng không phải trong lĩnh vực về địa vị xứng đáng hay là sự cứu rỗi.

▣ **"sự công bình"** Xem chủ đề đặc biệt trong 2:21.

3:22
NASB "nhưng Kinh thánh đã giam giữ mọi người dưới tội lỗi"
NKJV "nhưng Kinh thánh đã nhốt mọi người dưới tội lỗi"
NRSV "nhưng Kinh thánh đã giam giữ mọi sự dưới quyền lực của tội lỗi"
TEV "nhưng Kinh thánh đã phán cả thế giới ở dưới quyền lực của tội lỗi"
JB "Kinh thánh cho biết không có ngoại lệ khi nói rằng tội lỗi cai trị mọi nơi"

Không rõ Phao-lô đang ám chỉ đến khúc kinh văn nào trong Cựu Ước, dù rằng có thể đó là Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:26, đã được nhắc đến trước đó trong Ga-la-ti 2:16; 3:10. Sự sa ngã và bị phân cách (khỏi Đức Chúa Trời) của nhân loại là điểm đầu tiên trong Phúc âm của Phao-lô (xem Rô-ma 3:9-18,22-23; 11:32). Trong nghĩa đen, chữ được dùng tại đây là "mọi sự" ở dạng TRUNG TÍNH (NEUTER), chứ không phải là "mọi người" ở dạng GIỐNG ĐỰC (MASCULINE). Một số người xem đây là điểm nhấn mạnh về tính hoàn vũ trong sự cứu chuộc của Đấng Christ (xem Rô-ma 8:18-25; Ê-phê-sô 1:22 cùng với cả sách Cô-lô-se với chủ đề là sự cứu chuộc hoàn vũ trong Đấng Christ). Tuy nhiên theo văn mạch ở đây là ám chỉ đến cả nhân loại, kể cả người Do thái, những người chủ trương Do Thái hoá và người ngoại bang.

▣ **"hầu cho điều chi đã hứa, bởi đức tin trong Đức Chúa Jêsus Christ mà được ban cho những kẻ tin"** Đây là câu tóm tắt cho cả phần phân tích về ân điển và ân huệ của Đức Chúa Trời đến từ lời hứa của Ngài cho Áp-ra-ham và dòng dõi của ông, chứ không bằng công đức hay là việc làm của con người. Lưu ý sự lặp lại của chữ "*pistis*" được dịch là "đức tin" và "tin cậy".

BẢN NASB 3:23-29

23 Trước khi đức tin chưa đến, chúng ta bị nhốt dưới sự canh giữ của luật pháp mà chờ đức tin phải bày ra. 24 Ấy vậy, luật pháp đã như thầy giáo đặng dẫn chúng ta đến Đấng Christ, hầu cho chúng ta bởi đức tin mà được xưng công bình. 25 Song khi đức tin đã đến, chúng ta không còn phục dưới thầy giáo ấy nữa. 26 Vì chưng anh em bởi tin Đức Chúa Jêsus Christ, nên hết thảy đều là con trai của Đức Chúa Trời. 27 Vả, anh em thảy đều chịu phép báp tem trong Đấng Christ, đều mặc lấy Đấng Christ vậy. 28 Tại đây không còn chia ra người Giu-đa hoặc người Gờ-réc; không còn người tôi mọi hoặc người tự chủ; không còn đờn ông hoặc đờn bà; vì trong Đức Chúa Jêsus Christ, anh em thảy đều làm một. 29 Lại nếu anh em thuộc về Đấng Christ, thì anh em là dòng dõi của Áp-ra-ham, tức là kẻ kế tự theo lời hứa.

3:23 "Trước khi đức tin chưa đến" MẠO TỪ XÁC ĐỊNH (DEFINITE ARTICLE) được sử dụng cùng với "đức tin" để ám chỉ lẽ thật Cơ-Đốc-Giáo (xem Công-vụ 6:7; 13:8; 14:22; Ga-la-ti 1:23; 6:10; Giu-đe câu 3,20). Tuy nhiên theo văn mạch ở đây là ẩn dụ về thời đại của Phúc âm.



NASB "chúng ta bị giam dưới Luật Pháp, bị nhốt cho đến khi đức tin sau đó được tỏ ra"
NKJV "chúng ta bị canh giữ dưới Luật Pháp, cho đến khi đức tin được bày tỏ ra sau đó"
NRSV "chúng ta đã bị giam và canh giữ dưới luật pháp cho đến khi đức tin được bày tỏ"
TEV "Luật Pháp đã giam chúng ta như những tù nhân, cho đến khi đức tin này được bày tỏ"
JB "chúng ta không được tự do bởi Luật Pháp; chúng ta bị canh giữ cho đến khi đức tin được bày tỏ"

Luật Pháp được mô tả như là người cai ngục lần đầu tiên trong câu 22. Nhân loại bị giữ trong sự bảo vệ cho đến khi Đấng Mết-si-a đến (xem Phi-líp 4:7; I Phi-e-rơ 1:5). Ẩn dụ thứ hai được dùng để mô tả Luật Pháp trong câu 24 khi nó được gọi là người bảo hộ cho chúng ta. Trong xã hội Hy lạp và Rô-ma chữ này để chỉ người chăm sóc những thiếu niên nam người Hy lạp hay Rô-ma. Người bảo hộ chịu trách nhiệm sự an ninh, lương thực, chuyên chở và dạy dỗ, do đó chữ "người bảo hộ" có hai ẩn ý: người bảo vệ và người thi hành kỷ luật. Phao-lô phân biệt rõ chủ đích của Luật Pháp trong kế hoạch của Đức Chúa Trời: (1) bày tỏ tội lỗi của chúng ta và (2) như người bảo hộ coi giữ chúng ta cho đến khi ân điển ban cho không của Đấng Christ đến (xem Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 1:16; 10:9-13).

3:24
NASB "Luật Pháp trở nên thầy giáo dẫn chúng ta đến Đấng Christ"
NKJV "Luật Pháp là thầy giáo đem chúng ta đến Đấng Christ"
NRSV "Luật Pháp là người thi hành kỷ luật cho đến khi Đấng Christ đến"
TEV "do đó Luật Pháp kiểm soát chúng ta cho đến khi Đấng Christ đến"
JB "Luật Pháp là người bảo hộ chúng ta cho đến khi Đấng Christ đến"

Có hai cách giải nghĩa khác nhau về CỤM GIỚI TỪ (PREPOSITIONAL PHRASE) "đến Đấng Christ": (1) đem chúng ta đến với Đấng Christ, theo như bản dịch NASB, NKJV, và NIV; hoặc là (2) cho đến khi Đấng Christ đến như bản dịch NRSV, TEV, và JB.

 **"hầu cho chúng ta bởi đức tin mà được xưng công bình"** "Xưng công bình bằng đức tin" là khẩu hiệu nổi tiếng của phong trào Cải Chánh. Luật Pháp có dự phần vào tặng phẩm cho không của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Nó cung cấp tiền đề cần thiết cho Phúc âm đó là nhu cầu (cứu rỗi) của chúng ta. Đức tin cứu rỗi luôn luôn có các đặc điểm (1) nhận thức, (2) ý chí, và (3) các yếu tố liên hệ.

3:25 "Song khi đức tin đã đến, chúng ta không còn phục dưới thầy giáo ấy nữa." Các tín hữu không còn là trẻ em vị thành niên, nhưng họ đã trở nên những người con trưởng thành hưởng trọn quyền thừa kế. Tất cả những điều này diễn ra do bởi ân điển của Đức Chúa Trời, công tác trọn vẹn của Đấng Christ và ăn năn với đức tin là sự đáp ứng của chúng ta.

3:26 "anh em bởi tin Đức Chúa Jêsus Christ, nên hết thảy đều là con trai của Đức Chúa Trời" Cụm từ "là những con trai của Đức Chúa Trời" ám chỉ những ai đã tiếp nhận Đấng Christ bằng đức tin (xem Rô-ma 8:14-17). Câu này không hề ủng hộ cho thuyết phổ quát, cũng giống như Rô-ma 5:18 hay là 11:32, nhưng nó có đề cập đến sự ban cho tổng quát của sự cứu rỗi. "Tất cả" xuất hiện đầu câu văn Hy lạp để nhấn mạnh.

3:27 "Vả, anh em thảy đều chịu phép báp tem trong Đấng Christ" Đây không phải là sự nhấn mạnh về lễ báp-tem như là một phương tiện của sự cứu rỗi. Nếu chấp nhận nó là phương tiện cứu rỗi là quay lại lập luận của những người chủ trương Do Thái hoá đối với phép cắt bì. Lễ báp-tem Cơ-Đốc-Giáo là dấu hiệu bày tỏ việc làm của Đức Thánh Linh mà trước đó trong các câu 2,3,5,14 đã đề cập (xem I Cô-rinh-tô 12:13). Được báp-tem trong, bởi, với Đức Thánh Linh là một ẩn dụ Kinh thánh của việc trở thành một

Cơ-Đốc Nhân. Lễ báp-tem chỉ đơn giản là một cơ hội xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ một cách công khai và cũng là một dấu hiệu cặp theo bày tỏ sự thay đổi bên trong. Nếu biến lễ báp-tem bằng nước là một tiền đề cho sự cứu rỗi thì đã trở thành Tân Do Thái Hoá.

▣ **“đều mặc lấy Đấng Christ vậy”** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST MIDDLE INDICATIVE) nhấn mạnh đến một hành động có chủ ý từ chúng ta. Điều này liên hệ đến ý “mặc lấy” (như mặc áo) những tính cách trong gia đình của Đức Chúa Trời. Ẩn dụ quần áo này thường được Phao-lô sử dụng (xem Rô-ma 13:14; Ê-phê-sô 4:22,24,25,31; Cô-lô-se 3:10,12,14). Nó có thể ám chỉ đến nghi thức của người Rô-ma khi một bé trai đổi chiếc áo khoác của trẻ em bằng chiếc áo khoác của người lớn và trở thành một công dân có quyền đầy đủ (tương tự như nghi lễ *Bar-Mitzvah* của người Do thái). Nếu đúng vậy thì đây sẽ là biểu tượng cho việc chúng ta trưởng thành và được hưởng trọn quyền thừa kế.

3:28 Những sự phân biệt mà những người chủ trương Do Thái hoá nhấn mạnh nay được hoàn toàn dỡ bỏ trong Đấng Christ. Không còn có bất cứ rào cản nào cho bất cứ ai trở thành Cơ-Đốc-Nhân. Sự ngạo mạn của người Do thái đối với người ngoại bang, nô lệ, và phụ nữ đã hoàn toàn bị hủy bỏ. Các sự phân biệt không thích hợp cho sự cứu rỗi (xem Rô-ma 3:22; I Cô-rinh-tô 12:13; and Cô-lô-se 3:11). Tuy nhiên điều này không có nghĩa là chúng ta không còn là nam giới hay là nữ giới, nô lệ hay là tự do, người Do thái hay là người Hy lạp. Những sự phân biệt này vẫn tồn tại và có những khúc Kinh thánh nói về sự phân biệt này, nhưng trong lãnh vực trở thành Cơ-Đốc Nhân thì không còn bất cứ rào cản nào. Mỗi một rào cản dựng lên bởi sự tự xưng công chính, nhiệt thành với luật pháp hay là bởi con người sai lệch đều đã bị Đấng Christ phá đổ hoàn toàn. Ha-lê-lu-gia!

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TỆ PHÂN BIỆT CHỦNG TỘC

I. Giới thiệu
   A. Đây là biểu lộ phổ biến của một nhân loại sa ngã trong mọi xã hội. Đây là bản ngã của con người, bắt người khác chu cấp, phục vụ cho mình. Phân biệt chủng tộc dưới nhiều hình thức là một hiện tượng của xã hội hiện đại, trong khi tinh thần chủ nghĩa dân tộc (hay chủ nghĩa bộ tộc) xuất hiện xa xưa hơn.
   B. Chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tại tháp Ba-bên (Sáng-thế-ký 11) và có nguồn gốc từ ba con trai của Nô-ê để rồi từ những người này mà phát triển thành nhiều chủng tộc (Sáng-thế-ký 10). Tuy nhiên Kinh thánh cho thấy rõ ràng con người chỉ có một nguồn gốc (tức là A-đam và Ê-va, tạo vật đặc biệt của Đức Chúa Trời, Sáng-thế-ký 1-3; Công-vụ 17:24-26).
   C. Phân biệt chủng tộc chỉ là một trong vô số những thành kiến khác. Một số khác như (1) hợm hỉnh về kiến thức; (2) khoe khoang tình trạng xã hội-kinh tế; (3) giữ luật pháp tôn giáo để cho mình là đạo đức; và (4) là hội viên của nhóm chính trị cuồng tín.

II. Tư liệu Kinh thánh
   A. Cựu ước
      1. Sáng-thế-ký 1:27 Cả người nam, người nữ được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời làm cho họ đặc biệt. Điều đó cũng cho thấy giá trị và phẩm cách cá nhân của con người (Giăng 3:16).
      2. Sáng-thế-ký 1:11-25 Cụm từ “tùy theo loại…” được lặp đi lặp lại 10 lần. Điều này được sử dụng để hậu thuẫn cho sự phân chia chủng tộc. Tuy nhiên, trong mạch văn này rõ ràng chỉ các thú vật và cây cỏ chứ không nói đến con người.
      3. Sáng-thế-ký 9:18-27 Phân đoạn này được dùng để ủng hộ chủng tộc ưu việt. Phải nhớ rằng Đức Chúa Trời không rủa rả Ca-na-an. Cha của anh ta là Nô-ê đã rủa sả anh sau khi tỉnh dậy từ cơn say. Kinh thánh chưa bao giờ ghi rằng Đức Chúa Trời xác nhận lời nguyền

rủa, rủa sả này. Nếu Chúa có làm điều đó thì cũng không ảnh hưởng gì đến chủng tộc da màu. Ca-na-an là tổ phụ của những người sống ở vùng Pa-lét-tin và những hình ảnh trên bức tường của người Ê-díp-tô cho thấy họ không phải là người da đen.

4. Giô-suê 9:23 - Câu này dùng để chứng minh rằng chủng tộc này sẽ làm nô lệ cho chủng tộc kia. Tuy nhiên, người Ga-ba-ôn cũng cùng nguồn gốc với người Do thái.
5. E-xơ-ra 9-10 và Nê-hê-mi 13 - Những đoạn này thường được dùng trong ý nghĩa chủng tộc, nhưng theo mạch văn này cho thấy các hôn nhân này bị lên án không phải bởi vì khác chủng tộc (họ cùng là con cái của con trai Nô-ê, Sáng-thế-ký 10), nhưng vì lý do tôn giáo.

B. Tân ước
1. Các sách Phúc âm
   a. Chúa Jêsus sử dụng vấn đề hiềm thù giữa dân Do thái và Sa-ma-ri một vài lần, cho thấy vấn đề hiềm thù chủng tộc là không xứng hiệp.
      1) Câu chuyện Người Sa-ma-ri nhân lành (Lu-ca 10:25-37)
      2) Người đàn bà bên giếng (Giăng 4:4)
      3) Người phung biết ơn (Lu-ca 17:7-19)
   b. Phúc âm dành cho tất cả mọi người
      1) Giăng 3:16
      2) Lu-ca 24:46-47
      3) Hê-bơ-rơ 2:9
      4) Khải huyền 14:6
   c. Vương quốc của Chúa bao gồm toàn thể nhân loại
      1) Lu-ca 13:29
      2) Khải huyền 5
2. Công-vụ
   a. Công-vụ 10 là phân đoạn nền tảng về tình yêu hoàn vũ của Đức Chúa Trời và sứ điệp hoàn vũ của Phúc âm.
   b. Phi-e-rơ bị công kích vì hành động của ông trong Công-vụ 11 và vấn đề này không được giải quyết mãi cho đến Giáo hội nghị tại Giê-ru-sa-lem trong Công-vụ 15. Sự căng thẳng giữa những người Do thái thế kỷ thứ nhất và người ngoại tin đạo rất lớn.
3. Phao lô
   a. Không có một rào cản nào trong Đấng Christ
      1) Ga-la-ti 3:26-28
      2) Ê-phê-sô 2:11-22
      3) Cô-lô-se 3:11
   b. Đức Chúa Trời không vị nể ai
      1) Rô-ma 2:11
      2) Ê-phê-sô 6:9
4. Phi-e-rơ và Gia-cơ
   a. Đức Chúa Trời không thiên vị , I Phi-e-rơ 1:17
   b. Bởi vì Chúa không thiên vị nên con dân Chúa cũng phải như vậy, Gia-cơ 2:1
5. Giăng

   Một trong những câu nói mạnh mẽ nhất về trách nhiệm của các tín nhân là trong I Giăng 4:20

III. Kết luận

A. Phân biệt chủng tộc hay các loại thành kiến, đều hoàn toàn không xứng hiệp với con cái Chúa. Sau đây là câu trích từ Henlee Barnette, người đã phát biểu tại một diễn đàn ở Glorieta, New Mexico trong Hội đồng Christian Life (Christian Life Commission) năm 1964: “Phân biệt chủng tộc là tà giáo, bởi vì nó không đúng với Kinh thánh, không phải là đặc tính Cơ đốc nhân, đừng nói chi đến việc nó không đúng với khoa học.”

B. Vấn đề này cho các Cơ đốc nhân cơ hội để bày tỏ tình yêu giống như Đấng Christ, sự tha thứ

và cảm thông cho một thế giới hư mất. Sự khước từ của Cơ đốc nhân trong lãnh vực này cho thấy sự không trưởng thành và là dịp cho ma quỷ ngăn cản bước tiến đức tin của các tín nhân, sự vững vàng, và sự trưởng thành. Nó cũng có thể làm rào cản cho những người hư mất không thể đến với Đấng Christ được.

C. Tôi phải làm gì? (Phần này trích từ truyền đơn của Christian Life Commission có tựa là "Liên hệ Chủng tộc"

TRÊN PHƯƠNG DIỆN CÁ NHÂN
★ Tự nhận trách nhiệm giải quyết vấn đề liên quan đến chủng tộc
★ Qua sự cầu nguyện, học Kinh thánh, và thông công với những người khác chủng tộc, cố gắng loại bỏ khỏi đời sống những thành kiến về chủng tộc
★ Bày tỏ niềm tin của bạn về vấn đề chủng tộc, đặc biệt là ở những nơi mà những người khích động sự hiềm thù chủng tộc không bị ngăn chận.

TRONG CUỘC SỐNG GIA ĐÌNH
★ Nhận ra tầm quan trọng của ảnh hưởng gia đình trong sự hình thành những thái độ về chủng tộc khác
★ Tìm cách phát triển cách nhìn Cơ đốc bằng việc nói về những điều con cái hay cha mẹ nghe biết về vấn đề chủng tộc ở bên ngoài
★ Cha mẹ nên cẩn thận làm gương của một tín đồ Cơ đốc khi tiếp xúc với những người khác chủng tộc
★ Tìm dịp làm thân với những người khác chủng tộc

TRONG HỘI THÁNH
★ Bằng cách nghe giảng dạy về các lẽ thật Kinh thánh về vấn đề chủng tộc, Hội thánh được khích lệ sống làm gương cho cả cộng đồng.
★ Cần bảo đảm rằng sự thờ phượng, thông công, phục vụ trong nhà thờ được mở ra cho tất cả mọi người. Trong những Hội thánh thời Tân ước cũng không thấy những rào cản chủng tộc nào (Ê-phê-sô 2:11-22; Ga-la-ti 3:26-29).

TRONG CUỘC SỐNG THƯỜNG NGÀY
★ Giúp vượt qua tất cả những phân biệt chủng tộc trong thế giới doanh nghiệp
★ Làm việc qua các tổ chức cộng đồng đủ loại để bảo đảm quyền lợi và cơ hội công bằng. Nên nhớ rằng chúng ta tấn công việc phân biệt chủng tộc chứ không phải những con người. Mục tiêu là cổ vũ sự hiểu biết chứ không phải sự cay cú.
★ Nếu thấy thích hợp, hãy thành lập một ủy ban đặc biệt gồm những công dân có quan tâm với mục đích mở ra những phương tiện truyền thông trong cộng đồng để giáo dục quần chúng và có những hành động cụ thể để cải thiện mối quan hệ chủng tộc.
★ Ủng hộ các hiến pháp và những nhà lập hiến muốn thông qua luật cải tiến sự công bằng chủng tộc và chống lại những người khai thác sự thành kiến này cho những lợi ích chính trị.
★ Khen ngợi các nhân viên thi hành công vụ khi thi hành luật mà không có sự phân biệt chủng tộc
★ Tránh bạo động, đề xướng sự tôn trọng luật, làm mọi việc có thể làm được như một công dân Cơ đốc để bảo đảm những cấu trúc luật pháp không trở thành công cụ trong tay những người muốn đẩy mạnh sự phân biệt chủng tộc.
★ Làm gương về tinh thần và tâm trí của Đấng Christ trong mọi giao tiếp với con người.

▣ **"vì trong Đức Chúa Jêsus Christ, anh em thảy đều làm một"** Cả nhân loại đã trở nên một trong A-đam (Rô-ma 5:12ff.), tất cả họ cũng có tiềm năng trở nên một trong Đấng Christ (xem Rô-ma 5:18). Rào cản duy nhất là sự ăn năn và đức tin cá nhân trong Đấng Christ (Mác 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21). Sự nhấn mạnh tập thể này rất giống với khái niệm tập thể dân Y-sơ-ra-ên. Chúng ta giờ đây là một đơn vị tập thể mới là Hội thánh (xem Giăng 17; Rô-ma 12:4,5; I Cô-rinh-tô 12:12ff.).

3:29 "nếu" Tại đây chữ "nếu" trình bày một CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) được xem như đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả.

▣ **"nếu anh em thuộc về Đấng Christ, thì anh em là dòng dõi của Áp-ra-ham, tức là kẻ kế tự theo lời hứa."** Không phải cả quốc gia hay là chủng tộc Do thái là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh thực sự (xem 6:16; Rô-ma 2:28-29; 9:6), nhưng tất cả mọi người dân Y-sơ-ra-ên thực sự là bởi đức tin. Do đó, không còn sự phân biệt giữa người Do thái và người ngoại bang mà chỉ còn giữa những người có đức tin nơi Đấng Mết-si-a và những người không có đức tin. Đức Chúa Trời không có sự thiên vị. Chương trình ân sủng phổ quát một lần của Đức Chúa Trời để cứu rỗi nhân loại là sự ăn năn và đức tin nơi Con Ngài đã bị đóng đinh. Những ai đáp ứng bằng đức tin được làm con và kế tự của Đức Chúa Trời. Không còn sự phân biệt theo Cựu Ước giữa người Do thái và người Hy lạp. Thực tại mới mẻ này cũng ảnh hưởng đến các lời tiên tri theo chủ nghĩa dân tộc và địa lý. Sự phân biệt giữa người Do thái và người ngoại bang đã không còn hiệu lực. Hiện nay chỉ có sự phân chia giữa những người tin (vào Đấng Christ) và người không tin. Không có việc một tác giả Cựu Ước nào đó hay là Đức Chúa Giê-su lại xác nhận các lời tiên tri có khuynh hướng dân tộc cực đoan đối với quốc gia Y-sơ-ra-ên. Pa-léc-tin và Giê-ru-sa-lem không còn là tâm điểm cho các hoạt động của Đức Chúa Trời. Cả thế giới là đất thánh mới. Giê-ru-sa-lem không còn là một thành phố thánh đặc biệt. "Giê-ru-sa-lem mới" (xem Khải-huyền 3:12; 21:2,10) chính là biểu tượng của thiên đàng. Phải cẩn trọng đề phòng với những loại thần học hệ thống tập trung vào hay là phóng đại các lời tiên tri Cựu Ước thành những biến cố cuối cùng trong tương lai có thực trong thế gian này.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. "Nhận lãnh Đức Thánh Linh" có nghĩa là gì?
2. Tại sao Phao-lô sử dụng Áp-ra-ham như là tâm điểm trong lý luận của mình?
3. Chữ "rủa sả" áp dụng cho chúng ta, cho những người chủ trương Do Thái hoá, và cho cả nhân loại như thế nào?
4. Phao-lô viết câu 17 có sai trật về niên đại không? Tại sao có? Tại sao không?
5. Cho biết bốn khía cạnh giải thích lý do khiến cho Luật Pháp lại suy kém hơn so với lời hứa như đã được trình bày trong câu 19.
6. Liệt kê hai mục đích của Đức Chúa Trời cho Luật Pháp trong các câu 23-24.
7. Giải thích những áp dụng của câu 28 trong Hội thánh ngày nay.

GA-LA-TI ĐOẠN 4

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Nô lệ và con cái	Con cái và dòng dõi	Bị làm nộ lệ dưới Luật Pháp, sự tự do cho con cái Đức Chúa Trời	Mục đích của Luật Pháp	Con cái của Đức Chúa Trời
(3:21-4:7)	(3:21-4:7)		(3:21-4:7)	
3:26-4:7	3:26-4:7			
		4:1-7	4:1-5	4:1-7
			4:6-7	
Sự lo lắng của Phao-lô dành cho các tín hữu Ga-la-ti	Những sự sợ hãi trong Hội thánh		Sự lo lắng của Phao-lô dành cho các tín hữu Ga-la-ti	
4:8-11	4:8-20	4:8-11	4:8-11	4:8-11
		Lời khuyên nài với các tín hữu Ga-la-ti trong mối liên hệ với Phao-lô		Sự khuyên nài cá nhân
4:12-20		4:12-20	4:12-16	4:12-20
			4:17-20	
Ngụ ngôn (allegory) về A-ga và Sa-ra	Hai giao ước	Bằng chứng cuối cùng	Ví dụ về Sa-ra và A-ga	Hai giao ước: A-ga/Sa-ra
4:21-5:1	4:21-31	4:21-5:1	4:21-27	4:21-31
			4:28-31	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương này được chia thành ba phần tách biệt:
   1. Các câu 1-11 (hoặc là 1-7) tiếp tục bàn luận đến người ngoại bang cũng là những người có đầy đủ quyền thừa kế của Đức Chúa Trời bằng đức tin (giống như Áp-ra-ham) và không còn là nô lệ theo quan điểm sai lạc của thế gian. Các câu 1-11 cũng nổi bật lên giống như trong Rô-ma 8:1-17.
   2. Các câu 12-20 (hay 8-20) chứa đựng sự cầu viện tới kinh nghiệm cá nhân của Phao-lô.
   3. Các câu 21-31 trình bày ngụ ngôn Cựu Ước dựa theo chuyện hai con trai của Áp-ra-ham.
B. Phao-lô sử dụng hai ẩn dụ về văn hoá để nhấn mạnh mục đích của Luật Pháp Cựu Ước cùng với những liên hệ của nó cho các tín hữu Tân Ước:
   1. Những điều luật trong Luật Pháp Rô-ma về trẻ em và người bảo hộ.
   2. Dạng thức (typology) mà các học giả Do Thái Giáo dùng khi có liên hệ đến cuộc đời của Áp-ra-ham.
C. Chương này cũng giải thích sâu hơn về mối liên hệ giữa Đức Chúa Giê-xu và Đức Thánh Linh (xem 4:6)
   1. Đức Chúa Giê-xu cầu xin Đức Chúa Cha và Ngài ban Đức Thánh Linh
      a. Đức Chúa Giê-xu sai phái Đức Thánh Linh trong 15:26; 16:7
      b. Đức Chúa Giê-xu bày tỏ về sự hiệp nhất của Ngài với Đức Chúa Cha, do đó Đức Thánh Linh phán về sự hiệp một của Ngài với cả hai
   2. "Cái khác cùng loại". Danh xưng chính xác nhất cho Đức Thánh Linh là "Đức Chúa Giê-xu khác":
      a. Cả hai đều được ban cho từ Đức Chúa Cha
         1) Đức Chúa Con - Ga-la-ti 4:4
         2) Đức Thánh Linh - Ga-la-ti 4:6
      b. Cả hai đều được gọi là "lẽ thật"
         1) Đức Chúa Con - Giăng 14:6
         2) Đức Thánh Linh - Giăng 14:17; 15:26; 16:13
      c. Cả hai đều được gọi là "người biện hộ"
         1) Đức Chúa Con - I Giăng 2:1
         2) Đức Thánh Linh - Giăng 14:16, 26; 15:26; 16:7
      d. Đức Thánh Linh được gọi bằng danh xưng của Đức Chúa Giê-xu (bản dịch NASB)
         1) Công-vụ 16:7 - "Đức Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu"
         2) Rô-ma 8:9 - "Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời...Đức Thánh Linh của Đấng Christ"
         3) II Cô-rinh-tô 3:17 - "Chúa là Đức Thánh Linh...Đức Thánh Linh của Chúa"
         4) II Cô-rinh-tô 3:18 - "Chúa, Đức Thánh Linh"
         5) Ga-la-ti 4:6 - "Đức Thánh Linh của Đức Chúa Con"
         6) Phi-líp 1:19 - "Đức Thánh Linh của Đức Chúa Giê-xu Christ"
         7) I Phi-e-rơ 1:11 - "Đức Thánh Linh của Đấng Christ"
      e. Cả hai ngự bên trong những tín hữu
         1) Đức Chúa Con - Ma-thi-ơ 28:20; Giăng 14:20, 23; 15:4; 17:23; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27
         2) Đức Thánh Linh - Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:11; I Phi-e-rơ 1:11
         3) Đức Chúa Cha - Giăng 14:23; 17:23; II Cô-rinh-tô 6:16
      f. Cả hai được mô tả là thánh khiết
         1) Đức Thánh Linh - Lu-ca 1:35
         2) Đức Chúa Con - Lu-ca 1:35; 14:26
   3. Các định nghĩa được chấp nhận: "người giúp đỡ", "người biện hộ," theo Giăng 14:16, 26; 15:26; 16:7; I Giăng 2:1
      a. Người biện hộ
      b. Nguyên cáo

   c. Người an ủi (Đức Chúa Cha ban cho sự an ủi trong II Cô-rinh-tô 1:3-7, có cùng một từ gốc)
4. Trong suốt cả Tân Ước, Đức Thánh Linh thường được nhận dạng bằng những từ ngữ liên hệ đến chữ "Ngài" trong chức vụ của Đức Chúa Con (xem Công-vụ 16:7; Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17-18 và Phi-líp 1:19).

D. Các định nghĩa về Ngụ Ngôn (Allegory) và Dạng Thức Học (Typology) (4:21-31)
1. Ngụ Ngôn tìm kiếm ý nghĩa bị che dấu, sâu xa hơn trong mỗi bản văn. Nó đem vào bản văn những ý nghĩa không hề liên quan đến ý nghĩa chứa ý định của tác giả nguyên thủy, của thời đại ông sống hay chủ đề chính của Kinh thánh cũng như toàn bộ Kinh thánh.
2. Dạng Thức Học tập trung vào sự hiệp nhất của cả Kinh thánh, dựa vào một Tác giả thiêng liêng và một chương trình thiên thượng. Những điểm tương đồng trong Cựu Ước miêu tả trước các lẽ thật Tân Ước. Tự nhiên các điểm tương đồng này nổi bật lên do bởi đọc trọn cả Kinh thánh (xem I Cô-rinh-tô 10:6, 11).

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 4:1-7

[1] Vả, tôi nói rằng người kế tự dầu là chủ của mọi vật, mà đương còn thơ ấu, thì chẳng khác chi kẻ tôi mọi; [2] phải ở dưới quyền kẻ bảo hộ và kẻ coi giữ, cho đến kỳ người cha đã định. [3] Chúng ta cũng như vậy, khi còn thơ ấu, phải phục dưới các lề thói của thế gian. [4] Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn, Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài bởi một người nữ sanh ra, sanh ra dưới luật pháp, [5] để chuộc những kẻ ở dưới luật pháp, và cho chúng ta được làm con nuôi Ngài. [6] Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta, kêu rằng: A-ba! Cha! [7] Dường ấy, người không phải là tôi mọi nữa, bèn là con; và nếu ngươi là con, thì cũng là kẻ kế tự bởi ơn của Đức Chúa Trời.

4:1

NASB, NKJV	**"bây giờ tôi nói"**
NRSV	**"điều tôi nói là"**
TEV	**"nhưng để tiếp tục"**
JB	**"để tôi trình bày điểm này bằng một cách khác"**

Phao-lô sử dụng một hình thức văn chương thông thường để giới thiệu sự mở rộng chủ đề trước đó (xem 3:17; 5:16).

▣ **"dòng dõi"** Lẽ thật trọng yếu được tập trung trong sách Ga-la-ti: Các tín hữu là dòng dõi của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ xem Ga-la-ti 3:7,16,24-26,29. Cũng như Rô-ma 8:17, sự nhấn mạnh này lại được tiếp tục trong Ga-la-ti 4:1, 5, 6, 7, 28-31. Con cháu thật của Áp-ra-ham không phải là theo chủng tộc, nhưng là theo thuộc linh (xem Rô-ma 2:28-29; Phi-líp 3:3; Cô-lô-se 2:11). Điều này hạ thấp vị thế của quốc gia Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước.

▣ **"còn thơ ấu"** Đây là chữ Hy lạp chỉ trẻ sơ sinh, được dùng theo nghĩa: (1) Các em bé thuộc linh hay là (2) các trẻ vị thành niên. Theo văn hoá cổ xưa ở vùng Địa Trung Hải, nghi lễ đánh dấu việc chuyển từ thời niên thiếu sang giai đoạn trưởng thành diễn ra ở nhiều lứa tuổi và là một biến cố văn hoá, tôn giáo quan trọng: (a) Theo văn hoá Do thái, nó diễn ra ở tuổi 13; (b) theo văn hoá Hy lạp, là tuổi 18; và (c) còn trong văn hoá Rô-ma thường là tuổi 14.

4:2 "phải ở dưới quyền kẻ bảo hộ và kẻ coi giữ" Ga-la-ti 3:22-25 cho biết chúng ta "ở dưới Luật Pháp" được mô tả như là: (1) Người cai ngục giam giữ chúng ta (xem 3:22-23); hay là (2) người chăm sóc cho

trẻ vị thành niên (xem 3:24-25). Tuy nhiên, trong chương 4, ẩn dụ thay đổi thành “người giám hộ” (guardian) hay là “người được uỷ quyền” (trustee). Theo Luật Pháp Rô-ma, những bé trai từ khi mới sinh cho đến 14 tuổi ở dưới sự coi sóc của những người giám hộ (xem 3:23-25). Từ 14 cho đến 25 tuổi, tài sản của chúng do những người được uỷ quyền quản lý (xem 4:2). Phao-lô dùng những từ ngữ chính xác để nói đến những tục lệ của người Rô-ma.

▣ **“cho đến kỳ người cha đã định”** Cụm từ này cung cấp thêm bằng chứng là những người cha Rô-ma có một số quyền hạn trên các con của mình trong giai đoạn chuyển tiếp từ niên thiếu sang trưởng thành. Đây là điểm độc đáo trong Luật Pháp Rô-ma. Nó ám chỉ rằng Đức Chúa Cha chọn thời điểm để Con Ngài đem lại sự trưởng thành cho chúng ta (xem câu 4).

4:3 “khi còn thơ ấu” Đại từ (PRONOUN) “chúng ta” có thể ám chỉ đến: (1) Người Do thái đang ở dưới quyền giám hộ của Luật Pháp Môi-se; (2) người Do thái và người ngoại bang sống trong thời đại cũ trước Phúc âm; hay là (3) người ngoại bang đi theo ngoại giáo với đủ mọi thứ luật lệ và nghi lễ. Theo văn mạch của sách Ga-la-ti đoạn 3 và 4, thì nghĩa thứ 1 thích hợp nhất.



NASB “bị giữ trong vòng nô lệ dưới mọi thứ nền tảng của thế gian”
NKJV “bị giữ trong vòng nô lệ dưới mọi thứ nền tảng của thế gian”
NRSV “bị giữ trong vòng nô lệ dưới mọi thần linh của thế gian”
TEV “làm nô lệ cho những thần linh cai trị vũ trụ”
JB “chúng ta chỉ là nô lệ cho những nguyên tắc căn bản của thế giới này”

Cụm từ này là ĐỘNG TÍNH TỪ THỤ ĐỘNG NÓI TRÁNH THÌ QUÁ KHỨ HOÀN THÀNH (PERIPHRASTIC PLUPERFECT PASSIVE PARTICIPLE). Cấu trúc này nhấn mạnh đến địa vị có sẵn của chúng ta là những nô lệ. “Những thứ căn bản, sơ đẳng” [*stoicheia*] có ý nghĩa nguyên thuỷ là “đứng cạnh nhau trên cùng một hàng”. Chữ này có ý nghĩa rất rộng trong thế giới Hy lạp-La mã trong thời đại của Phao-lô: (1) Khi dạy ABC cho trẻ em tức là dạy dỗ cho trẻ em những điều sơ đẳng trong mọi lãnh vực (xem Hê-bơ-rơ 5:12; 6:1). (2) Các phần tử vật chất căn bản trong vũ trụ: không khí, nước, lửa, đất (xem II Phi-e-rơ 3:10,12), thường được người Hy lạp tôn làm thần. (3) Các thần linh (xem I Hê-nóc 52:8-9). Đây là lý do tại sao các giáo phụ trong Hội thánh ban đầu giải nghĩa cách dùng chữ này trong Cô-lô-se 2:8,20. Có một ý nghĩa gián tiếp rất gần với nghĩa thứ 3 để chỉ những quyền lực thiêng liêng ở đằng sau các thần linh. Cách dùng thông dụng này có thể đã ảnh hưởng đến sự giải nghĩa Ga-la-ti 4:3,8-10 (các thiên sứ được đề cập trong Cô-lô-se 2:18-20 và Ga-la-ti 3:19). Tuy nhiên trong quyển sách *Christ and the Powers* của Hendrik Berkhof do Herald Press xuất bản thì cho rằng các quyền lực này là các cấu trúc vô nhân tính (như chính trị, dân chủ, giai cấp xã hội, đạo lý xã hội, thể thao, triết học, vân vân…) trong thế giới sa ngã của chúng ta. Chúng nhắm đến mục đích là gom nhân loại lại để tách họ xa khỏi Đức Chúa Trời (xem trang 32). Cách giải nghĩa này thích hợp với những ví dụ Kinh thánh. Phao-lô thiết lập sự song song giữa Luật Pháp như là người chăm sóc trẻ vị thành niên (xem 3:22-4:7) với *stoicheia* như là người chủ nô lệ (xem 4:3).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁCH PHAO-LÔ SỬ DỤNG CHỮ *KOSMOS* (THẾ GIAN)

Phao-lô dùng chữ *kosmos* theo nhiều cách.

1. Tất cả trật tự được tạo dựng (xem Rô-ma 1:20; Ê-phê-sô 1:4; I Cô-rinh-tô 3:22; 8:4,5)
2. Hành tinh này (xem II Cô-rinh-tô 1:17; Ê-phê-sô 1:10; Cô-lô-se 1:20; I Ti-mô-thê 1:15; 3:16; 6:7)
3. Nhân loại (xem 1:27-28; 4:9,13; Rô-ma 3:6,19; 11:15; II Cô-rinh-tô 5:19; Cô-lô-se 1:6)
4. Nhân loại tổ chức và hành động tách biệt khỏi Đức Chúa Trời (xem 1:20-21; 2:12; 3:19; 11:32; Ga-la-ti 4:3; Ê-phê-sô 2:2,12; Phi-líp 2:15; Cô-lô-se 2:8,20-24). Điểm này rất giống

với cách dùng của Giăng (I Giăng 2:15-17)

5. Cấu trúc của thế giới hiện tại (xem 7:29-31; Ga-la-ti 6:14 tương tự như Phi-líp 3:4-9, nơi đây Phao-lô mô tả những cấu trúc theo cách Do thái). Có một vài cách dùng lại trùng lắp lẫn nhau và khó có thể phân loại rõ ràng cho từng cách sử dụng. Cũng giống như nhiều chữ trong tư tưởng của Phao-lô, chữ này cần phải được định nghĩa theo văn mạch cụ thể chứ không thể dựa vào định nghĩa sẵn có. Các thuật ngữ Phao-lô sử dụng rất là uyển chuyển (xem James Stewart's *A Man in Christ*). Phao-lô không có ý định xây dựng thần học hệ thống, ông chỉ rao giảng về Đấng Christ. Ông thay đổi tất cả mọi thứ.

4:4 "Nhưng khi kỳ hạn đã được trọn" Chi tiết này ám chỉ rằng Đức Chúa Trời đang kiểm soát lịch sử và Đấng Christ đã đến theo thời điểm của Đức Chúa Trời (xem Mác 1:15; Ê-phê-sô 1:10; I Ti-mô-thê 2:6; Tít 1:3). Có nhiều nhà giải kinh đã xem các câu này liên hệ đến: (1) Đế quốc Rô-ma yên ổn; (2) hệ thống đường lộ, đường thuỷ của Rô-ma; (3) ngôn ngữ chung cho cả vùng đất rộng lớn; và (4) về phương diện đạo đức và tôn giáo trong vùng Địa Trung Hải thì có sự tìm kiếm một Đức Chúa Trời chân thật và tìm mối liên hệ với Ngài. Ý nghĩa câu này liên hệ đến câu 2, "cho đến thời điểm được định trước bởi Đức Chúa Cha". Theo thời điểm của Đức Chúa Trời thì Đấng Christ khởi đầu cho Thời Đại Mới. Trong Đấng Christ thì Giao ước Mới đã đến và Giao Ước Cũ phải qua đi.

▣ **"Đức Chúa Trời bèn sai Con Ngài"** Chữ "sai" dịch từ chữ Hy lạp *apostellō* mà từ đó chúng ta có chữ "apostle" trong Anh ngữ. Cụm từ này lập lại trong câu 6 khi Đức Chúa Cha sai phái Đức Thánh Linh. Lưu ý rằng cả ba thân vị của Đức Chúa Trời Ba Ngôi được đề cập trong các câu 4-6. Mặc dù chữ "Đức Chúa Trời Ba Ngôi" không xuất hiện trong Kinh thánh nhưng khái niệm này được lặp đi lặp lại (xem Ma-thi-ơ 3:16-17; 28:19; Giăng 14:26; Công-vụ 2:32-33,38-39; Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10; I Cô-rinh-tô 12:4-6; II Cô-rinh-tô 1:21-22; 13:14; Ga-la-ti 4:4-6; Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; Tít 3:4-6; I Phi-e-rơ 1:2; and Giu-đe 20-21). Việc Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài ám chỉ đến sự hiện hữu từ trước của Đức Chúa Con trên thiên đàng, do đó khẳng định thần tính của Đức Chúa Con (xem Giăng 1:1-3, 14, 18; I Cô-rinh-tô 8:6; Phi-líp 2:6; Cô-lô-se 1:15-17; Hê-bơ-rơ 1:2). Sự hiện đến của Đấng Mết-si-a khởi đầu cho Thời Đại Mới của Đấng Mết-si-a, Thời đại của Sự Công Chính.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Cần phải chú ý vào công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ "Ba ngôi" rồi tiếp tuc được phổ biến, mặc dù Kinh Thánh không có dùng từ này.

1. Các sách Phúc âm
   a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
   b. Giăng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
   a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
   b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
   c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
   d. Ga-la-ti 4:4-6
   e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
   f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
   g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
   h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2

5. Giu-đe trong câu 20,21

Cựu ước cũng có gợi ý về Ba Ngôi

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
   a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn luôn có động từ ở số ít đi theo.
   b. Chữ “chúng ta” trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
   c. Chữ “Một” trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)
2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
   a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
   b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
   c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
   d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9-11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mết-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mết-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jêsus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây ra nhiều vấn đề cho những tín hữu nghiêm khắc sống ở thời kỳ đầu vẫn còn theo chủ nghĩa độc thần:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jêsus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine

Đúng! Đây là một sự mầu nhiệm. Dường như Tân ước xác nhận một bản thể thần linh với sự thể hiện ba ngôi vị đời đời.

▣ **“bởi một người nữ sanh ra”** Phao-lô nhấn mạnh đến nhân tính trọn vẹn Đức Chúa Giê-xu Christ do có khuynh hướng về phía Trí Huệ phái (có đề cập trong Ê-phê-sô, Cô-lô-se, Các Thư Tín Mục Vụ và I Giăng). Phái này công nhận thần tính của Đức Chúa Giê-xu nhưng từ chối nhân tính của Ngài. Tuy nhiên không đủ chứng cớ để nói tà giáo này ảnh hưởng đến việc viết sách Ga-la-ti (xem câu 3). Cụm từ “được sinh bởi một người nữ” chắc hẳn nhắc những người chủ trương Do Thái hoá về Sáng-thế Ký 3:15 và Ê-sai 7:14. Tác giả của sách Hê-bơ-rơ chọn điểm này làm điểm trọng yếu trong thần học của ông (xem Hê-bơ-rơ 2:14, 17). Một cụm từ giống như vậy cũng nhấn mạnh về nhân tính trọn vẹn nhưng không phạm tội của Đức Chúa Giê-xu được tìm thấy trong Rô-ma 8:3; Phi-líp 2:7. Đức Chúa Giê-xu hoàn toàn là Đức Chúa Trời và cũng hoàn toàn là con người là một chân lý chính yếu của Phúc âm trong Hội thánh ở thế kỷ đầu tiên (xem I Giăng 4:1-6). Sự giáng sinh của Chúa Giê- su bởi người nữ đồng trinh không được nhấn mạnh hay là nhắc đến ngoại trừ những đoạn Kinh thánh về sự giáng sinh của Đức Chúa Giê-xu trong sách Ma-thi-ơ và Lu-ca. Vì việc này có thể khiến cho những người ngoại đạo hiểu lầm và liên tưởng đến những việc làm thần bí của những vị thần trên đỉnh núi Olympus.

▣ **"sanh ra dưới luật pháp"** Chi tiết này bày tỏ Đức Chúa Giê-xu được sinh ra thì đã ở trong truyền thống Do Thái và dưới Luật Pháp Do thái (xem Rô-ma 1:3). Không có MẠO TỪ (ARTICLE) với chữ "Luật Pháp", nhưng theo văn mạch thì nó phải ám chỉ đến Luật Pháp Môi-se cũng là *stoicheia* (lề thói của thế gian) mà Đức Chúa Giê-xu phục tùng. Đức Chúa Giê-xu cũng phải phục tùng Luật Pháp Rô-ma nữa. Cụm từ này cũng liên hệ đến "sự nguyền rủa của Luật Pháp" trên nhân loại mà Ngài tình nguyện chia sẻ (xem 3:10-13).

4:5 "để chuộc những kẻ ở dưới luật pháp" Chữ "chuộc" được sử dụng trong 3:13 để nói đến việc Đức Chúa Trời chuộc lại: (1) Cả nhân loại khỏi sự nô lệ cho tội lỗi; hay là (2) người Do thái khỏi Luật Pháp Môi-se và người ngoại bang khỏi *stoicheia* qua cuộc đời, cái chết và sự phục sinh của Đấng Christ. Chi tiết này chứng tỏ tình trạng vô phương cứu giúp của nhân loại (xem Rô-ma 1:18-3:31; Ê-phê-sô 2:1-3) và ân điển của Đức Chúa Trời được ban cho dư dật (xem Mác 10:45; Ê-phê-sô 2:4-6). Theo văn mạch tại đây thật khó để phân biệt là Phao-lô đang nói đến Luật Pháp Môi-se, trong 3:19, hay là luật pháp trong ý nghĩa tổng quát về công đức của nhân loại (xem 3:21). Xem chủ đề đặc biệt: Sự Cứu Rỗi, Cứu Chuộc trong 3:13.



NASB, NKJV	**"để chúng ta có thể được nhận làm con nuôi"**
NRSV	**"để chúng ta có thể được nhận làm con nuôi"**
TEV	**"để chúng ta có thể trở thành con cái của Đức Chúa Trời"**
JB	**"khiến cho chúng ta trở nên có thể được nhận làm con"**

Phao-lô tiếp tục bàn luận về những quyền lợi mà các tín hữu nhận được khi trở thành người thừa kế trọn quyền của Áp-ra-ham qua Đấng Christ. Phao-lô sử dụng ẩn dụ trong gia đình "sự nhận làm con" để chỉ sự cứu rỗi của chúng ta trong khi Giăng và Phi-e-rơ thì sử dụng ẩn dụ "sinh lại, tái sinh". Ẩn dụ "sự nhận làm con" được sử dụng đúng theo văn hoá Rô-ma trong cả hai bối cảnh. Trong Luật Pháp Rô-ma, sự nhận làm con rất phức tạp. Đó là một tiến trình pháp lý kéo dài và tốn kém, một khi đã được thực thi thì việc được nhận làm con đem lại một số quyền lợi đặc biệt: (1) Mọi món nợ được huỷ bỏ; (2) mọi án phạm được miễn trừ; (3) người cha "mới" không được quyền giết kẻ được nhận làm con (khác với nô lệ); và (4) người được nhận làm con không thể bị khước từ quyền thừa kế từ người cha "mới". Theo thuật ngữ pháp lý Rô-ma, người được nhận làm con hoàn toàn là một người mới. Phao-lô đang ám chỉ đến sự an toàn của những tín hữu trong Đấng Christ được diễn tả bằng thủ tục pháp lý của Luật Pháp Rô-ma (xem Rô-ma 8:15, 23). Khi một người cha công khai nhận một người làm con, người con đó chính thức và vĩnh viễn trở thành người kế tự, thừa kế. Ngoài ra, ẩn dụ này cũng dùng để chỉ nghi lễ chính thức khi một bé trai trở thành người trưởng thành được tổ chức vào ngày 17 tháng Ba hằng năm.

4:6 "Lại vì anh em là con, nên Đức Chúa Trời đã sai Thánh Linh của Con Ngài vào lòng chúng ta" Tương tự như Rô-ma 8:14-17, Phao-lô lặp lại việc làm ân huệ của Đức Chúa Trời khi ban Con Ngài và Đức Thánh Linh cho chúng ta. Không rõ ý nghĩa chính xác của cụm từ này trong tiếng Hy lạp. Liệu Đức Thánh Linh có phải là bằng chứng hay là kết quả từ quyền được nhận làm con? "Bởi Con Ngài, chúng ta được nhận làm con" là khẩu hiệu từ phân đoạn Kinh thánh Ga-la-ti 2:15-4:31. Thật thú vị khi thấy Đức Thánh Linh được nói đến rất thường xuyên trong chương 3 khi đề cập đến việc chúng ta trở thành các Cơ-Đốc Nhân (xem câu 2,5&14). Giờ đây Ngài được gọi là "Thánh Linh của Con Đức Chúa Trời". Điều này bày tỏ hai công tác của Đức Thánh Linh: (1) Thuyết phục chúng ta đến với Đấng Christ; và (2) hình thành Đấng Christ trong chúng ta (xem Giăng 16:7-15). Chức vụ của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh luôn luôn được xác nhận là đồng nhất với nhau (xem điểm C trong phần giới thiệu của chương này).

▣ **"lòng"** Xem chủ đề đặc biệt theo sau.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TIM, TẤM LÒNG

Chữ *kardia* trong tiếng Hy lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich and Danker, *A Greek-English Lexicon,* trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, nhưng trong ẩn dụ thì chỉ về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một đời sống thuộc linh (đạo đức)
   a. Đức Chúa Trời nhìn biết tấm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
   b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của sự sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6: 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tấm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23: I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tấm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tấm lòng cho thấy rõ ràng thuộc loại người nào. Cựu ước có một số cách sử dụng ấn tượng về từ ngữ này:
   a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, "Đức Chúa Trời buồn trong lòng" (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
   b. Phục truyền 4:29; 6:5 "bằng cả tấm lòng, cả linh hồn"
   c. Phục truyền 10:16, "tấm lòng không cắt bì" và Rô-ma 2:29
   d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, "tấm lòng mới"
   e. Ê-xê-chi-ên 36:26, "tấm lòng mới" so với "tấm lòng bằng đá"

▣ **"kêu rằng: A-ba! Cha!"** Cụm từ có chữ "cha" trong cả tiếng Hy lạp và tiếng A-ram. Chữ *Abba* là từ trong tiếng A-ram chỉ mối liên hệ gia đình thân mật giữa con và người cha (xem Mác 14:36; Rô-ma 8:15), rất giống với chữ "Daddy" trong Anh ngữ. Cách thể hiện theo tính cách gia đình tại đây làm nổi bật mối liên hệ thân mật giữa Đức Chúa Giê-xu và Đức Chúa Cha. Bởi sự đáp ứng của chúng ta với sự ban cho của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ mà chúng ta có được mối liên hệ thân mật này với Đức Chúa Cha (xem Rô-ma 8:26-27). Quả thật chúng ta là những người được Chúa nhận làm con.

4:7 "Dường ấy, ngươi không phải là tôi mọi nữa, bèn là con" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Các bản Kinh thánh TEV, NIV dịch là "bởi vì anh em là các con cái". Đức Thánh Linh cất bỏ tình trạng nô lệ, bị giam cầm và thiết lập quyền làm con cho chúng ta (xem Rô-ma 8:12-17). Điều này bảo đảm cho quyền thừa kế của chúng ta (xem I Phi-e-rơ 1:4-5).

▣ **"của Đức Chúa Trời"** Bản Kinh thánh KJV dịch là "qua Đấng Christ". Các bản chép tay tiếng Hy lạp xưa hơn thì dịch là "qua Đức Chúa Trời." Điều này nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời là tác giả và khởi nguồn của ân điển (xem Giăng 6:44,65 và Ga-la-ti 4:9). Một số bản chép tay có các điểm khác biệt nhưng các bản chép tay P^{46}, א, A, B, và C* dịch là "qua Đức Chúa Trời." Trong tất cả các sự khác biệt thì sự khác biệt này hiếm khi xảy ra và có lẽ là nguồn gốc cho các bản khác.

BẢN NASB 4:8-11

[8] **Xưa kia, anh em chẳng biết Đức Chúa Trời chi hết, thì làm tôi các thần vốn không phải là thần.** [9] **Nhưng hiện nay anh em biết Đức Chúa Trời lại được Đức Chúa Trời biết đến nữa, sao còn trở hướng về lề thói hèn yếu nghèo nàn đó mà suy phục nữa ư?** [10] **anh em hãy còn giữ ngày tháng, mùa, năm ư!** [11] **Tôi lo cho anh em, e tôi đã làm việc luống công giữa anh em.**

4:8 "Xưa kia, anh em chẳng biết Đức Chúa Trời chi hết" Đây là ĐỘNG TÍNH TỪ CHỦ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE PARTICIPLE) nhấn mạnh đến tình trạng đã xác định. Mặc dù một số nhà giải kinh hiện đại đã cố gắng đặt điều này vào bối cảnh Do thái, nhưng quan điểm về người ngoại bang bị chia cách khỏi Đức Chúa Trời thì thích hợp hơn. (xem Ê-phê-sô 2:12-13; Cô-lô-se 1:21). Sự thật là cả nhân loại đều có tiềm năng nhận biết Đức Chúa Trời qua công trình sáng tạo (Thi-thiên 19:1-5 và Rô-ma 1:19-20) cũng như từ nhân chứng đạo đức ở bên trong (xem Rô-ma 2:14-15). Sự hiểu biết này được gọi là sự mặc khải tự nhiên, nhưng Kinh thánh quả quyết rằng cả người Do thái lẫn người ngoại bang đã chối bỏ sự hiểu biết này (xem Rô-ma 3:23). "Biết" được dùng gồm có ý nghĩa trong tiếng Hê-bơ-rơ (giữa cá nhân với nhau, thân mật, liên hệ gia đình) và ý nghĩa trong tiếng Hy lạp (khả năng nhận thức). Trong câu này ý nghĩa chính là theo tiếng Hy lạp nhưng trong câu 9 thì lại nhấn mạnh đến ý nghĩa theo tiếng Hê-bơ-rơ.

▣ **"thì làm tôi các thần vốn không phải là thần"** Thờ lạy hình tượng là vô ích và phù phiếm (xem Công-vụ 17:29 và I Cô-rinh-tô 8:4-5). Tuy nhiên, Phao-lô quả quyết rằng phía sau việc thờ lạy hình tượng vô ích này là những hoạt động của ma quỷ (xem I Cô-rinh-tô 10:20; Khải-huyền 9:20). Sự nô lệ của nhân loại đối với ma quỷ bày tỏ qua hành động được kể ra trong I Cô-rinh-tô 12:2. Phao-lô có thể ám chỉ đến một trong những điều sau: (1) Khái niệm *stoicheia* trong các câu 3 và 9; (2) các thần tượng ngoại giáo; (3) các quỷ phía sau của những hình tượng ngoại giáo; hay là (4) Luật Pháp Do-Thái-Giáo mà trong đó luật lệ và nghi lễ đã thay thế Đức Giê-hô-va.

4:9 "Nhưng hiện nay anh em biết Đức Chúa Trời lại được Đức Chúa Trời biết đến nữa" Yếu tố thời gian trong câu 8 đối lập với câu 9. Trong câu 9, Phao-lô dùng một câu hỏi hùng biện mạnh mẽ giống như ông đã làm trong 3:1-5, 19,21, và 4:15. Chữ "biết" (*ginōskō*) trong câu 9 là chữ Hy-Lạp khác được lựa chọn, có lẽ vì nó có nghĩa "liên hệ gắn bó" nhiều hơn là chữ (*oida*) được dùng trong câu 8, mặc dù khó phân biệt được sự khác biệt này trong tiếng Hy lạp Koine. Trong phương diện thần học, chữ này mang ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ về sự hiểu biết như là mối liên hệ hổ tương giữa các cá nhân (xem Sáng-thế Ký 4:1; Giê-rê-mi 1:5). Mối liên hệ mới của các tín hữu không dựa trên những kiến thức về Đức Chúa Trời nhưng dựa vào giao ước mới do Đức Chúa Trời khởi xướng qua Đấng Christ cho những ai đã bị xa lánh (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13).



NASB "theo cách nào mà anh em trở lại với những điều sơ đẳng và vô giá trị"
NKJV "theo cách nào mà anh em quay lại với sự yếu đuối và tồi tàn"
NRSV "theo cách nào mà anh em quay lại với sự yếu đuối và những sự linh thiêng sơ đẳng tồi tàn"
TEV "theo cách nào mà anh em quay lại với sự yếu đuối và những thần linh đáng khinh"
JB "sao mà anh em lại muốn quay lại với những điều sơ đẳng như vậy, những thứ không thể làm, cũng không thể ban cho điều gì"

Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE INDICATIVE) của chữ Hy lạp bày tỏ khái niệm "ăn năn" (quay lại) của Cựu Ước (*shuv*). Câu này có chữ *stoicheia* giống như trong 4:3. Họ đang chuyển đổi từ sự nô lệ cho ngoại giáo sang sự nô lệ cho Do Thái Giáo vì cho Do Thái Giáo là phương thức cho sự cứu rỗi. Cả Do Thái Giáo lẫn ngoại giáo đều tùy thuộc vào *stoicheia*. Các cấu trúc của thế giới sa ngã này hoàn toàn không đủ sức để đem lại sự cứu rỗi.

4:10 “anh em hãy còn giữ ngày tháng, mùa, năm ư!” Đây là dạng CHỈ ĐỊNH TRUNG CẤP THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE INDICATIVE) trình bày một hành động liên tục. Trong trường hợp này là việc tuân thủ tỉ mỉ cách riêng tư về tôn giáo có liên hệ đến niên lịch tôn giáo của Do-Thái-Giáo (xem Cô-lô-se 2:16). Những tín hữu Ga-la-ti đang chuyển đổi từ một tôn giáo (ngoại giáo) sang một tôn giáo khác (Do-Thái-Giáo). Nhờ hiểu biết Phúc âm đã giúp cho Phao-lô áp dụng chân lý cho những hoàn cảnh khác nhau. Hoàn cảnh tại các Hội thánh của người Ga-la-ti đòi hỏi Phao-lô phải chống cự lại chủ thuyết duy luật pháp và xưng công bình bởi việc làm. Tuy nhiên, trong Rô-ma 14 Phao-lô khuyến cáo các tín hữu vững vàng không đoán xét những tín hữu yếu đuối còn tuân giữ các ngày nhất định (xem 14:5-6). Trong thư gởi các Hội thánh người Ga-la-ti việc quan trọng là nhận thức đúng về Phúc âm, nhưng trong thư Rô-ma thì nó liên hệ đến mối thông công giữa các Cơ-Đốc Nhân (xem I Cô-rinh-tô 8,10).

4:11
NASB “tôi lo cho anh em rằng tôi đã khó nhọc vì anh em cách vô ích”
NKJV “tôi lo cho anh em chắc là tôi đã khó nhọc vì anh em cách vô ích”
NRSV “tôi sợ rằng công tác của tôi cho anh em đã uổng phí”
TEV “Tôi lo cho anh em. Lẽ nào tất cả công tác của tôi cho anh em trở nên vô ích”
JB “anh em khiến tôi cảm thấy như đã phí thì giờ cho anh em”

Có một vài bản dịch hiện đại dịch câu này có ý nói đến công khó của Phao-lô giữa vòng các Hội thánh Ga-la-ti (xem bản Jerusalem Bible và Revised English Bible). Tuy nhiên, câu này cũng có thể liên hệ đến sự quan tâm của Phao-lô đến các tín hữu người Ga-la-ti (xem bản TEV). Tại đây có hai khả năng: (1) Phao-lô không nghi ngờ về sự cứu rỗi của các tín hữu nhưng lo nghĩ đến lợi ích của họ qua việc truyền bá Phúc âm, cũng như sống và vui hưởng trong Phúc âm tự do trọn vẹn hoặc là (2) Phao-lô lo sợ khi các tín hữu chối bỏ ân điển để chạy theo việc làm con người (xem 3:4; 5:2-4).

BẢN NASB 4:12-20

[12] Hỡi anh em, tôi xin anh em hãy giống như tôi; vì tôi cũng như anh em. Anh em không làm hại gì cho tôi. [13] Anh em biết rằng ấy là đương lúc xác thịt yếu đuối mà tôi truyền Tin Lành cho anh em lần thứ nhứt, [14] vì xác thịt tôi yếu đuối sanh ra sự rèn thử cho anh em mặc dầu, anh em cũng chẳng khinh tôi, chẳng chối tôi, mà lại tiếp rước tôi như một vị thiên sứ của Đức Chúa Trời, thật như chính mình Đức Chúa Jêsus Christ. [15] Vậy thì sự vui mừng của anh em đã trở nên thể nào? Vì tôi làm chứng cho anh em rằng, lúc bấy giờ, nếu có thể được thì anh em cũng móc con mắt mà cho tôi. [16] Tôi lấy lẽ thật bảo anh em, lại trở nên kẻ thù nghịch của anh em sao? [17] Những người đó vì anh em mà sốt sắng, thì không phải là ý tốt; nhưng họ muốn anh em lìa bỏ chúng tôi, hầu cho anh em sốt sắng vì họ. [18] Có lòng sốt sắng vì điều thiện thì tốt lắm, lúc nào cũng thế, không những khi tôi có mặt giữa anh em. [19] Hỡi các con, vì các con mà ta lại chịu đau đớn của sự sanh nở, cho đến chừng nào Đấng Christ thành hình trong các con, [20] ta muốn ở cùng các con và thay đổi cách nói; vì về việc các con, ta rất là bối rối khó xử.

4:12 “Hỡi anh em, tôi xin anh em hãy giống như tôi; vì tôi cũng như anh em.” Động từ này ở dạng MỆNH LỆNH TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI (PRESENT MIDDLE (deponent) IMPERATIVE). Câu này đã được giải nghĩa theo nhiều cách: (1) bản Williams dịch là “nhận lấy quan điểm của tôi”, Phao-lô mời gọi họ tiếp nhận quan điểm của ông về sự xưng công bình bởi đức tin bởi vì trước đây ông đã từng đồng tình với khuynh hướng hiện thời của họ xưng công bình bởi việc làm (theo Do Thái Giáo); hoặc là (2) một số người cho rằng cụm từ “vì tôi cũng như anh em” là sự ám chỉ đến I Cô-rinh-tô 9:19-23, khi Phao-lô quả quyết rằng ông đã trở nên mọi sự cho mọi người hầu cho ông có thể cứu một vài người. Khi ông ở với người Do thái, ông sống giống như người Do thái. Khi ông ở với người ngoại bang, ông sống giống như người ngoại bang. Nhưng sự thật là ông đã từ bỏ Luật Pháp như là một cách thức của sự cứu rỗi. Phao-lô uyển chuyển, linh động về phương pháp nhưng trung thành với nội

dung sứ điệp. Cụm từ "các anh em" cho biết Phao-lô chuyển sang một đề tài mới. Ngoài ra, bằng cách gọi các tín hữu là "các anh em" Phao-lô làm giảm nhẹ bớt các sự chỉ trích mạnh mẽ trước đó của ông (xem câu 19; 1:11; 3:15).

▣ **"Anh em không làm hại gì cho tôi."** Có một số người nghĩ rằng cụm từ này hàm ý tiêu cực "trong quá khứ các anh em đã không làm hại tôi điều gì cả, nhưng bây giờ thì có". Nhưng có một số người khác thì xem đây là một sự bày tỏ tích cực từ tấm lòng cảm kích của Phao-lô đối với sự tiếp nhận ông của các Hội thánh Ga-la-ti cùng với sứ điệp ông rao giảng. Cụm từ này cần phải xem xét chung với các câu 13-15.

4:13 "Anh em biết rằng ấy là đương lúc xác thịt yếu đuối mà tôi truyền Tin Lành cho anh em lần thứ nhứt" Sự đề cập đến "lần đầu" ám chỉ có "lần thứ hai" trước khi bức thư này được viết. Tuy nhiên, cụm từ này có thể mang ý thành ngữ có nghĩa "chính thức" giống như tại I Ti-mô-thê 1:13. Phao-lô đã đến các Hội thánh Ga-la-ti: (1) trong giai đoạn để hồi phục sức khoẻ sau cơn bệnh, hay là (2) bởi vì bị bệnh ông phải dừng chuyến hành trình và nghỉ một thời gian. Nguyên do từ: (1) các câu 14-15; (2) cùng với 6:11; và (3) II Cô-rinh-tô 12:1-10 nên cá nhân tôi tin rằng Phao-lô đang ám chỉ đến sự đau đớn trong thân thể ông, "cái giằm xóc trong thịt tôi". Theo ý tôi kết hợp từ những câu trên dường như đó là một dạng bệnh về mắt mà có thể đã bắt đầu từ trải nghiệm của ông trên đường Đa-mách (xem Công-vụ 9) trở nên trầm trọng do bởi các chứng bệnh khác trong thế kỷ thứ nhất. Sự khiếm thị bán phần của Phao-lô có thể gây ra bởi một dạng viêm mắt.

4:14
NASB "và dù rằng tình trạng thân thể của tôi là một thử thách cho các anh em, các anh em đã không khinh thường hay ghét bỏ tôi"
NKJV "dù cho sự thử thách trên thân thể tôi, các anh em đã không xem thường hay chối bỏ tôi"
NRSV "mặc dù tình trạng của tôi khiến cho anh em bị thử thách, các anh em đã không khinh bỉ hay xem thường tôi"
TEV "nhưng các anh em đã không dè bỉu hay từ bỏ tôi ngay cả khi tình trạng của tôi là sự thử thách lớn cho anh em"
JB "anh em không hề bày tỏ dấu hiệu chống đối hay là kinh tởm tôi dù là nhỏ nhất ngay cả khi căn bệnh của tôi là sự thử thách cho anh em"

Có lẽ có nhiều người Do thái và người ngoại bang xem chứng bệnh của Phao-lô là sự phán xét từ Đức Chúa Trời. Sự kiện Phao-lô ở trong ý chỉ của Đức Chúa Trời và bị bệnh khiến chúng ta phải suy xét lại mối liên hệ giữa tội lỗi và bệnh tật (xem Giăng 9; Gióp và Thi-thiên 73). Hai động từ trong câu này gợi lên những hình tượng mạnh mẽ. Động từ thứ nhất có nghĩa là "xem như vô ích". Động từ thứ hai có nghĩa là "khạc, nhổ nước bọt". Việc sử dụng động từ thứ hai là nguyên nhân khiến một số người liên hệ chứng bệnh của Phao-lô với sự mê tín trong vùng Cận Đông cổ đại về "con mắt quỷ" (xem 3:1). Phương pháp chữa trị thần bí là "khạc nhổ" và từ đó tự bảo vệ tránh khỏi bùa ếm của "con mắt quỷ", điều này có thể liên hệ đến: (1) một con mắt khác thường; hay là (2) một ánh mắt hoang dại (chứng bệnh động kinh).

▣ **"tiếp rước tôi như một vị thiên sứ của Đức Chúa Trời, thật như chính mình Đức Chúa Jêsus Christ"** Đây là một lời tuyên bố mạnh mẽ. Phao-lô ám chỉ rằng qua ông họ đã tiếp nhận sứ điệp của Đức Chúa Trời một cách thành thật cùng với lòng kính trọng đầy tớ của Đức Chúa Trời đã rao truyền sứ điệp.

4:15
NASB "cảm nhận được phước của anh em đã có bây giờ ở đâu"
NKJV "các ơn phước anh em *từng vui hưởng* bây giờ ra sao"
NRSV "thiện ý anh em đã cảm nhận bây giờ ra sao"
TEV "Anh em đã rất vui vẻ! Chuyện gì đã xảy ra?"
JB "lòng nhiệt tình của anh em từng có đã ra sao"

Trong câu hỏi bóng bẩy này, Phao-lô muốn biết những thiện cảm mà các tín hữu người Ga-la-ti dành cho ông từ lúc ban đầu đã đi về đâu. Bản dịch Phillips chuyển ý như sau: "Chuyện gì đã xảy đến cho tinh thần tốt lành của các anh em?"

▣ **"nếu có thể được thì anh em cũng móc con mắt mà cho tôi."** CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI (SECOND CLASS CONDITIONAL SENTENCE) này cần phải được hiểu là, "Nếu anh em đã móc mắt mình (điều anh em không làm), thì anh em cũng đã cho tôi (anh em đã không cho)." Ý này ủng hộ cho giả thuyết rằng "cái giằm xóc trong thân thể" mà Phao-lô đề cập (xem II Cô-rinh-tô 12) là một chứng bệnh mắt.

4:16 "Tôi lấy lẽ thật bảo anh em, lại trở nên kẻ thù nghịch của anh em sao?" Phao-lô đối chiếu sự thay đổi triệt để trong tấm lòng của họ dành cho ông cùng với sự thay đổi của họ đối với Phúc âm.

4:17-18 Có hai khó khăn trong việc giải nghĩa phát sinh từ hai câu 17 và 18: (1) cụm từ "sốt sắng tìm kiếm" và (2) sự mơ hồ của chủ ngữ trong câu 18. Nó ám chỉ đến (1) Phao-lô hay (2) các Hội thánh người Ga-la-ti? Do có mơ hồ trong ý nghĩa nên việc giải nghĩa có tính cách giáo điều là không thích hợp nhưng ý nghĩa tổng quát của khúc Kinh thánh thì không bị ảnh hưởng. Những người chủ trương Do Thái hoá muốn những tín hữu người Ga-la-ti tin theo họ hoàn toàn và cảm phục họ theo như cách mà họ đã dành cho Phao-lô trước đó.

4:17
NASB "Họ sốt sắng tìm anh em"
NKJV "Họ hăng hái lấy lòng anh em"
NRSV "Họ khó nhọc nhiều vì anh em"
TEV "Những người đó bày tỏ sự quan tâm nhiều đến anh em"
JB "Điều đáng trách là trong cách họ cố gắng thu phục anh em"

Theo nghĩa đen, cụm từ này có nghĩa là "họ ghen vì anh em". Điều này liên quan đến các giáo sư giả, đặc biệt là theo văn mạch của cụm từ tiếp theo "không phải là ý tốt". "Ghen" có nghĩa gốc là "đốt cháy" gồm có hai ý trong tiếng Hy lạp Koine: (1) yêu đương nồng cháy của các đôi tình nhân trẻ; và (2) sự thèm muốn của người khác. Những tình cảm sốt sắng này biểu lộ ra bằng các "lời đường mật" của các giáo sư giả với các Hội thánh người Ga-la-ti, nhưng việc làm của họ xuất phát từ động cơ ích kỷ cá nhân.

▣
NASB "nhưng họ muốn cô lập anh em để mong anh em sẽ tìm kiếm họ"
NKJV "họ muốn khai trừ anh em, để rồi anh em có thể sốt sắng vì họ"
NRSV "họ muốn khai trừ anh em, để rồi anh em có thể coi trọng họ"
TEV "mọi điều họ muốn là chia cắt tôi khỏi anh em, để rồi anh em sẽ quan tâm đến họ giống như họ đã quan tâm đến anh em"
JB "bằng việc chia cắt tôi khỏi anh em, họ muốn thu phục anh em cho họ"

Các giáo sư giả ghen tị vì các Hội thánh người Ga-la-ti yêu mến Phao-lô (xem câu 13-15). Họ muốn các Hội thánh xa lánh Phao-lô để rồi họ có thể chiếm vị trí của ông. Điều này có thể giải thích câu 18.

4:18 Phao-lô bị sốc bởi những người trước đây rất ân cần, quan tâm đến ông, nhưng bây giờ họ lại hoàn toàn thay đổi thành thù nghịch (xem câu 16). Theo văn mạch của các câu 13-20, cách giải nghĩa này thích hợp nhất.

4:19 "Hỡi các con, vì các con mà ta lại chịu đau đớn của sự sanh nở" Phao-lô thường lấy gia đình để làm ẩn dụ vì ý nghĩa ấm cúng, chăm sóc xuất phát từ gia đình. Ông đã tự xưng mình là người cha trong I Cô-rinh-tô 4:15 và I Tê-sa-lô-ni-ca 2:11 và tại đây là một người mẹ (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 2:7). Phao-lô quả quyết rằng ông mới là cha mẹ tâm linh thật sự của các tín hữu người Ga-la-ti, chứ không phải là những người chủ trương Do Thái hoá.

▣ **"cho đến chừng nào Đấng Christ thành hình trong các con"** "Thành hình" [từ gốc trong tiếng Hy Lạp là *morphē*] được dùng theo ý nghĩa y khoa chỉ sự phát triển của bào thai. *Morphē* có thể ám chỉ đến đặc tính của một số điều nào đó vẫn còn kéo dài. Lời văn tại đây ám chỉ đến sự trưởng thành của họ trong Đấng Christ (xem Ê-phê-sô 4:13) hoặc nói theo cách khác là trở nên giống như Đấng Christ (xem Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Điều này không hề có nghĩa là có hai trải nghiệm khác nhau trong đời sống của Cơ-Đốc Nhân là sự cứu rỗi và sự trưởng thành. Chúng ta đều biết rằng sự trưởng thành là một trải nghiệm phát triển liên tục. Phao-lô đã chứng tỏ rằng những động cơ giảng và dạy của ông cho các Hội thánh người Ga-la-ti hoàn toàn khác với các giáo sư giả chỉ thủ lợi cho chính họ.

4:20 "ta muốn ở cùng các con và thay đổi cách nói" Phao-lô mong rằng các tín hữu có thể cảm nhận được sự chăm sóc của "bậc sinh thành" mà ông dành cho họ. Tấm lòng ông dành cho họ nóng cháy, dù các trang giấy dường như lạnh lẽo.



NASB, NRSV	**"vì Ta bối rối về các con"**
NKJV	**"vì Ta có nhiều lo lắng về các con"**
TEV	**"Ta rất lo lắng vì các con"**
JB	**"Ta không biết tốt nhất là phải làm điều gì"**

Chữ Hy lạp được dịch thành "cách" ở dạng PHỦ ĐỊNH ALPHA (ALPHA PRIVATIVE) có thể được dịch ít nhất theo hai nghĩa: (1) bản Living Bible dịch là "nói thật là Ta không biết phải làm gì nữa" (2) bản dịch Phillips chuyển ngữ như sau "Ta thật sự không biết phải đối xử với các con như thế nào". Hai cách dịch thành ngữ này bày tỏ sự thất vọng của Phao-lô trong việc cư xử với các Hội thánh người Ga-la-ti.

BẢN NASB 4:21-5:1

21 Hãy nói cho tôi, anh em là kẻ ưa phục dưới luật pháp, há không nghe luật pháp sao? 22 Vì có chép rằng Áp-ra-ham có hai con trai: một là con của người nữ tôi mọi, một là con của người nữ tự chủ. 23 Nhưng con của người nữ tôi mọi sanh ra theo xác thịt, con của người nữ tự chủ sanh ra theo lời hứa. 24 Cả điều đó có một nghĩa bóng: hai người nữ đó tức là hai lời giao ước, một là lời giao ước tại núi Si-na-i, sanh con ra để làm tôi mọi ấy là nàng A-ga. 25 Vả, A-ga, ấy là núi Si-na-i, trong xứ A-ra-bi; khác nào như thành Giê-ru-sa-lem bây giờ, thành đó với con cái mình đều làm tôi mọi. 26 Nhưng thành Giê-ru-sa-lem ở trên cao là tự do, và ấy là mẹ chúng ta. 27 Vì có lời chép: Hỡi đờn bà son, ngươi là kẻ chẳng sanh nở chi hết, hãy vui mừng; Ngươi là kẻ chẳng từng chịu đau đớn sanh đẻ, hãy nức lòng mừng rỡ và bựt tiếng reo cười, Vì của cải của vợ bị để sẽ đông hơn con cái của người nữ có chồng. 28 Hỡi anh em, về phần chúng ta, chúng ta cũng như Y-sác, là con của lời hứa. 29 Nhưng, như bây giờ, kẻ sanh ra theo xác thịt bắt bớ kẻ sanh ra theo Thánh Linh, thì hiện nay cũng còn là thể ấy. 30 Song Kinh Thánh, có nói gì? Hãy đuổi người nữ tôi mọi và con trai nó; vì con trai của người nữ tôi mọi sẽ không được kế tự với con trai của người nữ tự chủ. 31 Ấy vậy, hỡi anh em, chúng ta chẳng phải là con cái của người nữ tôi mọi, bèn là người nữ tự chủ. 5:1 Đấng Christ đã buông tha chúng ta cho được tự do; vậy hãy đứng vững, chớ lại để mình dưới ách tôi mọi nữa.

4:21 "Hãy nói cho tôi, anh em là kẻ ưa phục dưới luật pháp, há không nghe luật pháp sao?" Phao-lô sử dụng các sách của Môi-se để chống lại các điều sai lệch cũng dựa theo Môi-se. Câu này tiếp tục dòng tư tưởng trong câu 7. Các câu 8-20 là lời cầu khẩn cá nhân đầy xúc cảm của Phao-lô. Khái niệm "quyền

làm con" và "quyền thừa kế" trong 4:7 cùng với "dòng dõi" trong 3:15-18 là các tiền vị ngữ của dạng thức học nầy.

4:22 "Áp-ra-ham có hai con trai" Áp-ra-ham có nhiều hơn hai người con, nhưng lời văn tại đây tạo sự tương phản giữa người con đầu của ông là Ích-ma-ên, được ghi lại trong Sáng-thế Ký 16, và người con thứ hai là Y-sác, được chép trong Sáng-thế Ký 21. Điểm chính yếu của dạng thức này là: một người là con được sinh theo tự nhiên bởi một cô gái nô lệ và một người được sinh bởi vợ ông, một người phụ nữ tự do, theo cách siêu nhiên do lời hứa của Đức Chúa Trời. Điều được nhấn mạnh xuyên suốt văn mạch này ở trong câu 23 là lời hứa của Đức Chúa Trời đối nghịch với cố gắng của con người.

4:23-24 Người Do thái có lẽ chỉ đồng ý với dạng thức Phao-lô trình bày cho đến câu 23. Theo ý nghĩa về cố gắng của con người thì Phao-lô nói rằng người Do thái thật ra lại là dòng dõi của Ích-ma-ên, trong khi Hội thánh mới thật là dòng dõi của Sa-ra bởi vì dựa theo "lời hứa".

4:24 "nghĩa bóng" Đây không phải là truyện ngụ ngôn được Philo, Clement và Origen sử dụng, nhưng lại là một kiểu dạng thức (typology). Phao-lô xem xét hoàn cảnh hiện thời tương tự như là hai người con của Áp-ra-ham: một người theo lệ thường của xã hội loài người, một người bởi lời hứa thiên thượng. Một người tương ứng với việc chứng tỏ công bình bằng việc làm (Ích-ma-ên), người kia là ân điển cho không (Y-sác). Đối với Phao-lô, Luật Pháp không thể giải cứu nhưng đã trở thành án tử hình cho nhân loại tội lỗi (xem Cô-lô-se 2:14). Chỉ duy nhất trong Đấng Christ mới có thể tìm được sự cứu rỗi. Điều cốt lõi của đức tin Cựu Ước không tìm được trong Luật Pháp Môi-se, nhưng trong đức tin nơi lời hứa cho Áp-ra-ham.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LOẠI HÌNH THỨC HỌC, DẠNG THỨC HỌC

Philo và Hội thánh ban đầu sử dụng phép ngụ ngôn, Phao-lô cũng sử dụng thủ pháp văn chương này nhưng theo cách hoàn toàn khác biệt. Nhóm người trước thì hoàn toàn loại bỏ phớt lờ bối cảnh lịch sử, khai triển những sự giảng dạy hoàn toàn xa lạ với ý định của tác giả nguyên thuỷ. Phương cách của Phao-lô tốt hơn nên miêu tả được đặc điểm nổi bật, đó là dạng thức học (typology). Phao-lô công nhận bối cảnh lịch sử của sách Sáng-thế Ký cùng với sự thống nhất giữa Giao ước Cũ và Giao ước Mới. Từ đó ông có thể xây dựng được những điểm tương đồng giữa chúng bởi vì cả hai có chung một tác giả là Đức Chúa Trời. Đặc biệt trong văn mạch này, Phao-lô so sánh Giao ước của Áp-ra-ham với Giao ước của Môi-se rồi từ đó rút ra cách áp dụng cho Giao ước Mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 và Tân Ước. Trong đoạn Kinh thánh 4:21-31 có bốn điểm liên kết được rút ra: (1) Hai người mẹ đại diện cho hai gia đình: gia đình trước được tạo ra theo phương cách tự nhiên, gia đình còn lại được hình thành từ lời hứa siêu nhiên; (2) có sự căng thẳng giữa hai người mẹ cùng với con cái của họ, cũng giống như vậy là có sự căng thẳng giữa sứ điệp của nhóm người Do thái hoá và Phúc âm mà Phao-lô rao giảng; (3) cả hai phía đều xưng mình là dòng dõi của Áp-ra-ham, nhưng một là nô lệ của Luật Pháp Môi-se còn phía kia được tự do trong công tác Đấng Christ đã hoàn tất; (4) có hai ngọn núi liên hệ đến hai giao ước khác nhau, núi Si-nai liên hệ với Môi-se còn núi Si-ôn liên hệ với Áp-ra-ham. Núi Si-ôn hay là núi Mô-ri-a là nơi Áp-ra-ham dâng Y-sác như là một của lễ (xem Sáng-thế Ký 22), nơi đó sau nầy trở thành Giê-ru-sa-lem. Áp-ra-ham trông đợi một thành phố thiên đàng (Hê-bơ-rơ 11:10; 12:22; 13:14, Giê-ru-sa-lem Mới, Ê-sai 40-66) chứ không phải là một thành phố Giê-ru-sa-lem trên trần gian.

Phao-lô có thể dùng dạng thức này bởi vì: (1) các giáo sư giả đã dùng cùng một phương cách để tạo lợi thế cho họ bằng cách xưng mình là dòng dõi thật của Áp-ra-ham. (2) Các giáo sư giả có thể đã dùng một phép ngụ ngôn dựa theo các sách của Môi-se để phô trương thần học giao ước Do thái của mình, do đó Phao-lô viện dẫn đến tổ phụ của đức tin Do thái giáo là Áp-ra-ham; (3) Lý do có thể

khiến Phao-lô sử dụng dạng thức này là bởi vì Sáng-thế Ký 21:9-10 (được trích dẫn trong câu 30) nói rằng "hãy đuổi đứa con sinh bởi tự nhiên". Theo phép loại suy của Phao-lô thì điều này ám chỉ đến những người chủ trương Do Thái hoá; (4) Phao-lô cũng có thể sử dụng điều này bởi vì chủ thuyết biệt lập trong Do thái giáo mà các giáo sư giả giảng dạy, đặc biệt là trong thái độ khinh miệt người ngoại bang của họ. Trong dạng thức học của Phao-lô thì người ngoại bang được tiếp nhận còn những người tự tin nơi chủng tộc thì bị Đức Chúa Trời từ bỏ (xem Ma-thi-ơ 8:11-12). (5) Phao-lô có thể sử dụng dạng thức này bởi vì ông nhấn mạnh đến "quyền làm con" và "quyền thừa kế" trong chương 3 & 4. Đây chính là trọng tâm trong lập luận của Phao-lô: Chúng ta được nhận làm con vào trong gia đình của Đức Chúa Trời là bằng đức tin trong Đấng Christ mà thôi, chứ không phải do dòng dõi huyết thống.

4:25 "A-ga, ấy là núi Si-na-i, trong xứ A-ra-bi" Tại đây có hai cách để giải nghĩa chữ "là": (1) "nó đại diện" hay là (2) có một vài liên hệ thông thường về từ nguyên giữa A-ga và núi Si-nai. Chữ A-ga rất giống với chữ "đá" (là dạng hoán dụ chỉ núi) trong tiếng Do thái. Đa số các nhà giải kinh chọn cách giải nghĩa thứ nhất. A-ga đại diện cho Luật Pháp Môi-se được ban cho tại núi Si-nai do đó chỉ về Do Thái Giáo.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỊA ĐIỂM NÚI SI-NAI

A. Nếu Môi-se đề cập đến "ba ngày đường" khi ông cầu xin Pha-ra-ôn (3:18; 5:3; 8:27) theo nghĩa đen chứ không phải trong ý ẩn dụ, thì khoảng thời gian đó không đủ để đoàn dân đến địa điểm theo truyền thống tại phía nam của bán đảo Si-nai. Vì lý do đó nên nhiều học giả đặt vị trí của núi Si-nai gần ốc đảo Khadesh-Barnea.
B. Địa điểm truyền thống được gọi là "Jebel Musa," trong Đồng Vắng Xin, có nhiều đặc điểm phù hợp
   1. Có vùng đất bằng phẳng rộng lớn trước ngọn núi.
   2. Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:2 cho biết hành trình từ núi Si-nai đến Kadesh-Barnea kéo dài mười một ngày.
   3. Tên "Sinai" không phải là chữ Do Thái. Tên này có thể có liên hệ với tên Đồng Vắng Xin để chỉ về một hoang mạc nhỏ có bụi cây. Tên Do Thái cho ngọn núi là Hô-rếp (nghĩa là hoang mạc).
   4. Địa điểm truyền thống của núi Si-nai đã được đề cập từ thế kỷ thứ tư. Nó nằm trong "đất Ma-đi-an" vùng đất rộng lớn bao gồm cả bán đảo Si-nai và Ả-rập.
   5. Khoa khảo cổ học gần như đã kiểm chứng được địa điểm của một số thành phố có đề cập trong Xuất Ê-díp-tô Ký (*Elim, Dophkah, Rephidim*) ở miền tây của bán đảo Si-nai.
C. Người Do Thái chưa bao giờ bày tỏ sự lưu tâm đến vị trí địa lý của núi Si-nai. Người Do Thái tin rằng Đức Chúa Trời đã ban cho họ Luật Pháp và hoàn thành lời hứa của Ngài từ Sáng-thế Ký 15:12-21. "Địa điểm" không phải là điều chính yếu đối với người Do Thái vì vậy họ không hề có dự kiến trở về địa điểm này (không tổ chức những chuyến hành hương hằng năm).
D. Địa điểm truyền thống của núi Si-nai chỉ được xác định vào khoảng năm 385-388 sau Chúa trong *Pilgrimage of Silvia* (xem *Commentary on the Book of Acts,* của F.F. Bruce, trang151).
E. Hiện nay có nhiều phỏng đoán về một vị trí mới nằm đối ngang vịnh Aqaba tại Ả-rập. Địa điểm này gây sự chú ý vì:
   1. Vùng đất Ma-đi-an hoàn toàn thuộc về Ả-rập
   2. Trong Ga-la-ti 4:25, Phao-lô cho biết núi Si-nai thuộc về Ả-rập.
   3. Hình ảnh vệ tinh tiết lộ tuyến đường cổ xưa có bờ đá đắp cao từ Ai-cập dẫn ngang qua bán đảo Si-nai và vịnh Aqaba.
   4. Phần đỉnh cao nhất của địa điểm này bị nhuốm đen (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:16,18)

Hay nói một cách khác, đơn giản là chúng ta không biết địa điểm chính xác.

▣ **“khác nào như thành Giê-ru-sa-lem bây giờ, thành đó với con cái mình đều làm tôi mọi”** Hình ảnh ẩn dụ tại đây là giữa hệ thống Do Thái Giáo hiện thời đặt tâm điểm tại Giê-ru-sa-lem với thành phố thuộc về cõi lai thế sắp đến, Giê-ru-sa-lem Mới. Thành phố này được dựng nên không phải bởi tay người, tồn tại vĩnh viễn trong thiên đàng (xem Hê-bơ-rơ 11:10; 12:22; 13:14 và Khải-huyền 21:2, 10). Lưu ý rằng Phao-lô dùng thành phố Giê-ru-sa-lem “bên trên” để ứng dụng dành cho Hội thánh. Các sách của các sứ đồ viết trong Tân Ước thay đổi trọng điểm của Cựu Ước (người Do thái đối nghịch người Hy lạp) thành (tín hữu đối nghịch với người không tin). Tân Ước chuyển hướng các lời hứa thuộc về địa lý trong Cựu Ước về xứ Pa-léc-tin thành các lời hứa về thiên đàng (giữa Giê-ru-sa-lem thuộc trần gian với Giê-ru-sa-lem thuộc thiên đàng). Chính sự thay đổi cơ bản về trọng diểm này cho phép hiểu sách Khải Huyền hướng về (1) các tín hữu, chứ không phải người Do thái hay là (2) một vương quốc toàn vũ, chứ không phải là vương quốc Do thái.

4:27 Đây là trích dẫn từ Ê-sai 54:1. Theo văn mạch, nó ám chỉ đến sự phục hồi của thành phố Giê-ru-sa-lem sau thời kỳ bị lưu đày tại Ba-by-lôn. Giê-ru-sa-lem Mới được đề cập cụ thể trong chương 65 và 66. Phao-lô phóng rọi ý nghĩa lai thế này vào trong cấu trúc dạng thức học của mình.

4:28 Các tín hữu trong những Hội thánh tại Ga-la-ti chính là dòng dõi thật của Áp-ra-ham bằng đức tin (xem Rô-ma 2:28-29).

4:29 Phao-lô liên kết mọi người thật sự tin theo Đức Chúa Giê-xu với con cháu thật của Y-sác qua lời hứa của Đức Chúa Trời. Mặc dù Cựu Ước không đề cập cụ thể đến sự bắt bớ, nhưng có đề cập đến thái độ kiêu căng của A-ga đối với sự hiếm muộn của Sa-ra (xem Sáng-thế Ký 16:4-5), cũng như sự bạc đãi của Sa-ra đối với A-ga (xem Sáng-thế Ký 16:6). Các tu sĩ Do-Thái-Giáo giải nghĩa Sáng-thế Ký 21:9 như là Ích-ma-ên chế giễu Sa-ra và con của bà (Y-sác). Bản văn tiếng Do thái dịch là “chơi đùa” hay là “cười nhạo”. Có lẽ Phao-lô đang ám chỉ đến sự thù nghịch giữa người Do thái và người ngoại bang.

4:30 “Song Kinh Thánh, có nói gì? Hãy đuổi người nữ tôi mọi và con trai nó” Đây là trích dẫn từ Sáng-thế Ký 21:9, 10; động từ trong câu là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE) có nghĩa là “đuổi nữ tỳ đi” còn theo bối cảnh của sách Ga-la-ti thì có nghĩa là “tống cổ những người chủ trương Do Thái hoá”.

4:31 “Ấy vậy, hỡi anh em, chúng ta chẳng phải là con cái của người nữ tôi mọi, bèn là người nữ tự chủ.” Đây là lời tóm tắt dòng lý luận của Phao-lô. Chúng ta đặt lòng tin vào Đức Chúa Giê-xu Christ thì trở thành những người thừa kế có đủ quyền lợi theo lời hứa của Áp-ra-ham chứ không phải là những người Y-sơ-ra-ên theo dòng giống hay tự nhiên. Lẽ thật này cũng được giải bày trong Rô-ma 9-11.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Tại sao Phao-lô tiếp tục nhấn mạnh đến quyền làm con của chúng ta trong Đấng Christ?
2. Ba phương diện được nhấn mạnh trong câu 4 liên hệ thân vị của Đức Chúa Giê-xu là gì?
3. Mối liên hệ giữa hai câu 8-9 với việc chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời hay là được biết bởi Đức Chúa Trời là gì?
4. Ý nghĩa của cụm từ “đời ác này” hay chữ “stoicheia” là gì? Xin giải thích.
5. Trong các câu 14-15 “dường như” có bày tỏ “cái giằm trong thân xác” của Phao-lô, điều đó là gì?

6. Tại sao chúng ta cần phải thận trọng với sự giải nghĩa theo cách ngụ ngôn? Nếu Đức Chúa Giê-xu và Phao-lô đã có sử dụng nó, tại sao chúng ta lại không thể?
7. Giải thích bằng chính lời của bạn câu 9 liên hệ như thế nào với các câu 6 và 7.

GA-LA-TI ĐOẠN 5

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	NJB
		Bằng chứng cuối cùng		
(4:21-5:1)		(4:21-5:1)		
Sự tự do của Cơ-Đốc Nhân	Sự tự do của Cơ-Đốc Nhân	Bản chất sự tự do của Cơ-Đốc Nhân	Bảo toàn sự tự do của các anh em	Sự tự do của Cơ-Đốc Nhân
	5:1-6		5:1	5:1-6
5:2-6		5:2-6	5:2-6	
	Tình yêu thương làm trọn Luật Pháp			
5:7-12	5:7-15	5:7-12	5:7-10	5:7-12
			5:11-12	
				Sự tự do và lòng bác ái
5:13-15		5:13-15	5:13-15	5:13-15
Kết quả của Đức Thánh Linh và các việc làm của xác thịt	Bước đi trong Đức Thánh Linh			Đức Thánh Linh và bản chất con người
5:16-21	5:16-26	5:16-21	5:16-18	5:16-24
5:22-26		5:22-26	5:19-26	5:25-26

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)

THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

1. Phân đoạn 1

2. Phân đoạn 2

3. Phân đoạn 3

4. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Chương 5 trình bày rõ ràng phần chính yếu trong lập luận của Phao-lô. Những người chủ trương Do Thái hoá chú tâm vào việc tín hữu ngoại bang (không phải gốc Do thái) không thuận phục theo quan

điểm thánh khiết theo luật pháp Môi-se. Vì vậy họ cố gắng áp đặt những điều luật Cựu Ước lên các tín hữu này. Tuy rằng Phao-lô cũng chú trọng đến sự thánh khiết, nhưng ông khẳng định rằng nó không phải là kết quả từ các điều luật nhưng là từ sự thay đổi trong tấm lòng (xem Giê-rê-mi 31:33; Ê-xê-chi-ên 36:26,27). Hoàn toàn chính xác khi nói rằng những người chủ trương Do Thái hoá có đầy đủ mọi yếu tố của sự cứu rỗi chân thật nhưng họ đảo ngược thứ tự của nó. Họ nghĩ rằng hoàn thành bổn phận của con người sẽ dẫn họ đến một địa vị được Đức Chúa Trời chấp nhận. Tuy nhiên, Phúc âm của Đấng Christ đã chịu chết trên cây thập tự cho biết rằng mối liên hệ cá nhân với Đấng Christ sẽ dẫn đến một đời sống thánh khiết do lòng biết ơn. Phao-lô cũng chú trọng điểm con cái Đức Chúa Trời phải có đời sống đạo đức, đúng đắn và phục vụ. Chương 5 đề cập đến "mệnh lệnh" đạo đức này.

B. Đề tài sự tự do được giải bày trong chương 5 có liên quan đến hai sự lạm dụng:
   1. Các câu 1-12 giải quyết sự lạm dụng quyền tự do trong phương diện luật pháp, công đức của con người
   2. Các câu 13-15 giải quyết sự lạm dụng quyền tự do của người sống vô luật pháp (chống luật pháp) (xem Rô-ma 14:1-15:13; I Cô-rinh-tô 8; 10:23-33)

C. Quyển sách này có thể được gọi là sứ điệp ân điển hoàn toàn được ban cho không. Phao-lô hiểu sâu sắc những vấn đề tự nỗ lực của con người. Phúc âm của ông là lời kêu gọi triệt để cho sự tự do, không phải là thứ tự do cho phép sống phóng túng nhưng là thứ tự do của tình yêu dẫn đến sự phục vụ. Hiện nay chúng ta cần phải giữ sự quân bình: Các tín hữu thật sự tự do trong Đấng Christ cũng như được tự do khỏi Luật Pháp nhưng họ được tự do để đáp ứng cách phải lẽ với tình thương ban cho không của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 6). Rô-ma 14:1-15:13 là một ví dụ tuyệt vời của Kinh thánh về sự quân bình giữa quyền tự do và trách nhiệm (cũng như I Cô-rinh-tô 8-10). Chúa ban cho chúng ta năng lực để sống đời sống thánh khiết.

D. Các câu 16-26 bày tỏ cho chúng ta biết nguồn cội siêu nhiên sự tự do của Cơ-Đốc Nhân chính là Đức Thánh Linh. Nếu như sự cứu rỗi là hành động tự do từ tình thương của Đức Chúa Trời như thế nào thì đời sống của Cơ-Đốc Nhân cũng giống như vậy. Cũng như các tín hữu phải đầu phục trong sự ăn năn và đức tin trong sự cứu rỗi thể nào, thì họ cũng phải đầu phục trong sự ăn năn và đức tin theo quyền lãnh đạo của Đức Thánh Linh trong đời sống họ thể ấy.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

5:1 "cho được tự do" Cụm từ đầu tiên của câu 5:1 có lẽ đi chung với phân đoạn 4:21-31 hoặc có thể là mở đầu cho một phân đoạn mới. Cụm từ này có thể là một cách chơi chữ dựa trên "người nữ tự do" trong 4:30-31 và "tự do", "sự tự do" trong câu 5:1. Mục đích của Phúc âm là giải phóng con người khỏi sự rủa sả của Luật Pháp Môi-se để họ có thể tự nguyện đáp ứng lại với Đức Chúa Trời một cách phải lẽ theo cách thức giống như Áp-ra-ham đáp ứng lại lời hứa của Đức Chúa Trời. Do đó, các tín hữu không phải được tự do để phạm tội nhưng được tự do để sống cho Đức Chúa Trời (xem 2:4 & Rô-ma 6, đặc biệt là câu 11).

▣ **"Đấng Christ đã buông tha chúng ta"** Các Cơ-Đốc Nhân thật sự được tự do trong Đấng Christ (xem Giăng 8:32, 36; II Cô-rinh-tô 3:17). Như Martin Luther đã tuyên bố: "Cơ-Đốc Nhân là người chủ tự do nhất, không phục tùng bất kỳ ai. Cơ-Đốc Nhân là người đầy tớ thuận phục nhất, phục vụ tất cả mọi người".



NASB **"do đó hãy đứng vững và đừng phục dưới ách nô lệ một lần nữa"**
NKJV **"Hãy đứng vững trong sự tự do mà Đấng Christ đã ban cho chúng ta và đừng để vướng mắc vào ách nô lệ một lần nữa"**
TEV **"Hãy đứng vững như người tự do và đừng để chính mình trở thành nô lệ nữa"**
NRSV, JB **"Hãy đứng vững bởi đó khước từ sự thuận phục một lần nữa dưới ách nô lệ"**

Phao-lô đưa ra hai lời nhắc nhở về sự tự do thật trong Đấng Christ của các tín hữu: (1) họ phải kiên trì (xem Rô-ma 5:2 và I Cô-rinh-tô 16:13); (2) họ không nên quay trở lại những hình thức khác của việc tuân

thủ Luật Pháp hay là cố gắng cá nhân. Cả hai lời nhắc nhở này đều ở dạng MỆNH LỆNH THÌ HIỆN TẠI (PRESENT IMPERATIVES). Tuy nhiên, lời nhắc nhở thứ hai có ĐỘNG TÍNH TỪ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thông thường có ý nghĩa là dừng lại ngay một hành động đang diễn ra. Một khúc Kinh thánh tương đương có hình ảnh "ách nô lệ" là trong Công-vụ 15:10. Đức Chúa Giê-xu phán: "Ách của Ngài là nhẹ nhàng" (xem Ma-thi-ơ 11:29-30). Các tu sĩ Do-Thái-Giáo sử dụng hình ảnh "cái ách" như là ẩn dụ cho các quy định bắt buộc của Luật Pháp. Luật Pháp của Đấng Christ thì hoàn toàn khác biệt với luật lệ của Do Thái Giáo hay là công đức con người (xem Gia-cơ 1:25 và 2:8, 12).

BẢN NASB 5:2-12

**[2] Tôi là Phao-lô nói với anh em rằng, nếu anh em chịu làm phép cắt bì, thì Đấng Christ
không bổ ích chi cho anh em hết. [3] Tôi lại rao cho mọi người chịu cắt bì rằng, họ buộc phải vâng
giữ trọn cả luật pháp. [4] Anh em thảy đều muốn cậy luật pháp cho được xưng công bình, thì đã
lìa khỏi Đấng Christ, mất ân điển rồi. [5] Về phần chúng ta, ấy là bởi đức tin và nhờ Thánh Linh
mà chúng ta được nhận lãnh sự trông cậy của sự công bình. [6] Vì trong Đức Chúa Jêsus Christ,
cái điều có giá trị, không phải tại chịu phép cắt bì hoặc không chịu phép cắt bì, nhưng tại đức tin
hay làm ra bởi sự yêu thương vậy. [7] Anh em chạy giỏi; ai đã ngăn trở anh em đặng không cho
vâng phục lẽ thật? [8] Sự xui giục đó không phải đến từ Đấng gọi anh em. [9] Một ít men làm cho
dậy cả đống bột. [10] Trong Chúa, tôi đối với anh em có lòng tin cậy nầy, là anh em chắc không có
ý khác; nhưng kẻ làm rối trí anh em, bất luận người nào, sẽ chịu hình phạt về điều đó. [11] Hỡi
anh em, về phần tôi, nếu tôi còn giảng phép cắt bì, thì sao tôi còn bị bắt bớ nữa? Sự vấp phạm về
thập tự giá há chẳng phải bỏ hết rồi sao? [12] Nguyền cho kẻ gieo sự rối loạn trong anh em thà họ
tự chặt mình là hơn!**

5:2
NASB "Chú ý tôi, Phao-lô nói với các anh em"
NKJV "Quả thật là tôi, Phao-lô, nói với anh em"
NRSV "Hãy lắng nghe! Tôi, Phao-lô đang nói với anh em"
TEV "Hãy lắng nghe! Tôi, Phao-lô, nói với anh em điều này"
JB "Chính tôi, Phao-lô là người nói với anh em điều này"

Đây là MỆNH LỆNH CÁCH (IMPERATIVE FORM) của chữ "chú ý" với tính chất mạnh mẽ của ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG (PERSONAL PRONOUN (*egō*)). Cụm từ "tôi, Phao-lô" bày tỏ sự nhấn mạnh thẩm quyền trong lời nhận xét của Phao-lô.



NASB "rằng nếu anh em nhận phép cắt bì"
NKJV "rằng nếu anh em trở nên người chịu cắt bì"
NRSV "nếu anh em để mình thành người chịu cắt bì"
TEV, JB "nếu anh em để mình chịu cắt bì"

Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE) có nghĩa một hành động tiềm tàng, có thể xảy ra. Điều này gợi ý rằng các tín hữu người Ga-la-ti vẫn chưa chịu cắt bì nhưng đang có khuynh hướng thuận phục theo những đòi hỏi mới của những người chủ trương Do Thái hoá để tiếp nhận sự cứu rỗi. Tuy vậy phép cắt bì không phải là vấn đề chính yếu (xem câu 6; I Cô-rinh-tô 7:18-19). Cắt bì chỉ là một khía cạnh của toàn bộ hệ thống những việc làm công đức trong Do-Thái-Giáo. Phao-lô đã cắt bì cho Ti-mô-thê trong Công-vụ 16:3 để ông có thể làm mục sư cho các tín hữu người Do thái. Nhưng Phao-lô cũng nhắc lại rằng sự cắt bì thật là trong tấm lòng (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:16; Giê-rê-mi 4:4) chứ không phải trên thân thể (xem Rô-ma 2:28-29). Vấn đề quan trọng không phải là việc cắt bì nhưng là làm thế nào để một người được đem vào địa vị xứng đáng trước Đức Chúa Trời (xem câu 4).

▣ **"Đấng Christ không bổ ích chi cho anh em hết"** Phao-lô đưa ra hai phương cách đối nghịch nhau để con người trở nên xứng đáng trước Đức Chúa Trời: (1) Cố gắng của con người; và (2) ân điển cho không. Chủ đề của toàn bộ phân đoạn này là có hai phương cách mà chúng loại trừ lẫn nhau: chọn lấy cố gắng của con người là phủ nhận ân điển cho không, chọn lấy ân điển là loại bỏ cố gắng của con người. Không ai có thể trộn lẫn hai phương cách nầy như là nền tảng cho sự cứu rỗi giống như Ga-la-ti 3:1-5 đã trình bày rõ ràng.

5:3 "họ buộc phải vâng giữ trọn cả luật pháp" Nếu chúng ta chọn phương cách là cố gắng con người, thì chúng ta phải tuân giữ trọn vẹn Luật Pháp từ tuổi bị bắt buộc phải chịu trách nhiệm đạo đức (*bar-mitzvah,* 13 tuổi cho các bé trai, *bath-mitzvah,* 12 tuổi cho các bé gái) cho đến khi chết (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 27:26; Ga-la-ti 3:10; Gia-cơ 2:10). Kinh thánh quả quyết rằng vì chưa bao giờ có ai làm được điều này (ngoại trừ Đức Chúa Giê-xu), nên tất cả mọi người đều là tội nhân (xem Rô-ma 3:9-18,22-23; 6:23; 5:8 và 11:32).

5:4 "Anh em thảy đều muốn cậy luật pháp cho được xưng công bình" Chủ đề thần học trong chương 3 và 4 là Đức Chúa Trời tiếp nhận chúng ta hoàn toàn chỉ dựa vào bản tính của Ngài và công tác của Đấng Mết-si-a. Đây là cốt lõi của Phúc âm cơ bản, mới mẻ mà Phao-lô rao giảng: sự xưng công bình chỉ bằng đức tin (xem Rô-ma 4-8).



NASB "Anh em đã bị tách rời khỏi Đấng Christ "
NKJV "Anh em đã trở nên xa rời khỏi Đấng Christ "
NRSV "Anh em đã tự cắt đứt chính mình khỏi Đấng Christ "
TEV "đã tự cắt đứt chính mình khỏi Đấng Christ"
JB "anh em đã tự tách biệt chính mình khỏi Đấng Christ "

Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE INDICATIVE) của động từ *katargeō* được dịch theo nhiều cách: (1) trở nên vô ích; (2) trở nên bất lực; (3) dẫn đến không kết quả; (4) không có lợi; (5) trống rỗng; (6) huỷ bỏ; (7) làm cho tàn phế; (8) chấm dứt; (9) huỷ diệt; hay là (10) cắt đứt khỏi. Chữ này được Phao-lô sử dụng hơn hai mươi lần. Xem chủ đề đặc biệt trong 3:17. Có thể xem các ý nghĩa của chữ này trong Ga-la-ti 3:17 (có nghĩa phá bỏ) và 5:11 (hủy bỏ). Nếu một ai đó cố gắng để xứng đáng với Đức Chúa Trời bởi cố gắng của con người, thì người đó đã tự mình cắt đứt khỏi sự xưng công bình nhờ ân điển như là phương thức của sự cứu rỗi (xem 5:12).



NASB, NKJV, JB "anh em đã rớt khỏi ân điển"
NRSV "anh em đã rơi ra ngoài ân điển"
TEV "Anh em ở ngoài ân điển của Đức Chúa Trời"

Những ai tìm kiếm Đức Chúa Trời bằng cố gắng con người là đã đánh mất phương cách của ân điển ban cho không dựa trên công tác đã được hoàn tất bởi Đấng Mết-si-a. Văn mạch tại đây không hướng đến giải đáp câu hỏi của thần học hiện đại: có thể nào những người đã nhận sự cứu rỗi nhưng sau đó đánh mất nó; nhưng lại chú trọng về việc làm thế nào để con người tìm được sự cứu rỗi. Trong lá thư này, Phao-lô tranh luận với người theo chủ thuyết liên kết Luật pháp với sự cứu rồi. Ngày này đa số các hình thức tuân giữ Luật Pháp trong vòng Hội thánh liên hệ đến đời sống của Cơ-Đốc Nhân (xem Ga-la-ti 3:1-3). Đa số các Cơ-Đốc Nhân tuân giữ Luật Pháp tương tự như "các anh em yếu đuối" trong Rô-ma 14:1-15:13. Họ không thể chấp nhận sự tự do và giải phóng của Phúc âm. Họ không trông cậy nơi việc làm của mình để được cứu rỗi, nhưng họ lại cũng nghi ngại trong một cách nào đó họ có thể làm "mất lòng" Đức Chúa Trời. Thái độ này bày tỏ qua sự chỉ trích, phán xét đối với những tín hữu khác. Sự đổ vỡ mối thông công xuất hiện trong các Hội thánh người Ga-la-ti ngày xưa vẫn tiếp tục xảy ra trong các Hội thánh ngày nay.

5:5 "Về phần chúng ta, ấy là bởi đức tin và nhờ Thánh Linh" Cụm từ này bày tỏ hai điều kiện cần thiết cho sự cứu rỗi: (1) đáp ứng của con người (xem Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19; 20:21); và (2) sự lôi kéo, thuyết phục của Đức Thánh Linh (xem Giăng 6:44, 65; 16:7-13). Những cụm từ được đặt phía trước trong câu văn tiếng Hy lạp để bày tỏ sự nhấn mạnh.

▣ **"mà chúng ta được nhận lãnh sự trông cậy của sự công bình"** "Sự trông cậy, hy vọng" thường được sử dụng trong Tân Ước để chỉ sự đến lần thứ hai của Chúa. Sự đến lần thứ hai là thời điểm mà các tín hữu sẽ hoàn toàn được cứu. Tân Ước mô tả sự cứu rỗi của chúng ta như sau: (1) một công tác đã được hoàn thành; (2) địa vị hiện tại; (3) một tiến trình; và (4) sự hoàn tất trong tương lai. Bốn đặc tính này của sự cứu rỗi hỗ trợ cho nhau chứ không loại trừ nhau. Chúng ta đã được cứu, đang được cứu, tiếp tục được cứu và sẽ được cứu trọn vẹn. Khía cạnh tương lai của sự cứu rỗi là sự vinh hiển của các tín hữu khi Chúa đến lần thứ hai (xem I Giăng 3:2). Những khúc Kinh thánh khác mô tả về tương lai của sự cứu rỗi là Rô-ma 8:23; Phi-líp 3:21 và Cô-lô-se 3:3, 4.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TRÔNG CẬY, HY VỌNG.

Phao-lô thường sử dụng chữ này theo nhiều ý khác biệt nhưng có liên hệ lẫn nhau. Nó thường liên kết với sự hoàn tất đức tin của tín hữu (xem I Ti-mô-thê 1:1). Điều này có thể diễn đạt như sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi sau cùng, sự trở lại lần thứ hai, vân vân… Hoàn tất là chắc chắn, nhưng tính chất thời gian vẫn là tương lai và không biết rõ.

1. Sự đến lần thứ hai (xem Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13)
2. Đức Chúa Giê-su là nguồn hy vọng của chúng ta (xem I Ti-mô-thê 1:1)
3. Tín hữu sẽ phải trình diện trước Đức Chúa Trời (xem Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)
4. Hy vọng đặt nơi thiên đàng (xem Cô-lô-se 1:5)
5. Sự cứu rỗi sau rốt (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)
6. Vinh quang của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27)
7. Sự cứu rỗi của người ngoại trong Đấng Christ (xem Cô-lô-se 1:27)
8. Sự bảo đảm cho ơn cứu rỗi (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9)
9. Sự sống đời đời (xem Tít 1:2; 3:7)
10. Sự cứu chuộc của tất cả tạo vật (xem Rô-ma 8:20-22)
11. Hoàn tất của sự nhận làm con (xem Rô-ma 8:23-25)
12. Danh hiệu của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 15:13)
13. Chỉ dẫn của Cựu Ước cho những tín hữu Tân Ước (xem Rô-ma 15:4)

▣ **"sự công bình"** Xem chủ đề đặc biệt ở 2:21.

5:6 Câu này tóm lược chủ đề của sách Ga-la-ti: Chúng ta được xứng đáng trước Đức Chúa Trời bằng đức tin chứ không phải bởi các nghi lễ hay là việc làm của con người như là: phép cắt bì, vâng giữ các luật lệ về thực phẩm hay là đời sống đạo đức. Cụm từ kết luận được hiểu theo nghĩa THỤ ĐỘNG (PASSIVE) hay là TRUNG CẤP (MIDDLE) (Barbara và Timothy Friberg, *Analytical Greek New Testament*, trang 584; Harold K Moulton [ed], *The Analytical Greek Lexicon Revised*, trang 139). Công Giáo La Mã thường giải nghĩa chữ này theo nghĩa THỤ ĐỘNG (PASSIVE) tình yêu là nguồn gốc của đức tin. Tuy nhiên, đa số người Tin Lành hiểu chữ này theo nghĩa TRUNG CẤP (MIDDLE) có nghĩa là do có đức tin mới xuất phát ra tình yêu (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 1:3). Chữ này thường được sử dụng trong Tân Ước theo nghĩa TRUNG CẤP (MIDDLE) (xem Rô-ma 7:5, II Cô-rinh-tô 1:6; Ê-phê-sô 3:20; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13, và II Tê-sa-lô-ni-ca 2:7). Đức tin mới thật là điều chính yếu, có trước. Đây chính là câu trả lời của Phao-lô cho các giáo sư giả có đề cập đến lối sống của các người ngoại. Họ đã được tiếp nhận trong Đấng Christ mà không bị đòi công giá nào. Chính tình yêu được Đức Thánh Linh tác động (sau sự cứu rỗi) thiết lập

tiêu chuẩn cho những hành vi đạo đức của những tín hữu và đem đến khả năng để vâng phục. Nó chính là giao ước mới, tấm lòng mới (xem Giê-rê-mi 31:33; Ê-xê-chi-ên 36:26-27).

5:7 "ai" ĐẠI TỪ SỐ ÍT (SINGULAR PRONOUN) được dùng để chỉ giáo sư giả xuất hiện trong câu 7 một lần và hai lần trong câu 10. Tuy nhiên, DẠNG SỐ NHIỀU (PLURAL FORM) xuất hiện trong câu 12 có thể là cách sử dụng tổng hợp của DẠNG SỐ ÍT (SINGULAR). Bởi vì trong 3:1 dùng DẠNG SỐ ÍT (SINGULAR) nên có thể ám chỉ: (1) Một lãnh đạo tại địa phương tiếp nhận quan điểm của những người Do thái hoá và giờ đây đang lôi kéo Hội thánh theo khuynh hướng đó; hay là (2) một lãnh đạo của những người chủ trương Do Thái hoá có tài thuyết phục từ xa đến.



NASB "Anh em đã chạy tốt; ai đã cản trở anh em vâng phục lẽ thật"
NKJV "Anh em đã chạy tốt; ai đã ngăn trở anh em vâng phục lẽ thật"
NRSV "Anh em đã chạy tốt; ai đã ngăn cản anh em vâng phục lẽ thật"
TEV "Anh em đã làm rất tốt! Ai đã khiến anh em ngừng vâng phục lẽ thật"
JB "Anh em đã khởi đầu cuộc chạy tốt: ai đã khiến anh em ít lưu tâm vâng phục lẽ thật"

Cụm từ "anh em đã chạy tốt" ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT ACTIVE INDICATIVE). Điều này có nghĩa là đã có một thời gian các Hội thánh đã phát triển tốt trong sự trưởng thành đức tin Cơ-Đốc-Giáo. Động từ "ngăn cản" hay "cản trở" ở dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE) thường hay có Ịn ý quân sự hay thể thao. Theo ý nghĩa quân sự, chữ này có nghĩa là hành động phá hủy con đường mà quân địch đang tiến đến. Trong ý nghĩa thể thao, chữ này có nghĩa hành động của một người chạy đua; chạy cắt mặt, lấn phía trước một người chạy đua khác (tại đây có ý chỉ các tín hữu Ga-la-ti) khiến cho cả hai đều thua trong cuộc đua. Phao-lô khiến chúng ta chú ý bằng cách chơi chữ giữa hai cụm từ "vâng phục lẽ thật" trong câu 2, và "thuyết phục" trong câu 8. Điều này không ám chỉ rằng những tín hữu người Ga-la-ti không phải chịu trách nhiệm cá nhân, nhưng có ý rằng họ đã bị chi phối, tác động. Xem chủ đề đặc biệt: Chân lý, Lẽ thật trong 2:5.

5:8 "Đấng gọi anh em". Ý nghĩa của ĐẠI TỪ (PRONOUN) đứng đầu câu thường mơ hồ. Giống như trong Ga-la-ti 1:6, cụm từ này luôn luôn được dùng cho sự lựa chọn của Đức Chúa Cha. Xem ghi chú trong I Tê-sa-lô-ni-ca 2:12.

5:9 "Một ít men" Men là một hình ảnh Ịn dụ thông dụng trong Tân Ước (xem Ma-thi-ơ 16:6; I Cô-rinh-tô 5:6). Trong Kinh thánh, men thường được dùng theo ý tiêu cực, mặc dù không phải luôn luôn như vậy (xem Ma-thi-ơ 13:33). Hình ảnh Ịn dụ ở đây có thể dùng để nhấn mạnh sức mạnh thỊm thấu của loại giáo lý chứng tỏ công bình bởi việc làm (xem Ma-thi-ơ 16:6,32).

5:10 "tôi đối với anh em có lòng tin cậy nầy" Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG HOÀN THÀNH (PERFECT ACTIVE INDICATIVE) ám chỉ rằng từ trong quá khứ đã có, và giờ đây tiếp tục có lòng tin cậy nơi các tín hữu người Ga-la-ti (xem II Cô-rinh-tô 2:3; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:4; Phi-lê-môn câu 21).

▣ **"là anh em chắc không có ý khác"** Xem ghi chú trong 4:12. Tại đây Phao-lô kèm thêm ĐẠI TỪ dùng nhấn mạnh (emphatic PRONOUN), *egō*.



NASB "nhưng người quấy rối anh em sẽ bị phán xét, dù cho người đó là ai"
NKJV "nhưng người gây khó khăn cho anh em sẽ bị phán xét, dù cho người đó là ai"
NRSV "nhưng người nào gây bối rối cho anh em sẽ nhận lãnh sự trừng phạt"
TEV "và người đang làm rối loạn anh em, dù cho người đó là ai sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt"
JB "và bất kỳ ai gây khó khăn cho anh em trong tương lai sẽ bị lên án, không phân biệt ai"

Chúng ta phải chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời. Sự trừng phạt nghiêm khắc cho những ai dẫn những tín hữu mới tin Chúa đi sai lạc được trình bày trong Ma-thi-ơ 18:6-7.

5:11 "nếu tôi còn giảng phép cắt bì" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE). Câu này được công nhận là đúng theo cái nhìn của tác giả hoặc là cho mục đích văn chương của ông. Phao-lô đang dùng một cấu trúc ngữ pháp hơi khác lạ để diễn đạt ý "bởi vì họ vẫn còn cáo buộc tôi rao giảng về sự cắt bì". Điều này có thể đề cập đến: (1) Việc ông cắt bì cho Ti-mô-thê (xem Công-vụ 16:3); cũng như việc ông không cắt bì cho Tít (xem 2:2-5); hay là (2) lời phát biểu của Phao-lô trong I Cô-rinh-tô 7:18-19. Dù cho bối cảnh như thế nào, Phao-lô đang công bố rằng những người chủ trương Do Thái hoá không nhất quán. Bởi vì nếu ông giảng về phép cắt bì thì lẽ ra họ phải nhiệt tình tiếp nhận ông, nhưng họ lại bắt bớ ông. Đó là bằng chứng rõ ràng ông không ủng hộ việc cắt bì cho người ngoại bang.

▣ **"Sự vấp phạm về thập tự giá há chẳng phải bỏ hết rồi sao?"** Chữ *skandalon* được dịch là "vật làm vấp té" hay là "vật cản trở" có nghĩa là "một khúc cây để bẫy và mồi nhử dùng để bắt thú vật" (xem Rô-ma 9:33; I Cô-rinh-tô 1:23). Thập tự giá là một sự xúc phạm đối với những người chủ trương Do Thái hoá vì Thập tự giá ban cho không điều mà chính họ phải cố gắng làm tận lực để đạt được (xem Rô-ma 10:2-5).

▣ **"bỏ hết rồi sao?"** Đây là dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE). Xem chủ đề đặc biệt ở 3:17.

5:12
NASB "Tôi mong là những ai đang gây khó khăn cho anh em tự cắt xẻo họ"
NKJV "Tôi có thể cầu mong cho những ai gây khó khăn cho anh em tự cắt chính họ"
NRSV "Tôi mong những ai làm anh em phiền não sẽ tự thiến lấy họ"
TEV "Tôi mong là người đang gây phiền não trong anh em sẽ đi khỏi; hãy để họ đi và tự thiến mình"
JB "nói với những người đang gây rối loạn trong anh em rằng tôi muốn thấy lưỡi dao cắt"

Cụm từ này được sử dụng theo nghĩa "thiến, hoạn". Nhờ khoa nghiên cứu lịch sử mà chúng ta biết trong tín ngưỡng của vùng Cybele, thuộc địa phận tỉnh Ga-la-ti, đã thiến tất cả các thầy tu trong đạo giáo của họ. Tại đây Phao-lô đang nói về phép cắt bì theo cách châm biếm thậm xưng (xem Phi-líp 3:2, ông gọi họ là "những con chó").

BẢN NASB 5:13-15

13 Hỡi anh em, anh em đã được gọi đến sự tự do, song chớ lấy sự tự do đó làm dịp cho anh em ăn ở theo tánh xác thịt, nhưng hãy lấy lòng yêu thương làm đầy tớ lẫn nhau. 14 Vì cả luật pháp chỉ tóm lại trong một lời nầy: Ngươi hãy yêu kẻ lân cận như mình. 15 Nhưng nếu anh em cắn nuốt nhau, thì hãy giữ, kẻo kẻ nầy bị diệt mất bởi kẻ khác.

5:13 "anh em đã được gọi đến sự tự do" Từ đây bắt đầu một ý mới trong dòng lý luận. Chữ "anh em" thường đánh dấu sự thay đổi chủ đề. Các câu 1-12 đã giải quyết sự sai lạc của chủ thuyết tuân giữ luật pháp, các câu 13-15 thì giải quyết sự sai lạc của chủ thuyết vô luật pháp. Chúng ta không dùng sự tự do để cho phép chiều theo những dục vọng tội lỗi thuộc bản chất sa ngã của loài người (xem Rô-ma 14:1-15:13).

▣
NASB "chỉ đừng biến sự tự do của anh em thành cơ hội cho xác thịt"
NKJV "chỉ đừng dùng sự tự do như là một cái cớ cho xác thịt"

NRSV “chỉ đừng sử dụng sự tự do của anh em như là một cơ hội cho sự đam mê dục vọng”
TEV “nhưng đừng để sự tự do này trở thành cái cớ cho dục vọng cai trị anh em”
JB “nhưng phải cẩn trọng, kẻo sự tự do này sẽ dẫn đến sự thoả mãn dục vọng”

Chữ “cơ hội” là một từ quân sự chỉ một địa điểm thuận lợi để chuẩn bị cho cuộc tiến công (xem Rô-ma 6:1-14). Một vài bản dịch Kinh thánh Anh ngữ chuyển ngữ chữ “xác thịt” bằng cụm từ “bản chất thấp hèn”. Cách chuyển ngữ này phù hợp với cách dùng chữ “xác thịt” theo văn mạch tại đây như là xu hướng tự nhiên của con người để cuốn xoáy theo cái tôi (chính mình) kể từ khi con người sa ngã, như có chép trong Sáng-thế Ký 3. Cũng như thế trong Rô-ma 8:1-11 trình bày hai cực đối lập giữa bản chất của A-đam và cuộc đời được Đức Thánh Linh dẫn dắt.

▣ **“nhưng hãy lấy lòng yêu thương làm đầy tớ lẫn nhau”** Động từ này ở dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Trước đó, Phao-lô đã quả quyết rằng các tín hữu không nên làm nô lệ một lần nữa cho chủ thuyết duy luật pháp, nhưng giờ đây ông có mạng lệnh để điều này được quân bình (không bị thiên lệch): họ phải làm đầy tớ cho nhau trong tình yêu thương (xem câu 6; Ê-phê-sô 5:21; Phi-líp 2:3-4). Toàn bộ văn mạch là hướng về tập thể, cộng đồng, chứ không phải là cá nhân (xem Gordon D. Fee, *To What End Exegesis?* trang 154-172).

5:14
NASB “bởi vì cả Luật Pháp được làm trọn trong một chữ”
NKJV “bởi vì cả Luật Pháp được làm trọn trong một chữ”
NRSV “bởi vì cả Luật Pháp chỉ tóm lại trong một mạng lệnh duy nhất”
TEV “bởi vì cả Luật Pháp tóm lại trong một mạng lệnh”
JB “bởi vì cả Luật Pháp chỉ tóm tắt lại trong một mạng lệnh duy nhất”

Chân lý này cũng được bày tỏ trong Rô-ma 13:8. Đây là “luật pháp” theo như sự mặc khải ý muốn của Đức Chúa Trời (xem Ma-thi-ơ 5:17-20), chứ không phải hệ thống để đạt đến sự cứu rỗi bằng việc làm công đức. Cựu Ước vẫn có những chức năng thích hợp trong Cơ-Đốc-Giáo. Đây là trích dẫn từ Lê-vi Ký 19:18 theo bản Septuagint. Đối với các học giả Do Thái Giáo, trích dẫn này (có thể) giữ chức năng như là sự tóm tắt mục đích của Luật Pháp. Chân lý này cũng được Đức Chúa Giê-su dùng theo một cách tương tự trong Ma-thi-ơ 5:43-48; 22:39; Mác 12:29-31 và Lu-ca 10:25-28. Đây là ĐỘNG TỪ THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE VERB) nhấn mạnh cao trào của một hành động trong quá khứ chuyển thành một tình trạng hay điều kiện tiếp diễn. Nó có thể được hiểu là: (1) sự tóm tắt Luật Pháp; hay là (2) sự làm trọn Luật Pháp.

5:15 Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE), được công nhận là đúng theo quan điểm hay là cho chủ đích văn chương của tác giả. Câu này sử dụng hình ảnh bạo lực mô tả các thú hoang xâu xé nhau. Đây là hình ảnh về thực tế tệ hại mà các giáo sư giả đã gây ra trong các Hội thánh Ga-la-ti. Cách giải nghĩa này được củng cố bởi lời tuyên bố mạnh mẽ không kém trong câu 26. Đây là một vấn đề của tập thể, chứ không chú trọng vào cá nhân.

BẢN NASB 5:16-24

[16] Vậy tôi nói rằng: Hãy bước đi theo Thánh Linh, chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt. [17] Vì xác thịt có những điều ưa muốn trái với của Thánh Linh, Thánh Linh có những điều ưa muốn trái với của xác thịt; hai bên trái nhau dường ấy, nên anh em không làm được điều mình muốn làm. [18] Nhưng, ví bằng anh em nhờ Thánh Linh chỉ dẫn, thì chẳng hề ở dưới luật pháp. [19] Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm: ấy là gian dâm, ô uế, luông tuồng, [20] thờ hình tượng, phù phép, thù oán, tranh đấu, ghen ghét, buồn giận, cãi lẫy, bất bình, bè đảng, [21] ganh gổ, say sưa, mê ăn uống, cùng các sự khác giống như vậy. Tôi nói trước cho anh em, như

tôi đã nói rồi: hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời. [22] Nhưng trái của Thánh Linh, ấy là lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhơn từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ: [23] không có luật pháp nào cấm các sự đó. [24] Vả, những kẻ thuộc về Đức Chúa Jêsus Christ đã đóng đinh xác thịt với tình dục và dâm dục mình trên thập tự giá rồi.

5:16 "Hãy bước đi theo Thánh Linh" Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE), Phao-lô thúc giục các tín hữu Ga-la-ti sống một đời sống "siêu nhiên, vượt trên tự nhiên" dưới sự kiểm soát liên tục từ Thánh Linh của Đức Chúa Trời (xem Ê-phê-sô 4:1,17; 5:2,15-18). Đức Thánh Linh khởi đầu sự cứu rỗi là một ý chính của sách Ga-la-ti. Do đó, câu này có nghĩa là điều gì Đức Thánh Linh khởi đầu (xem 3:3) thì cũng sẽ được Đức Thánh Linh hoàn thành (xem Rô-ma 8:16-25). Chữ "Luật Pháp của Đức Thánh Linh" trong Rô-ma 8:1 có liên quan và ám chỉ đến câu 18 có cùng nghĩa như chữ "Luật Pháp của Đấng Christ " trong I Cô-rinh-tô 9:21 & Gia-cơ 1:25; 2:8,12. Luật yêu thương là hầu việc người khác như chính mình (xem Phi-líp 2:1-4).

▣ **"chớ hề làm trọn những điều ưa muốn của xác thịt"** Đây là dạng phủ định mạnh nhất trong tiếng Hy lạp Koine kết hợp giữa thể PHỦ ĐỊNH ĐÔI (DOUBLE NEGATIVE) với thể CẦU KHẨN THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST SUBJUNCTIVE) có nghĩa là "không bao giờ dù dưới bất kỳ trường hợp nào". Dạng phủ định trong câu này được tiếp tục với chữ "chiều theo" là một chữ nhấn mạnh trong tiếng Hy lạp. Đời sống Cơ-Đốc Nhân cùng với sự cứu rỗi đời đời có nguồn gốc siêu nhiên. Những tín hữu không chỉ được kêu gọi để được cứu nhưng còn được gọi để trở nên giống như Đấng Christ (xem Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4). Sự đối lập giữa "xác thịt" và "thần linh" là chủ đề quen thuộc trong các sách của Phao-lô (xem Rô-ma 8:1-11). "Xác thịt" [*sarx*] được Phao-lô sử dụng theo hai nghĩa: (1) thân thể xác thịt; và (2) bản chất A-đam, sa ngã, tội lỗi. Tại đây rõ ràng Phao-lô sử dụng nghĩa thứ hai.

5:17 Rô-ma 8:1-11 trình bày sự đối lập này giữa hai lối sống. Liên quan đến sự cứu rỗi, Phao-lô đã đưa ra hai phương cách: (1) cố gắng của con người; và (2) ân điển Đức Chúa Trời ban cho không trong Đấng Christ. Sau đó Phao-lô trình bày có hai phương cách để sống đời sống thiện lành: (1) cố gắng con người; và (2) năng lực Đức Chúa Trời ban cho không qua Đức Thánh Linh. Những người chủ trương Do Thái hoá khẳng định cả sự cứu rỗi và đời sống của Cơ-Đốc Nhân đều do cố gắng của con người, nhưng Phao-lô thì lại quả quyết cả hai đều là sự ban cho siêu nhiên của Đức Chúa Trời.

5:18 "Nhưng, ví bằng anh em nhờ Thánh Linh chỉ dẫn" Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) được công nhận là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Những ai được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh không còn thuận phục dưới Luật Pháp (xem Rô-ma 6:14; 7:4,6). Điều này không ám chỉ rằng các Cơ-Đốc Nhân sẽ không phạm tội (xem Rô-ma 7 và I Giăng 2:1), nhưng đời sống của họ không còn tính cách chống nghịch (xem I Giăng 3:6,9).

▣ **"thì chẳng hề ở dưới luật pháp"** Không có MẠO TỪ (ARTICLE) đứng trước "luật pháp" trong bản văn tiếng Hy lạp, do đó chữ này ở đây có hàm ý rộng hơn là chỉ luật lệ trong Do-Thái-Giáo. Luật Pháp trong câu này đựoc hiểu như là phương cách để đến với Đức Chúa Trời. Ở đây tiếp tục bày tỏ sự đối lập giữa hai phương cách để được cứu: tự cố gắng và ân điển ban cho không của Đức Chúa Trời.

5:19 "Vả, các việc làm của xác thịt là rõ ràng lắm" Nhiều nhà giải kinh nhận thấy có các thể loại khác biệt trong danh sách những tội lỗi này. Tuy nhiên, có điểm thống nhất chung dựa trên sự phóng túng, vô độ trong việc thờ lạy của ngoại giáo. Con người bộc lộ bản chất thật qua các hành động và động cơ của họ (xem Ma-thi-ơ 7:16,20; 12:33). Bản dịch KJV thêm vào chữ "ngoại tình" vào danh sách này. Chi tiết này chỉ được xác nhận trong bản chép tay tiếng Hy lạp D, Codex Bezea, có khoảng vào thế kỷ thứ sáu sau Chúa

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ NẾT TỐT TRONG TÂN ƯỚC

Bảng liệt kê những thói xấu và nết tốt thường thấy trong Tân ước. Những điều này thường phản ánh các thói nết của văn hóa (Hy lạp) và Do thái. Danh sách những thói nết tương phản này được liệt kê sau đây:

	Những thói xấu	Những nết tốt
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32	---
	Rô-ma 13:13	Rô-ma 2:9-21
	I Cô-rinh-tô 5:9-11	---
	6:10	I Cô-rinh-tô 6:6-9
	II Cô-rinh-tô 12:20	II Cô-rinh-tô 6:4-10
	Ga-la-ti 5:19-21	Ga-la-ti 5:22-23
	Ê-phê-sô 4:25-32	---
	5:3-5	---
	---	Phi-líp 4:8-9
	Cô-lô-se 3:5,8	Cô-lô-se 3:12-14
	ITi-mô-thê 1:9-10	---
	6:4-5	---
	II Ti-mô-thê 2:22a, 23	II Ti-mô-thê 2:22b,24
	Tít 1:7, 3:3	Tít 1:8-9; 3:1-2
2. Gia-cơ	Gia-cơ 3:15-16	Gia-cơ 3:17-18
3. Phi-e-rơ	I Phi-e-rơ 4:3	I Phi-e-rơ 4:7-11
	II Phi-e-rơ 1:9	II Phi-e-rơ 1:5-8
4. Giăng	Khải huyền 21:8; 22:15	---



NASB "vô đạo đức, ô uế"
NKJV "gian dâm, dâm ô"
NRSV "gian dâm, ô uế"
TEV "vô đạo đức, tục tĩu"
JB "gian dâm, khiếm nhã cực độ"

Chữ Hy lạp đầu tiên [*porneia*] có ý nghĩa nguyên thuỷ là "gái điếm", nhưng nó biến thành chữ được dùng cho sự gian dâm theo ý nghĩa tổng quát (xem I Cô-rinh-tô 6:9). Chúng ta có chữ "pornography" trong Anh ngữ từ chữ Hy lạp này. Chữ thứ hai [*akatharsia*], "ô uế" cũng là từ tổng quát chỉ sự gian dâm, dù rằng nguyên thuỷ trong Cựu Ước chữ này được dùng theo nghĩa sự ô uế về nghi lễ hay là đạo đức. Phao-lô chủ ý dùng theo ý nghĩa thứ hai.



NASB "nhục dục"
NKJV, NRSV "dâm loạn"
TEV "và những việc làm khiếm nhã"
JB "tính dục vô trách nhiệm"

Điều này ám chỉ đến sự phô trương công khai về những ham muốn tình dục (xem II Cô-rinh-tô 12:21). Hình thức hành động tình dục này không có giới hạn hay là bất cứ hạn chế xã hội nào. Sự thờ phượng của ngoại giáo phô bày tính cách đặc thù bằng những hành động tình dục (giống như các giáo sư giả của phái Trí Tuệ Giáo sau đó, xem I Ti-mô-thê 1:10; II Ti-mô-thê 3:6; Tít 3:3).

5:20 “thờ hình tượng” Điều này ám chỉ đến sự thờ phượng bất cứ một thứ gì thay thế cho Đức Chúa Trời (xem I Cô-rinh-tô 10:14; Ê-phê-sô 5:5; Cô-lô-se 3:5; I Phi-e-rơ 4:3). Nó liên hệ đặc biệt đến những hành động thờ lạy các hình tượng hay là các vật thể vô tri vô giác.

▣ **“phù phép”** Đây là chữ Hy lạp *pharmakia* mà từ đó chúng ta có chữ “pharmacy” trong Anh ngữ. Phép phù thủy, ma thuật có thể liên hệ đến việc sử dụng dược chất để đem lại kinh nghiệm tôn giáo. Sau đó chữ này được dùng để chỉ mọi hình thức ma thuật.

▣

NASB “thù hằn, xung đột, ghen tỵ, nóng giận, bất hoà, chia rẽ, bè đảng”
NKJV “căm ghét, tranh đấu, ghen tỵ, nóng giận, tham vọng cá nhân, chia rẽ, tà giáo”
NRSV “thù địch, tranh chấp, ghen tỵ, nóng giận, tranh cãi, chia rẽ, bè đảng”
TEV “người ta trở nên những kẻ thù và tranh chiến với nhau, họ trở nên ghen tỵ, giận dữ và đầy tham vọng”
JB “hận thù và cãi lộn, ghen tỵ, nóng giận và tranh chấp, bất hoà, bè đảng”

Chuỗi dài này mô tả những thái độ và hành động của con người nóng giận, sa ngã, ích kỷ.

▣ **“thù oán”** Chữ này (*echthra*) mô tả tình trạng thù địch với người khác.

▣ **“tranh đấu”** Chữ này có nghĩa là “tranh chiến để giành cho được”.

▣ **“ghen ghét”** Chữ này (*zēlos*) có thể có cả ẩn ý tích cực và tiêu cực nhưng theo văn mạch tại đây nó có nghĩa là “tự kỷ trung tâm”.

▣ **“buồn giận”** Chữ Hy lạp này (*thumos*) có nghĩa là cơn giận bùng phát bất thình lình, không kiểm soát.

▣ **“cãi lẫy”** Chữ này ám chỉ những xung đột dựa trên việc tìm lợi cho chính mình hay là tham vọng không giới hạn.

▣ **“bất bình, bè đảng”** Hai chữ này đi chung với nhau. Chúng mô tả sự chia rẽ giáo điều nội bộ trong một nhóm lớn, tương tự như các đảng phái chính trị (xem Ti-mô-thê 5:15 và 26). Nó được dùng để mô tả các Hội thánh giống như Hội thánh Cô-rinh-tô (xem I Cô-rinh-tô 1:10-13; 11:19; II Cô-rinh-tô 12:20).

5:21 “ganh gổ” Có một câu ngạn ngữ của Stoic (trưởng phái Khắc kỷ) phổ thông trong giai đoạn này là “sự ghen tỵ là đau khổ trước sự thạnh vượng của người khác”. Một số bản chép tay tiếng Hy lạp xưa hơn có thêm vào chữ “những tên sát nhân” sau chữ “ghen tỵ”. Chữ này có trong các bản chép tay A, C, D, G, K và P, nhưng nó lại bị loại bỏ khỏi các bản P^{46}, א, và B. Chữ này bị loại bỏ trong các tác phẩm khởi đầu của tà giáo Marcion cũng như các giáo phụ của Hội thánh ban đầu như: Irenaeus, Clement of Alexandria, Origen, Chrysostom, Jerome và Augustine.

▣ **“say sưa, mê ăn uống”** Hai chữ cuối này mô tả sự hoan lạc do say sưa có liên hệ với sự thờ cúng của ngoại giáo (xem I Cô-rinh-tô 6:9).

▣ **“cùng các sự khác giống như vậy”** Câu này cho biết trong danh sách này chỉ đưa ra một số điều tiêu biểu chớ không phải hoàn toàn đầy đủ (xem I Cô-rinh-tô 6:9-10; Ê-phê-sô 5:5). Như một lời cảnh báo, nó có thể khiến các tín hữu Ga-la-ti nhớ lại sự giảng dạy trước đó của Phao-lô. Câu này cùng với I Giăng 5:16 được Giáo hội Công giáo La-mã khai triển thành sự phân biệt giữa tội đạo đức và tội phải chết. Tuy nhiên, cách giải nghĩa này rất mơ hồ, vì các định nghĩa trùng lặp nhau và trong thực tế thì các Cơ-Đốc-Nhân vẫn phạm những tội này. Các câu Kinh thánh này cảnh báo rằng dù cho các Cơ-Đốc Nhân vẫn được cứu khi phạm những tội này, nhưng nếu đời sống họ bị thống trị hay là tiêu biểu bởi chúng thì họ chưa thực sự được trở thành những tạo vật mới trong Đấng Christ (I Giăng 3:6,9).

▣ **"Tôi nói trước cho anh em, như tôi đã nói rồi: hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời"** "Vương quốc của Đức Chúa Trời" là đề tài của bài giảng đầu tiên cho đến bài giảng cuối cùng của Đức Chúa Giê-xu, cũng như trong nhiều ẩn dụ mà Ngài đã kể. Hiện nay Đức Chúa Trời cai trị trong tấm lòng của con người và một ngày nào đó sẽ thực hiện trọn vẹn trên khắp cả trái đất (xem Ma-thi-ơ 6:10; I Cô-rinh-tô 6:9-10; Ê-phê-sô 5:5).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mết-si-a là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giáng sinh của Chúa Jêsus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giăng Báp-tít công bố nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ. 3:2; Mác 1:15). Chúa Jêsus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ. 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ. 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ "nước Đức Chúa Trời." Chủ đề thường xuyên này có trong các lời dạy của Chúa Jêsus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong lòng người nghe mà một ngày nào đó sẽ hoàn thành trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jêsus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là 'Nước Trời,' trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jêsus, cùng với hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tấm lòng con người ngay bây giờ. Điều ngạc nhiên là Giăng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jêsus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giăng "sự sống đời đời" là từ chìa khóa và là ẩn dụ.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Christ. Cựu ước chỉ chú trọng một lần đến của Đấng Mết-si-a của Đức Chúa Trời, Ngài đến trong vinh hiển, chỉ huy quân đội và phán xét. Tân ước cho biết Chúa Jêsus đến lần đầu làm một Đầy tớ Chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình trùng lắp nhau. Chúa Jêsus đang trị vì trong tấm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán. Những người tin Chúa sống trong tình trạng "đã rồi" nhưng "chưa" của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

5:22 "Nhưng trái của Thánh Linh ấy là" Phao-lô mô tả những cố gắng của con người như những việc làm của xác thịt, nhưng ông cũng mô tả đời sống của Cơ-Đốc Nhân như là những trái hay là sản phẩm của Đức Thánh Linh. Do đó, ông phân biệt tôn giáo có tâm điểm xuất phát từ con người với tôn giáo có tâm điểm siêu nhiên. Hiển nhiên, bông trái của Đức Thánh Linh và những ân tứ của Đức Thánh Linh khác nhau. Trong khi những ân tứ thiêng liêng được ban cho mọi tín hữu khi họ nhận sự cứu rỗi (xem I Cô-rinh-tô 12:7,11), thì bông trái là một hình ảnh ẩn dụ khác dùng để mô tả những động cơ, thái độ và cách sống giống như Đức Chúa Giê-xu Christ. Trong khi các ân tứ thiêng liêng được phân phối cho nhiều chức vụ khác nhau trong Hội thánh là thân thể của Đấng Christ, thì bông trái Thánh Linh là những lối sống giống như Đấng Christ khi thực hiện những ân tứ đó. Có thể có trường hợp người được nhận ân tứ hữu dụng nhưng cách sử dụng không bày tỏ Đấng Christ. Do đó, sự tăng trưởng trở nên giống như Đấng Christ sẽ sinh ra những bông trái Đức Thánh Linh rồi bởi những ân tứ Đức Thánh Linh mà dâng sự vinh hiển lên cho Đức Chúa Trời. Cả hai điều này xảy ra bởi được đầy dẫy Đức Thánh Linh (xem Ê-phê-sô 5:18). Trong câu này, thật thú vị khi chữ bông trái ở dạng SỐ ÍT (SINGULAR). Cách sử dụng SỐ ÍT

(SINGULAR) có thể được hiểu theo hai cách: (1) tình yêu là bông trái của Đức Thánh Linh được mô tả bằng nhiều từ khác nhau theo sau; hay là (2) nó là chữ số ít theo nghĩa tập hợp giống như chữ "dòng dõi".

▣ **"lòng yêu thương"** Đây là chữ *agapē*, một dạng trong tiếng Hy lạp chỉ tình yêu được Hội thánh đầu tiên dùng theo một cách đặc biệt để chỉ tình thương ban cho của Đức Chúa Trời. Danh từ này không được thông dụng trong văn hoá Hy lạp. Hội thánh truyền vào chữ này ý nghĩa mới để mô tả tình thương đặc biệt của Đức Chúa Trời. Về phương diện thần học lòng yêu thương tương tự với chữ *hesed* trong Cựu Ước để chỉ tình thương và giao ước thành tín của Đức Chúa Trời.

▣ **"sự vui mừng"** Vui mừng là thái độ sống hân hoan của những người ở trong Đấng Christ bất chấp tình thế, hoàn cảnh (xem Rô-ma 14:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 1:6; 5:16; Giu-đe 24).

▣ **"bình an"** Bình an có thể có nghĩa: (1) cảm nhận an ổn của chúng ta do có mối liên hệ với Đấng Christ; (2) thế giới quan của chúng ta dựa trên sự bày tỏ của Đức Chúa Trời chứ không dựa vào hoàn cảnh; hay là (3) sự yên bình trong mối liên hệ của chúng ta với những người khác và đặc biệt là với các tín hữu (xem Giăng 14:27; Rô-ma 5:1; Phi-líp 4:7). Sự bình an với Đức Chúa Trời đem đến sự bình an toàn vẹn cả bên trong lẫn bên ngoài (với các anh chị em bởi giao ước).

▣ **"nhịn nhục"** Kiên trì chịu đựng hết sức ngay cả khi bị khiêu khích, châm chọc. Đây chính là một đức tính của Đức Chúa Cha (xem Rô-ma 2:4; 9:22; I Ti-mô-thê 1:18; I Phi-e-rơ 3:20). Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn đối với chúng ta, chúng ta phải kiên nhẫn với những người khác (xem Ê-phê-sô 4:2-3), đặc biệt là các tín hữu (xem 6:10).

▣ **"nhơn từ, hiền lành"** "Nhân từ" mô tả không chỉ cuộc đời của Đức Chúa Giê-su, nhưng cả ách của Ngài (xem Ma-thi-ơ 11:30). Hai chữ này đi chung với nhau mô tả thái độ tích cực, cởi mở, tiếp nhận những người khác, đặc biệt là các tín hữu (xem 6:10).

▣ **"trung tín"** *Pistis* được dùng theo ý nghĩa của Cựu Ước là trung thành và đáng tin cậy. Chữ này thường được dùng để nói về Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 3:3). Tại đây nó mô tả mối liên hệ mới của một tín hữu với con người và đặc biệt là với các tín hữu khác.

5:23 "mềm mại" Đôi khi còn được dịch là "nhu mì", *praotes* được biểu lộ đặc tính bằng tinh thần vâng phục. Chữ này là từ ẩn dụ từ các thú vật đã thuần dưỡng. Hiền lành không được kể vào trong danh sách những đức hạnh của Stoic hay của người Hy lạp, bởi vì người Hy lạp xem nó là sự nhu nhược. Đức tính này chỉ có duy nhất trong Cơ-Đốc-Giáo (xem I Cô-rinh-tô 4:21; II Cô-rinh-tô 10:1; Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-se 3:12; I Ti-mô-thê 6:11; II Ti-mô-thê 2:25; Tít 3:2). Nó được dùng cho cả Môi-se (xem Dân-số Ký 12:3) và Đức Chúa Giê-su (xem Ma-thi-ơ 11:29; 21:5).

▣ **"tiết độ"** Đỉnh điểm của danh sách này, tiết độ tiêu biểu cho sự trưởng thành giống như Đấng Christ (xem Công-vụ 24:25; Tít 1:8; II Phi-e-rơ 1:6). Chữ này được sử dụng trong I Cô-rinh-tô 7:9 để chỉ sự kiểm soát ham muốn tình dục và có thể được đề cập tại đây bởi vì danh sách các sự lạm dụng tính dục trong sự thờ phượng của ngoại giáo.

▣ **"không có luật pháp nào cấm các sự đó"** Có một luật mới ở bên trong cuộc đời của tín hữu bày tỏ ra qua đời sống thánh khiết (xem Rô-ma 6:19; Gia-cơ 1:25; 2:8,12). Đây chính là mục đích của giao ước mới (xem Giê-rê-mi 31:31-34 và Ê-xê-chi-ên 36:22-32). Trở nên giống như đấng Christ là mục đích của Đức Chúa Trời cho mọi Cơ-Đốc Nhân (xem Rô-ma 8:28-29; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4).

5:24 "Vả, những kẻ thuộc về Đức Chúa Jêsus Christ đã đóng đinh xác thịt" Đây là dạng CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE INDICATIVE) trình bày một hành động đã hoàn tất trong quá khứ. Khúc Kinh thánh này cùng với những khúc Kinh thánh khác ám chỉ đến sự hiệp một

huyền nhiệm, có thể được giải nghĩa theo khuôn khổ thần học (xem Rô-ma 6:6). Xuyên suốt sách Ga-la-ti và đặc biệt là trong 2:20, "đóng đinh" được dùng diễn tả tính chất đặc biệt sự liên hệ của chúng ta với Luật Pháp. Một khi chúng ta đã tiếp nhận ân điển ban cho không của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ như là phương cách cứu rỗi duy nhất của chúng ta tất nhiên chúng ta dứt khoát tự mình tách ra khỏi điều ác trong bản chất sa ngã của chúng ta cũng như thế giới sa ngã. Sự đóng đinh trong Ga-la-ti 2:20; 5:24 và 6:14 là hình ảnh ẩn dụ của Kinh thánh để chỉ quyết định cá nhân tự mình tách ra khỏi điều ác. Điều này thường được diễn tả rất đặc biệt là "chết về chính mình". Đức Chúa Trời đã tạo dựng chúng ta từng cá nhân (xem Thi-thiên 139) để phục vụ Ngài chứ không phải cho chính chúng ta (xem Rô-ma 6). Đời sống mới trong Đấng Christ này có nghĩa là chết đối với đời sống sa ngã, tự kỷ trung tâm của nhân loại sa ngã (xem Rô-ma 6:11; II Cô-rinh-tô 5:14-15; I Giăng 3:16).

▣ **"với tình dục và dâm dục"** Người Hy lạp đồng nhất thân thể với nguồn gốc của tội lỗi bởi vì họ không được nhận sự khải thị siêu nhiên về sự sáng tạo vũ trụ và con người (xem Sáng-thế Ký 1-3). Bởi đó dù thân xác có trung tính về mặt đạo đức nhưng bị họ đổ lỗi là nguồn gốc của tội lỗi. Nhờ Phao-lô mà các tín hữu hiểu rằng thân xác trung tính về mặt đạo đức (xem Rô-ma 4:1; 9:3; I Cô-rinh-tô 10:18). Đức Chúa Giê-xu đã có một thân xác con người thật sự (xem Giăng 1:14; Rô-ma 1:3; 9:5). Sự tốt lành hay tội ác phụ thuộc vào việc chúng ta sử dụng thân thể chúng ta như thế nào: phục vụ Đức Chúa Trời hay là phạm tội. Một khi chúng ta đã trở thành các tín hữu, chúng ta phải vứt bỏ khuynh hướng sa ngã, tự kỷ trung tâm mà đầu phục quyền năng của Đức Thánh Linh (xem Rô-ma 7 và I Giăng 2:1).

BẢN NASB 5:25-26
[25] Nếu chúng ta nhờ Thánh Linh mà sống, thì cũng hãy bước theo Thánh Linh vậy. [26] Chớ tìm kiếm danh vọng giả dối mà trêu chọc nhau và ghen ghét nhau.

5:25 "Nếu chúng ta nhờ Thánh Linh mà sống, thì cũng hãy bước theo Thánh Linh vậy." Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE), được công nhận là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Câu điều kiện này tóm lược toàn bộ phân đoạn Kinh thánh này (xem câu 16; Rô-ma 8:1-11). Bởi vì các tín hữu đã được ban cho ân điển cách nhưng không nên họ phải sống cách xứng hợp (xem Ê-phê-sô 4:1).

5:26 Câu này tương tự như câu 15 cho thấy những hậu quả tệ hại do sự giảng dạy sai lạc của những người chủ trương Do Thái hoá giữa vòng các Hội thánh người Ga-la-ti; nhiều thái độ phá rối xảy ra trong các hội thánh do thiếu vắng sự kiểm soát của Đức Thánh Linh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Lập dàn ý chương 5 trong mối liên hệ với phần còn lại của sách Ga-la-ti.
2. Giải thích sự tự do và nó có ý nghĩa gì với đời sống Cơ-Đốc Nhân.
3. Giải thích ý nghĩa theo văn mạch của cụm từ kết thúc câu 4.
4. Làm thế nào Phúc âm đã ban cho chúng ta cách nhưng không lại kiểm soát cách sống của chúng ta?
5. Câu 15 và 26 hàm chứa ý nghĩa nào cho Hội thánh ngày nay?
6. Các câu 19-21 mô tả các Hội thánh tại Ga-la-ti hay là xu hướng thờ lạy ngoại giáo?

7. Các ân tứ Đức Thánh Linh liên hệ như thế nào với bông trái của Đức Thánh Linh?

GA-LA-TI 6

CÁC CÁCH CHIA ĐOẠN THEO CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS[4]	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Mang lấy gánh nặng cho nhau	Chịu đựng và chia sẻ gánh nặng	Những chi tiết trong việc sử dụng quyền tự do của Cơ-Đốc Nhân	Mang lấy gánh nặng cho nhau	Về sự nhân từ và bền đỗ
6:1-10	6:1-5	6:1-5	6:1-5	6:1-5
	Rộng rãi và làm việc lành			
	6:6-10	6:6	6:6	6:6
		6:7-10	6:7-10	6:7-10
Những lời nhắc nhở cuối và chúc phước	Chỉ có vinh hiển nơi Thập tự giá	Tái bút của Phao-lô	Lời nhắc nhở cuối và chào thăm	Lời kết
6:11-16	6:11-15	6:11-16	6:11-16	6:11-16
	Chúc phước và lời khuyên			
	6:16-18			
6:17		6:17	6:17	6:17-18
6:18		6:18	6:18	

CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ BA (xem trang vii)
THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY THEO TỪNG PHÂN ĐOẠN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh, và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Đọc hết đoạn này trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Đối chiếu cách chia đoạn theo chủ đề của bạn với các bản dịch hiện đại. Cách chia đoạn không được linh cảm nhưng nó là chìa khóa để theo dõi ý tưởng của tác giả nguyên thủy, vốn là trọng tâm của việc giải nghĩa. Mỗi phân đoạn đều có một và chỉ một chủ đề.

5. Phân đoạn 1

6. Phân đoạn 2

7. Phân đoạn 3

8. Vân vân…

CÁC KIẾN GIẢI SÂU SẮC LIÊN QUAN ĐẾN BỐI CẢNH

A. Ga-la-ti 5:1-6:10 trình bày khía cạnh thực tiễn của sự tự do hoàn toàn trong Phúc âm của Đấng Christ mà Phao-lô rao giảng dành cho những tín hữu chỉ nhờ tình yêu và ân điển của Đức Chúa Trời cùng với sự ăn năn và đáp ứng bằng đức tin.

1. Chương 6:1-5 cung cấp cho chúng ta những chỉ dẫn cụ thể phải ứng xử như thế nào với người anh em Cơ-Đốc Nhân phạm tội.
2. Chương 6:6-10 có hai câu Kinh Thánh được ghi nhớ nhiều nhất trong Tân Ước. Một số người thì cho rằng đây là một loạt những chân lý không liên hệ với nhau. Số khác thì lại xem đây như là một đơn vị ngữ văn liên hệ đến việc sử dụng tiền bạc của những tín hữu.

B. Ga-la-ti 6:12-16 là tóm tắt ngắn gọn của cả bức thư.

C. Lời kết vắn tắt của Phao-lô trong 6:17-18 làm gợi nhớ lại thư Ê-phê-sô cũng thiếu phần chào thăm cuối thư. Cần nhớ rằng thư Ga-la-ti được viết gởi cho nhiều Hội Thánh trong cùng một khu vực.

NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CÁC CỤM TỪ

BẢN NASB 6:1-5

**[1] Hỡi anh em, ví bằng có người nào tình cờ phạm lỗi gì, anh em là kẻ có Đức Chúa Trời, hãy
lấy lòng mềm mại mà sửa họ lại; chính mình anh em lại phải giữ, e cũng bị dỗ dành chẳng. [2] Hãy
mang lấy gánh nặng cho nhau, như vậy anh em sẽ làm trọn luật pháp của Đấng Christ. [3] Vì, nếu
có ai, dầu mình không ra chi hết, mà cũng tưởng mình ra chi ấy là mình dối lấy mình. [4] Mỗi
người phải thử xét việc làm của mình, thì sự khoe mình chỉ tại mình thôi, chớ chẳng phải tại kẻ
khác. [5] Vì ai sẽ gánh lấy riêng phần nấy.**

6:1 "ví bằng" mở đầu cho CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA (THIRD CLASS CONDITIONAL SENTENCE) trình bày một hành động tiềm ẩn, có thể xảy ra.

▣ **"có người nào tình cờ phạm lỗi"** Đây là dạng CẦU KHẨN THỤ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST PASSIVE SUBJUNCTIVE) có nghĩa đen là "ngạc nhiên" (xem William D. Mounce's *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament*, trang 393). Cụm từ này ám chỉ đến trách nhiệm cá nhân của chúng ta đối với tội lỗi của mình cũng như những cám dỗ và cạm bẫy tinh vi của tội lỗi (xem Ê-phê-sô 4:14; 6:10-18). Những người này không có ý định xúc phạm đến ân điển của Đức Chúa Trời nhưng họ đã bị lừa dối.



NASB, NKJV **"phạm tội"**
NRSV **"phạm phép"**
TEV **"sai phạm"**
JB **"cư xử không đứng đắn"**

Có ít nhất ba thứ tội được đề cập tại đây: (1) Đi theo sự dẫn dụ của các giáo sư giả, điều này có thể ám chỉ đến những người không chống cự nổi trước sự cám dỗ làm phép cắt bì để mong nhờ đó đạt được sự công bình qua Luật Pháp Môi-se. (2) Do có những lời khiển trách mạnh mẽ trong 5:15,26 nên điều này có thể ám chỉ đến những xu hướng phá hoại hiện diện trong các Hội Thánh người Ga-la-ti; hoặc là (3) điều này có thể liên hệ đến sự thờ phượng ngoại giáo quá độ như được miêu tả trong 5:19-21. Những hướng dẫn tiếp theo rất hữu ích để trình bày cho Hội Thánh cách thức phục hồi sự thông công với anh em sa ngã.



NASB, TEV **"anh em là kẻ có Đức Chúa Trời"**
NKJV **"anh em là người thiêng liêng"**
NRSV **"anh em là người nhận lãnh Đức Thánh Linh"**
JB **"anh em là người thiêng liêng hơn"**

Không nên hiểu sai cụm từ này theo nghĩa “anh em là người vô tội”. Sự trưởng thành tâm linh đã được đề cập trong 5:16-18 & 22-25 có nghĩa là: (1) có tâm trí giống Đấng Christ ; (2) sống bày tỏ bông trái của Đức Thánh Linh; (3) có tấm lòng của người phục vụ; và (4) hầu việc các Cơ-Đốc Nhân khác.

▣ **“mà sửa họ lại”** “Sửa lại” ở dạng MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) thường được dùng để xếp lại chỗ gãy xương hay là vá lưới đánh cá (xem Ma-thi-ơ 4:21; Mác 1:19). Điều chính yếu là những người trưởng thành trong Đấng Christ giúp đỡ mọi người khác trong Hội Thánh đạt đến mức độ giống như họ (xem Ê-phê-sô 4:13) và phục hồi những người đã sa ngã (xem II Cô-rinh-tô 13:11). Đây là một mạng lệnh được Phao-lô lập lại. Sự tha thứ và tinh thần không đoán xét là những dấu hiệu đúng theo Kinh Thánh về Cơ-Đốc Nhân trưởng thành (xem Ma-thi-ơ 5:7; 6:14-15; 18:35; Lu-ca 6:36-37; Gia-cơ 2:13; 5:9). Thi hành kỷ luật trong Hội thánh cần phải luôn luôn hướng đến sự cứu giúp chứ không phải là sự kết án hận thù (xem II Cô-rinh-tô 2:7; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:15; Gia-cơ 5:19-20). Chúng ta không nên đánh kẻ đã ngã ngựa.

▣ **“chính mình anh em lại phải giữ, e cũng bị dỗ dành chẳng”** “Bị dỗ dành” [*peirazō*] theo văn mạch tại đây thì có hàm ý là “cám dỗ hướng về sự huỷ diệt”. Đây cũng là chữ dung để chỉ ma quỷ cám dỗ Đức Chúa Giê-su trong Ma-thi-ơ 4. Một chữ khác cũng dùng cho nghĩa “cám dỗ” là [*dokimazō*] được sử dụng hai lần trong câu 4, nhưng chữ này lại có hàm ý là “thử thách hướng đến sự chấp nhận”. Sa-tan sẽ thử thách và cám dỗ những tín hữu để hủy diệt họ. Các tín hữu cần phải canh chừng bảo vệ cả bên trong lẫn bên ngoài (xem I Cô-rinh-tô 10:12; II Cô-rinh-tô 13:5). Xem chủ đề đặc biệt tại I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5.

6:2 “Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau” Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE). Chữ “cho nhau” được đặt tại vị trí nhấn mạnh trong câu văn Hy lạp. Cách sống của các Cơ-Đốc Nhân trưởng thành là nâng đỡ các anh em khác yếu đuối, chưa trưởng thành (xem Rô-ma 14:1; 15:1). Chữ “gánh nặng” được dùng để chỉ khối nặng đặt trên gia súc (xem Ma-thi-ơ 23:4). Trong văn mạch nầy, nó được sử dụng cách ẩn dụ theo truyền thống truyền khẩu của những người chủ trương Do Thái hoá. Chữ này khác với chữ “gánh nặng” trong câu 5, chỉ ba-lô của người lính.

▣ **“như vậy anh em sẽ làm trọn luật pháp của Đấng Christ”** Luật pháp của Đấng Christ cũng được nhắc đến trong I Cô-rinh-tô 9:21 còn trong Rô-ma 8:2 là “luật pháp của Thánh Linh sự sống đã nhờ Đức Chúa Jêsus Christ”. Luật Pháp của Đấng Christ còn được mô tả theo nhiều cách khác nhau trong Gia-cơ: (1) 1:25, “luật pháp trọn vẹn, là luật pháp đem lại sự tự do”; (2) 2:8, “luật pháp tôn trọng (hoàng gia)” và (3) 2:12, “luật pháp của sự tự do.” Trong khi cái ách của truyền thống truyền khẩu giải nghĩa Luật Pháp Môi-se trở thành gánh nặng cho người Do thái, thì ách của Đấng Christ dễ chịu và nhẹ nhàng (xem Ma-thi-ơ 11:29-30). Cho dù là một cái ách nhưng thật sự nó là trách nhiệm chúng ta phải yêu thương và phục vụ lẫn nhau như những anh chị em trong Đấng Christ .

6:3 “nếu có ai, dầu mình không ra chi hết, mà cũng tưởng mình ra chi” Đây là CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT (FIRST CLASS CONDITIONAL SENTENCE) giả định là đúng theo quan điểm hay là chủ đích văn chương của tác giả. Các Cơ-Đốc Nhân cần xem xét chính mình để họ có thể liên hệ với những người khác một cách phải lẽ và tránh tự cao. Điều này không có nghĩa là các Cơ-Đốc Nhân không phạm tội, nhưng có nghĩa là tội lỗi không cai trị trên đời sống họ (xem I Giăng 3:6, 9). Do đó mà họ có thể giúp đỡ và cầu thay cho những người có đời sống bị cai trị dưới tội lỗi (xem I Cô-rinh-tô 3:18).

▣ **“ấy là mình dối lấy mình”** Động từ này có nghĩa là tự dẫn dụ mình vào sai phạm, chỉ xuất hiện một lần duy nhất trong cả Tân Ước. Hình thức danh từ của nó có xuất hiện trong Tít 1:10. Tự lừa dối mình là tình trạng tệ hại nhất của sự mù lòa tâm linh.

6:4 “Mỗi người phải thử xét việc làm của mình” Đây là MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) của chữ “thử nghiệm” hoặc là “cám dỗ” (*dokimazō*) với ẩn ý “thử thách để được chấp thuận”. Xem chủ đề đặc biệt trong I Tê-sa-lô-ni-ca 3:5.

▣ **"thì sự khoe mình chỉ tại mình thôi, chớ chẳng phải tại kẻ khác"** Các tín hữu cần phải thận trọng để không so sánh chính mình với những người khác (xem II Cô-rinh-tô 10:12), đặc biệt là với những người đã không đương đầu nổi với tội lỗi (xem câu 1).

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ KHOE MÌNH

Những từ ngữ này *kauchaomai*, *kauchema*,và *kauchesis* trong Tân Ước được Phao lô dùng khoảng 35 lần và chỉ có 2 lần nữa được dùng trong sách Gia-cơ. Nó được sử dụng chủ yếu trong I và II Cô-rinh-tô.

Có hai lẽ thật chính liên quan đến sự khoe mình.

★ Xác thịt thì không được phép khoe mình trước mặt Đức Chúa Trời (I Cô-rinh-tô 1:29; Ê-phê-sô 2:9)

★ Người tin Chúa nên khoe mình trong Chúa (I Cô-rinh-tô 1:31; II Cô-rinh-tô 10:17, ám chỉ đến Giê-rê-mi 9:23-24)

Vì vậy, có những sự khoe mình chính đáng và không chính đáng (ví dụ như kiêu căng)

1. Chính đáng:
   a. Về sự hy vọng vinh quang (Rô-ma 4:2)
   b. Trong Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus (Rô-ma 5:11)
   c. Về thập tự của Đấng Christ (chủ đề chính của Phao lô, I Cô-rinh-tô 1:17-18; Ga-la-ti 6:14)
   d. Phao lô khoe mình về:
      (1) Công tác mục vụ mà không có lương dành cho ông (I Cô-rinh-tô 9:15,16; II Cô-rinh-tô 10:12)
      (2) Thẩm quyền của ông từ Đấng Christ (II Cô-rinh-tô 10:8:12)
      (3) Ông không khoe khoang trên công lao của những người khác (như một số người ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 10:15)
      (4) Di sản về chủng tộc (như một số ở Cô-rinh-tô, II Cô-rinh-tô 11:17; 12:1,5,6).
      (5) Các Hội thánh của ông
         (a) Cô-rinh-tô (II Cô-rinh-tô 7:4,14:8:24; 9:2; 11:10)
         (b) Tê-sa-lô-ni-ca (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:4)
      (6) Tin cậy vào sự an ủi và giải cứu của Đức Chúa Trời (II Cô-rinh-tô 1:12)
2. Không chính đáng:
   a. Liên quan đến di sản Do thái (Rô-ma 2:17,23; 3:27; Ga-la-ti 6:13)
   b. Một số người ở Hội thánh Cô-rinh-tô khoe khoang:
      (1) Về con người (I Cô-rinh-tô 3:21)
      (2) Về sự khôn ngoan (I Cô-rinh-tô 4:7)
      (3) Về sự tự do (I Cô-rinh-tô 5:6)
   c. Các giáo sư giả tìm cách khoe khoang trong Hội thánh ở Cô-rinh-tô (II Cô-rinh-tô 11:12)

6:5 "Vì ai sẽ gánh lấy riêng phần nấy" Điều này có thể liên hệ đến việc đoán xét của Đấng Christ lúc tận thế hay là lai thế (xem II Cô-rinh-tô 5:10). Mới xem lướt qua dường như câu 2 và 5 mâu thuẫn lẫn nhau, nhưng khi nghiên cứu kỹ lưỡng về từ vựng thì cho thấy hai chữ được dịch là "gánh nặng" và "phần" có những cách sử dụng khác nhau. Chữ trước được dùng trong câu 2 (*baros*) có nghĩa là "khối nặng" trong khi chữ sau trong câu 5 (*phortion*) có nghĩa là cái "ba-lô đầy những dụng cụ cần thiết của người lính". Các Cơ-Đốc Nhân trưởng thành cần phải mang "gánh" trách nhiệm của mình và đôi khi của cả những người khác nữa. Một ví dụ cho điều này có lẽ là trong II Cô-rinh-tô 8:13-14. Cùng một chữ này được Đức Chúa Giê-su dùng trong những hướng dẫn cho các Cơ-Đốc Nhân trong Ma-thi-ơ 11:30.

BẢN NASB 6:6-10

[6] Kẻ nào mà người ta dạy đạo cho, phải lấy trong hết thảy của cải mình mà chia cho người dạy đó. [7] Chớ hề dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh dể đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy. [8] Kẻ gieo cho xác thịt, sẽ bởi xác thịt mà gặt sự hư nát; song kẻ gieo cho Thánh Linh, sẽ bởi Thánh Linh mà gặt sự sống đời đời. [9] Chớ mệt nhọc về sự làm lành, vì nếu chúng ta không trễ nải, thì đến kỳ chúng ta sẽ gặt. [10] Vậy, đương lúc có dịp tiện, hãy làm điều thiện cho mọi người, nhứt là cho anh em chúng ta trong đức tin.

6:6 Câu 6 là một MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT ACTIVE IMPERATIVE) liên hệ đến: (1) Các câu 1-5 là lời kêu gọi các Cơ Đốc Nhân trưởng thành giúp đỡ những người yếu đuối; hay là (2) các câu 7-10 là sự mô tả của luật gieo và gặt tâm linh (xem chú thích trong câu 7). Những ai đã được dạy dỗ thì phải có tinh thần trách nhiệm cùng chia sẻ với chức vụ của những người dạy dỗ họ (xem Lu-ca 10:7; Rô-ma 15:27; I Cô-rinh-tô 9:9-14). Đây là nguyên tắc tổng quát, mặc dù cá nhân Phao-lô không nhận tiền thù lao nhưng ông tán thành việc này cho những mục sư khác. Chữ "catechism" trong Anh ngữ có gốc từ chữ Hy lạp [*katecheō*] được dịch là "dạy dỗ" hay là "được dạy dỗ" trong câu này. Giáo sư ("người dạy") ám chỉ đến (1) ân tứ thiêng liêng dạy dỗ như trong Công-vụ 13:1 và I Cô-rinh-tô 12:28; hoặc là (2) giáo sư trong hội chúng địa phương là người huấn luyện những tân tín hữu và các trẻ em; hoặc là (3) người giảng dạy cho cả hội chúng những lời dạy dỗ của các Sứ-đồ mà họ đã áp dụng cho đời sống hằng ngày của mình, tương tự như mục sư, giáo sư trong Ê-phê-sô 4:11. Điều đề cập cuối cùng tương tự như trách nhiệm của các người Lê-vi trong Cựu Ước và sau đó là các thầy thông giáo. Chữ "những điều tốt" không rõ nghĩa, có thể ám chỉ đến những nhu cầu vật chất, nhu cầu tâm linh hay là cả hai. Chân lý hiển nhiên là những ai đã được dạy dỗ thì cần phải biết ơn và đáp lại ơn huệ. Câu này có liên quan như thế nào đến các giáo sư giả thì không rõ. Phao-lô có thể ám chỉ đến chính mình và số dâng hiến của những tín hữu ngoại bang gởi về Giê-ru-sa-lem.

6:7 "Chớ hề dối mình". Đây là MỆNH LỆNH THỤ ĐỘNG THÌ HIỆN TẠI (PRESENT PASSIVE IMPERATIVE) với TIỀN TỐ PHỦ ĐỊNH (NEGATIVE PARTICLE) thông thường có nghĩa là ngưng một hành động đang diễn tiến. Họ đã tiếp tục bị lừa gạt.

▣ **"Đức Chúa Trời không chịu khinh dể đâu"** Động từ này có nghĩa là khinh thường điều gì đó hoặc là người nào đó. Điều này có thể ám chỉ đến những người được kêu gọi vào chức vụ như là những người đại diện cho Đức Chúa Trời, đó là các giáo sư trong câu 6. Theo nghĩa đó thì miệt thị người phục vụ các Cơ-Đốc Nhân là khinh thường Đức Chúa Trời. Trong Ma-thi-ơ 10:42 và 25:40, Chúa Giê-Xu có đề cập đến việc chúng ta nhân danh Chúa mà giúp đỡ những người khác tức là chúng ta làm điều đó cho Ngài. Tại đây cũng là chân lý đó nhưng theo hướng ngược lại. Tuy nhiên, các câu này liên hệ với nhau như thế nào thì không rõ. Đây có thể là câu ngạn ngữ thông thường liên hệ với việc "gieo và gặt" theo nghĩa bóng. Câu này có thể liên kết với các câu 8-10 chứ không phải câu 6. Đây thuộc về lãnh vực đạo đức. Chúng ta vi phạm bổn phận đối với Đức Chúa Trời không nhiều bằng chúng ta vi phạm bổn phận đối với nhau theo luật của Ngài. Cả tín hữu lẫn người không tin cần phải biết rằng chúng ta gặt điều chúng ta gieo. Tội lỗi luôn luôn để lại hậu quả, ngay cả trên đời sống của những tín hữu. Lúa mạch hoang lẫn trong đám ruộng để lại hậu quả quá đắt, cũng vậy ích kỷ gieo ra sẽ nhận lấy hậu quả càng tồi tệ hơn

▣ **"vì ai gieo giống chi"** Đây là một nguyên tắc thuộc linh. Đức Chúa Trời có phẩm chất đạo đức và chúng ta là tạo vật của Ngài cũng có hiểu biết về đạo đức. Căn cứ vào tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời thì nhân loại vi phạm bổn phận với nhau. Chúng ta gặt những điều chúng ta gieo. Điều này đúng cho người không tin và cả những tín hữu (nhưng không ảnh hưởng đến sự cứu rỗi của họ) (xem Gióp 34:11; Thi-thiên 28:4; 62:12; Châm-ngôn 24:12; Truyền-đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-

46; Rô-ma 2:6; 14:12; I Cô-rinh-tô 3:8; II Cô-rinh-tô 5:10; Ga-la-ti 6:7-10; II Ti-mô-thê 4:14; I Phi-e-rơ 1:17; Khải-huyền 2:23; 20:12; 22:12).

6:8 "Kẻ gieo cho xác thịt, sẽ bởi xác thịt mà gặt sự hư nát" Điều này ám chỉ đến hai phương cách cơ bản để được là công bình trước Đức Chúa Trời (xem 5:13, 16-17): công đức con người và ân điển cho không.

▣ **"sự sống đời đời"** Khái niệm đời sống vĩnh cửu trong câu 8 là từ chữ Hy lạp *zoē*. Nó được dùng riêng bởi Giăng để ám chỉ đời sống phục sinh. Trong câu này nó có cùng nghĩa đó. Các câu 8-10 bày tỏ những hệ quả của việc chúng ta gieo và gặt.

6:9 "Chớ mệt nhọc về sự làm lành" Chữ "mệt nhọc" có nghĩa đen là "thất vọng" hay là "ngã lòng" (xem Lu-ca 18:1; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; II Cô-rinh-tô 4:1, 16). Các Cơ-Đốc Nhân thường mệt mỏi về những điều mà họ được kêu gọi thi hành.

▣ **"vì nếu chúng ta không trễ nải, thì đến kỳ chúng ta sẽ gặt"** Nên chú ý đến tính chất điều kiện, chứ không phải CÂU ĐIỀU KIỆN (CONDITIONAL SENTENCE). Điều kiện đề cập tại đây là sự đáp ứng liên tục bằng đức tin của chúng ta. Chúng ta cũng phải chú ý đến sự tể trị của Đức Chúa Trời trên đời sống chúng ta. Chúng ta không hiểu tại sao sự việc lại xảy ra, nhưng bởi vì chúng ta tin nơi quyền cai trị của Đức Chúa Trời và các yêu cầu riêng biệt của Phúc âm nên chúng ta định hướng đời sống mình vào con đường phục vụ và tận hiến. Xem chủ đề đặc biệt về Sự Bền Đỗ trong 3:4.

6:10 "Vậy, đương lúc có dịp tiện" Các tín hữu cần phải liên tục tận dụng những cơ hội để sống bày tỏ đức tin nơi Đấng Christ (xem Cô-lô-se 4:2-6).

▣ **"hãy làm điều thiện"** Đây là THỂ CẦU KHẨN TRUNG CẤP (biến cách) THÌ HIỆN TẠI [PRESENT MIDDLE (deponent) SUBJUNCTIVE]. Phao-lô quả quyết rằng địa vị của chúng ta trước Đức Chúa Trời không đến bởi công đức con người, nhưng đồng thời ông cũng nhấn mạnh rằng một khi chúng ta đã biết Đức Chúa Trời thì chúng ta phải sống một đời sống phục vụ tích cực. Hai chân lý này trình bày trong Ê-phê-sô 2:8-9 và sau đó trong câu 10. Chúng ta không được cứu bởi công đức, nhưng chắc chắn chúng ta được cứu để làm việc lành.

▣ **"cho mọi người, nhứt là cho anh em chúng ta trong đức tin"** Phải để ý đến tình thương chúng ta dành cho mọi người có nghĩa là luôn luôn trong mọi việc làm của chúng ta đều có hướng đến sự truyền giảng Phúc Âm (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Giăng 20:31; I Cô-rinh-tô 9:19-23; I Phi-e-rơ 3:15). Tuy nhiên, sự chú tâm chính của chúng ta là sự thông công với những thành viên trong gia đình của Đức Chúa Trời. Điều nầy không có chú trọng đến giáo phái vì chúng ta tiếp nhận một người do lời xưng nhận của họ đã tin vào Đấng Christ. Một khi họ đã tuyên xưng đức tin thì chúng ta phải phục vụ họ như Chúa đã phục vụ chúng ta.

BẢN NASB 6:11-16

11 Hãy xem chính tay tôi viết thơ nầy cho anh em, chữ lớn là dường nào. 12 Hết thảy những kẻ muốn cho mình đẹp lòng người theo phần xác, ép anh em chịu cắt bì, hầu cho họ khỏi vì thập tự giá của Đấng Christ mà bị bắt bớ đó thôi. 13 Vì chính những kẻ đó đã chịu cắt bì, không vâng giữ luật pháp đâu, nhưng họ muốn anh em chịu cắt bì, hầu để khoe mình trong phần xác của anh em. 14 Còn như tôi, tôi hẳn chẳng khoe mình, trừ ra khoe về thập tự giá của Đức Chúa Jêsus

Christ chúng ta, bởi thập tự giá ấy, thế gian đối với tôi đã bị đóng đinh, và tôi đối với thế gian cũng vậy! [15] Vì điều yếu cần, chẳng phải sự chịu cắt bì, hay là sự chẳng chịu cắt bì, bèn là trở nên người mới. [16] Nguyền xin sự bình an và sự thương xót giáng trên hết thảy những kẻ noi theo mẫu mực nầy, lại giáng trên dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời nữa!

6:11 "Hãy xem" Đây là THỂ MỆNH LỆNH CHỦ ĐỘNG THÌ BẤT ĐỊNH (AORIST ACTIVE IMPERATIVE).

▣ **"chính tay tôi viết thơ nầy cho anh em, chữ lớn là dường nào"** Phao-lô đọc những lá thư của ông cho một người khác ghi chép (xem Rô-ma 16:22). Một số người xem những lời cuối thư do chính Phao-lô viết nầy là một cách để Phao-lô xác nhận những lá thư đích thực của ông (II Tê-sa-lô-ni-ca 2:2). Nhờ một vài lá thư của Phao-lô mà chúng ta biết rằng chính tay ông viết những lời kết cuối thư (xem I Cô-rinh-tô 16:21; Cô-lô-se 4:18; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:17 & Phi-lê-môn câu 19). Bởi vậy tôi tin rằng "cái giằm xóc trong thân thể" mà Phao-lô đề cập là bệnh viêm mắt, đây là thêm một bằng chứng nữa: Phao-lô phải viết với bàn tay mò mẫn của người gần như mù, chứ không thể là chữ viết nhỏ, gọn ghẽ thông thường của người thơ ký.

6:12
NASB "những kẻ muốn cho mình đẹp lòng người theo phần xác"
NKJV "nhiều người muốn chứng tỏ theo phần xác"
NRSV "nó chính là những kẻ muốn cho mình đẹp lòng người theo phần xác"
TEV "những kẻ đó muốn phô trương và khoe khoang về những việc bề ngoài"
JB "Nó chỉ là tư lợi"

Những người chủ trương Do Thái hoá thì quan tâm nhiều đến sự phô trương tôn giáo ở bề ngoài (xem Cô-lô-se 2:16-23). Họ muốn có màn trình diễn tôn giáo! Thuyết phục người Ga-la-ti chịu cắt bì sẽ là niềm tự hào vinh dự cho họ (xem câu 13c). Các giáo sư giả muốn được sự chứng nhận từ các tín hữu người Ga-la-ti.

▣ **"ép anh em chịu cắt bì"** Các câu 12-16 là tóm tắt của cả bức thư tập trung vào sự nhấn mạnh sai lạc của các giáo sư giả dựa vào cố gắng của con người như là phương cách để được cứu rỗi hay là để được trưởng thành đầy đủ. Đây là hiểm họa tái diễn trong Hội thánh ngày nay khi các tín hữu đặt để công tác phục vụ, sự năng nổ, lễ nghi, sự tham dự, kiến thức Kinh thánh, sự cầu nguyện hay là bất cứ một luyện tập kỹ luật nào khác làm phương cách để được trọn vẹn trong Đấng Christ. Chân lý quan trọng mà Phao-lô trình bày đó là các tín hữu đã được trọn vẹn trong địa vị trước Đức Chúa Trời là khi họ tin cậy Đức Chúa Giê-su Christ bằng đức tin. Do sự được chấp nhận trọn vẹn này mà các tín hữu từ trong lòng biết ơn Đức Chúa Trời và phục vụ người khác.

▣ **"hầu cho họ khỏi vì thập tự giá của Đấng Christ mà bị bắt bớ đó thôi"** Câu này có thể đề cập đến (1) Sự bắt bớ của người Do thái (xem Công-vụ 13:45,50; 14:2,5,19). Do còn gìn giữ Luật pháp Môi-se nên những người chủ trương Do Thái hoá sẽ không bị xô đuổi dữ dội như khi Phao-lô rao giảng chỉ có ân điển cho không trong Đấng Christ mà thôi. Hoặc là (2) người La mã bắt bớ bởi vì Cơ Đốc Giáo không được công nhận hợp pháp như là Do Thái Giáo. Chúng ta không rõ nhà hội thiết lập nghi thức rủa sả khi nào, nhưng nó là cách thức mà các học giả Do Thái Giáo dùng để đuổi các Cơ-Đốc Nhân ra khỏi nhà hội bởi vì các Cơ Đốc Nhân sẽ không và không thể nói "Đức Chúa Giê-xu bị rủa sả" (xem Giăng 9:22,35; 12:42 & 16:2).

6:13 "Vì chính những kẻ đó đã chịu cắt bì, không vâng giữ luật pháp đâu" Chủ từ của câu này là người nào thì không rõ, có thể là: (1) các giáo sư giả; hay là (2) những người cải đạo "xông xáo" trong các Hội thánh người Ga-la-ti. Ngay cả chính những người lập luận rằng cắt bì là phương cách để được

công bình trước Đức Chúa Trời cũng không thể giữ trọn cả Luật Pháp (xem Rô-ma 2:17-29). Nếu đã vi phạm Luật Pháp (sau tuổi phải chịu trách nhiệm đạo đức) dù chỉ một lần, thì sẽ phải đối diện với lẽ thật trong Gia-cơ 2:10 (và Ga-la-ti 5:3)!

6:14 "Còn như tôi, tôi hẳn chẳng khoe mình, trừ ra khoe về thập tự giá của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta" Phao-lô cùng nhiều người khác dù đầy nhiệt huyết vẫn cảm biết họ được cứu chuộc khỏi đời sống không ra chi (xem Phi-líp 3:2-16). Khi công đức của con người bị loại bỏ thì sự khoe khoang của con người phải bị loại trừ (xem Giê-rê-mi 9:23-26; Rô-ma 3:27-28; I Cô-rinh-tô 1:26-31). Xem chủ đề đặc biệt: Sự khoe mình trong 6:4.

▣ **"bởi thập tự giá ấy, thế gian đối với tôi đã bị đóng đinh, và tôi đối với thế gian cũng vậy"** Hình bóng nầy tiếp tuc xuyên suốt qua sách Ga-la-ti nhằm nói về cái chết của tín hữu đối với Luật Pháp và trong Đấng Christ họ sống lại với Đức Chúa Trời. Câu này ở dạng CHỈ ĐỊNH THỤ ĐỘNG THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT PASSIVE INDICATIVE) nhấn mạnh đến tình trạng tiếp diễn được hoàn thành bởi tác nhân bên ngoài là Đức Thánh Linh. Hình bóng này cũng được sử dụng trong 2:19, 5:24, và bày tỏ thế nào mà mọi sự trở nên mới khi các tín hữu đồng hóa chính mình với cái chết của Đấng Christ trên thập tự giá. Giờ đây họ được giải phóng khỏi Luật Pháp để sống cho Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 6:10-11, 12-23). Xem chủ đề đặc biệt: "*Kosmos*" trong 4:3.

6:15 "Vì điều yếu cần, chẳng phải sự chịu cắt bì, hay là sự chẳng chịu cắt bì, bèn là trở nên người mới" Phao-lô đã đề cập trước đó rằng cắt bì không phải là điều hệ trọng (xem Ga-la-ti 5:6; Rô-ma 2:28-29; I Cô-rinh-tô 7:18-19). Điều hệ trọng đó là sự cứu rỗi, bởi vì các tín hữu cho dù là người Do thái hay là người ngoại bang nếu họ dùng cố gắng con người để mong được Đức Chúa Trời chấp nhận thì họ đã tự mình tách xa khỏi tặng phẩm hoàn toàn cho không của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Có hai phương cách để được xứng đáng với Đức Chúa Trời và chúng loại trừ lẫn nhau: (1) Phúc âm của Đấng Christ bởi sự ăn năn và đức tin hoặc là (2) cố gắng con người. Phao-lô lập lại rằng cắt bì hay luật lệ về thực phẩm không phải là điều hệ trọng (xem I Cô-rinh-tô 8; 10:23-26). Nhưng vấn đề ở chỗ làm thế nào để một người có thể đạt đến địa vị công bình xứng đáng với Đức Chúa Trời bằng cách vâng giữ luật pháp cách hoàn toàn trọn vẹn (điều không thể đạt được).

▣ **"bèn là trở nên người mới"** Kết quả là các tín hữu trở thành những người mới trong Đức Chúa Giê-xu Christ. Tất cả mọi sự cũ đã qua đi và mọi sự đều trở nên mới (xem Rô-ma 6:4; II Cô-rinh-tô 5:17; Ê-phê-sô 2:15; 4:24; Cô-lô-se 3:10).

6:16 "Nguyền xin sự bình an và sự thương xót giáng trên hết thảy những kẻ noi theo mẫu mực nầy" Đây có thể là một trích dẫn phỏng chừng từ Thi-thiên 124:5 và 127:6. Chữ "canon" trong Anh ngữ xuất phát từ chữ "luật" trong tiếng Hy lạp (*kanoni*). Chữ này là một thuật ngữ ngành xây dựng để chỉ thước đo bằng cây sậy. Tại đây nó được dùng để ám chỉ Phúc âm (ách hay gánh của Đức Chúa Giê-su, xem 6:2). Cần để ý là các tín hữu không chỉ khẳng định Phúc âm, nhưng họ còn tiếp tục bước đi trong Phúc âm.

▣ **"dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời"** Phao-lô gọi Hội thánh theo ý nghĩa đặc biệt là "dân Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa Trời." Trong các thư tín của mình, ông nhấn mạnh rằng dòng dõi thật của Áp-ra-ham không phải là dòng dõi theo chủng tộc, nhưng là theo đức tin (xem Ga-la-ti 3:7,9,29; Rô-ma 9:6; Phi-líp 3:3). Trong Giăng 8:31-59, Đức Chúa Giê-xu phản bác mạnh mẽ với những người Do thái khi họ nương cậy vào địa vị của họ là dòng dõi Áp-ra-ham.

BẢN NASB 6:17

17 Ước gì từ nay về sau, chẳng ai làm khó cho tôi, vì trong mình tôi có đốt dấu vết của Đức Chúa Jêsus vậy.

6:17 "Ước gì từ nay về sau, chẳng ai làm khó cho tôi" Những lời thư này dành cho ai thì không rõ. Phao-lô nhắc đến sự phục vụ Đấng Christ của ông như là một lý do để *"những điều"* đã xảy ra không lập lại nữa. Nó có thể ám chỉ đến những sự tấn công cá nhân mà các giáo sư giả thực hiện để khiến những tín hữu người Ga-la-ti tách xa khỏi Phúc âm. Nhưng chính những tín hữu người Ga-la-ti này đã cho phép điều này xảy ra!

▣ **"vì trong mình tôi có đốt dấu vết của Đức Chúa Jêsus"** Khi các giáo sư giả nhấn mạnh phép cắt bì là dấu hiệu của giao ước với Đức Chúa Trời thì Phao-lô xác nhận rằng ông cũng có những dấu tích bề ngoài. Chúng là những dấu tích của những ngược đãi, bắt bớ vì ông rao giảng tin mừng của Đấng Christ (xem II Cô-rinh-tô 4:7-12; 6:4-6; 11:23-28).

BẢN NASB 6:18

[18] **Hỡi anh em, nguyền xin ân điển của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta ở với tâm thần anh em! A-men.**

6:18 Đây là một ví dụ về một lời chúc phước ngắn gọn trong thư tín được lưu truyền trong các Hội Thánh (không có những lời chào thăm cá nhân giống như Ê-phê-sô). Chú ý cụm từ "ở với tâm thần anh em" được chuyển dịch từ chữ "linh" viết thường chỉ tâm linh con người, chứ không phải Đức Thánh Linh. Tuy nhiên, trong Tân Ước có nhiều trường hợp chữ này được dùng để ám chỉ đến tâm linh con người được Đức Thánh Linh làm mạnh mẽ. Có thể ở đây có nghĩa nầy.

CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

SỰ NGỢI KHEN, CẦU NGUYỆN VÀ CẢM TẠ ĐỨC CHÚA TRỜI CỦA PHAO-LÔ

Phao-lô là người hay ngợi khen. Ông biết rõ Cựu ước. Mỗi phần trong bốn phần đầu của sách Thi-thiên đều kết thúc với bài chúc tụng Chúa (Thi-thiên 41:13; 72:19; 89:52; 106:48). Ông ngợi khen và chúc tụng Đức Chúa Trời qua nhiều cách khác nhau.

1. Những đoạn mở đầu của các lá thư
   a. Lời chúc phước và chào thăm ban đầu (Rô-ma 1:7; I Cô-rinh-tô 1:3; II Cô-rinh-tô 1:2)
   b. Những lời chúc phước mở đầu (*eulogetos*, II Cô-rinh-tô 1:3-4; Ê-phê-sô 1:3-4)
2. Thốt ra lời ngợi khen
   a. Rô-ma 1:25; 9:5
   b. II Cô-rinh-tô 11:31
3. Những lời chúc tán Chúa (thể hiện qua cách dùng chữ (1) *doxa* (vinh hiển) và (2) "đời đời"
   a. Rô-ma 11:36; 16:25
   b. Ê-phê-sô 3:20-21
   c. Phi-líp 4:20
   d. I Ti-mô-thê 1:17
   e. II Ti-mô-thê 4:18
4. Cảm tạ (*eucharisteo*)
   a. Mở đầu các lá thư (Rô-ma 1:8;I Cô-rinh-tô 1:4;II Cô-rinh-tô 1:11;Ê-phê-sô 1:16;Phi-líp 1:3;Cô-lô-se 1:3,12;I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2;ll Tê-sa-lô-ni-ca 1:3; Phi-lê-môn 4; I Ti-mô-thê 1:12; II Ti-mô-thê 1:3)
   b. Kêu gọi dâng lời cảm tạ (Ê-phê-sô 5:4,20; Phi-líp 4:6; Cô-lô-se 3:15,17; 4:2; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18
5. Thốt ra lời cảm tạ

a. Rô-ma 6:17;7:25
b. I Cô-rinh-tô 15:57
c. II Cô-rinh-tô 2:14;8:16;9:15
d. I Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
e. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13

6. Các lời chúc phước kết thúc
   a. Rô-ma 16:20,24 (?)
   b. I Cô-rinh-tô 16:24
   c. II Cô-rinh-tô 13:14
   d. Ga-la-ti 6:18
   e. Ê-phê-sô 6:24

Phao-lô hiểu biết Đức Chúa Trời Ba Ngôi cả về phương diện thần học và thực nghiệm. Trong các thư tín của ông, ông bắt đầu với những lời cầu nguyện và ngợi khen. Ngay giữa những lời giải bày đó, ông tự dưng thốt lên những tiếng cảm tạ và ngợi khen. Ở cuối những lá thư, ông cũng luôn nhớ đến cầu nguyện, cảm tạ, và ngợi khen Đức Chúa Trời. Các thư tín Phao-lô đượm nhuần những lời cầu nguyện, cảm tạ và ngợi khen. Ông nhận biết Đức Chúa Trời, biết về chính mình, và hiểu biết Phúc âm.

▣ **"Amen"** Xem chủ đề đặc biệt ở 1:5.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tập hướng dẫn giải kinh, có nghĩa là bạn phải có trách nhiệm tự làm công việc giải kinh. Mỗi người chúng ta phải bước đi trong sự soi sáng mình có được. Chính bạn, cuốn Kinh thánh và Đức Thánh Linh đóng vai trò ưu tiên trong việc giải nghĩa. Bạn không nên giao trọn điều này cho nhà giải kinh.

Những câu hỏi sau đây giúp bạn suy nghĩ thấu đáo hơn về những vấn đề chính trong phần này. Những câu hỏi này nhằm gợi sự suy nghĩ chứ không có tính dứt khoát.

1. Các hướng dẫn từ Kinh Thánh để gây dựng lại anh em đã sa ngã là gì?
2. Các câu 2 và 5 có mâu thuẫn với nhau không?
3. Câu 6 nói gì về việc các Cơ-Đốc Nhân trợ giúp cho các mục vụ Cơ Đốc Giáo?
4. Diễn tả quy luật gieo và gặt trong Kinh Thánh theo ngôn từ của bạn.
5. Diễn tả hai phương cách dẫn đến sự cứu rỗi mà Kinh Thánh trình bày rõ ràng qua sách Ga-la-ti theo ngôn từ của bạn.
6. Giải thích câu 9 liên hệ với các câu 6 và 7 như thế nào theo ngôn từ của bạn.
7. Nếu cắt bì không phải là điều hệ trọng trong câu 15, tại sao Phao-lô lại quan trọng hóa nó?
8. Việc Hội thánh được gọi là dân Y-sơ-ra-ên thật của Đức Chúa Trời trong câu 16 có nghĩa gì?